

Báo cáo VI

▶ **Việc làm thỏa đáng và nền kinh tế xã hội và đoàn kết**

Nội dung thứ 6 trong chương trình

ISBN 978-92-2-036623-3 (bản in)
ISBN 978-92-2-036622-6 (Web pdf)
ISSN 0074-6681

Ấn bản đầu tiên 2022

Các tên gọi được sử dụng trong các ấn phẩm của ILO phù hợp với thông lệ của Liên Hợp Quốc và cách trình bày tài liệu trong đó không hàm ý thể hiện bất kỳ quan điểm nào của Văn phòng Lao động Quốc tế về tư cách pháp nhân của bất kỳ quốc gia, khu vực hoặc lãnh thổ nào hoặc của chính quyền, hoặc liên quan đến việc phân định biên giới của quốc gia, khu vực, hoặc lãnh thổ đó.

Việc đề cập đến tên doanh nghiệp và sản phẩm, quy trình thương mại không đồng nghĩa với sự ủng hộ từ phía Văn phòng Lao động Quốc tế và việc không đề cập đến tên doanh nghiệp và sản phẩm, quy trình thương mại cụ thể không phải là dấu hiệu của sự không tán thành.

Thông tin về các ấn phẩm và sản phẩm số của ILO có tại: www.ilo.org/publns.

► Mục lục

Từ viết tắt	4
Giới thiệu	7
Chương 1. Nền kinh tế xã hội và đoàn kết trên thế giới	11
Tổng quan về nền kinh tế xã hội và đoàn kết	11
Tổng quan khu vực	15
Châu Phi.....	15
Châu Mỹ	17
Các nước Ả Rập	19
Châu Á và Thái Bình Dương.....	21
Châu Âu và Trung Á.....	23
Chương 2. Những đóng góp vào tạo việc làm thỏa đáng và sự phát triển bền vững.....	27
Việc làm và tạo thu nhập.....	27
Bảo hiểm xã hội và cung cấp dịch vụ xã hội.....	31
Quyền tại nơi làm việc	33
Bình đẳng giới	35
Đổi thoại xã hội	37
Chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức	37
Ngăn chặn và phục hồi từ khủng hoảng, thúc đẩy hòa bình và tăng khả năng chống chịu.....	39
Quá trình chuyển đổi số công bằng	41
Quá trình chuyển đổi công bằng sang tính bền vững về môi trường.....	42
Chương 3. Mối quan hệ với các thành viên của ILO	45
Chính phủ.....	45
Tổ chức của người lao động.....	46
Tổ chức của người sử dụng lao động	48
Chương 4. Hành động của Văn phòng LĐQT đối với nền KTXH&ĐK	51
Bối cảnh lịch sử.....	51
Các chương trình hiện tại	52
Chính sách và quan hệ đối tác về hợp tác phát triển	54
Phát triển năng lực.....	55
Chương 5. Việc làm thỏa đáng và nền KTXH&ĐK: Những thách thức, cơ hội và định hướng trong tương lai.....	59
Thúc đẩy môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK.....	60
Công tác của Văn phòng LĐQT trong tương lai về nền KTXH&ĐK	62
Phụ lục	63

► Từ viết tắt

AICB	Hiệp hội Băng Liên ngành của Burkina Faso
ANGED	Hiệp hội Các công ty phân phối lớn Quốc gia
ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
ATVSLD	An toàn vệ sinh lao động
CANAESS	Phòng Kinh tế Xã hội Đoàn kết Quốc gia
CCSS	Quý An sinh Xã hội Costa Rica
CELAC	Cộng đồng các quốc gia Mỹ La-tinh và Caribê
CEPES	Liên đoàn Người sử dụng lao động Kinh tế Xã hội Tây Ban Nha
CESEC	Hội đồng Kinh tế, Văn hóa và Xã hội ở Mali
CGSCOP	Tổng liên đoàn Hợp tác xã cho Người lao động
Chương trình nghị sự 2030	Chương trình nghị sự năm 2030 vì Sự phát triển bền vững
CIRIEC	Trung tâm Nghiên cứu và Thông tin Quốc tế về Kinh tế Công, Kinh tế Xã hội và Kinh tế Hợp tác xã
CLAC	Mạng lưới Người lao động và Sản xuất Nhỏ về Thương mại Công bằng Châu Mỹ La-tinh và vùng Caribê
CNDS	Ủy ban Đối thoại Xã hội Quốc gia
CNP	Hội đồng Người sử dụng lao động Quốc gia
COPAC	Ủy ban vì Sự xúc tiến và Tiến bộ của Hợp tác xã
DNVVN	Doanh nghiệp vừa và nhỏ
EURICSE	Viện Nghiên cứu Châu Âu về Hợp tác xã và Doanh nghiệp Xã hội
FAO	Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc
FTBC	Liên đoàn Công nhân Gỗ và Xây dựng
GCC	Hội đồng Hợp tác các nước Ả Rập Vùng Vịnh
GECEC	Nhóm chuyên gia về Nền Kinh tế Xã hội và Doanh nghiệp Xã hội
ICA	Liên minh Hợp tác xã Quốc tế
ICANN	Tập đoàn Internet cấp số và tên miền
ICMIF	Liên đoàn Bảo hiểm Hợp tác xã và Bảo hiểm Tương hỗ Quốc tế
IFAD	Quý Phát triển Nông nghiệp Quốc tế
ILO	Tổ chức Lao động Quốc tế
INAES	Viện Kinh tế Xã hội Quốc gia
ITUC	Tổng Liên đoàn Lao động Quốc tế
KTXH&ĐK	Kinh tế xã hội và đoàn kết
LĐQT	Lao động quốc tế
LHQ	Liên Hợp Quốc
MERCOSUR	Khối Thị trường chung Nam Mỹ
OECD	Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế
REMTE	Mạng lưới Phụ nữ Chuyển đổi Nền kinh tế Mỹ La-tinh
RILESS	Mạng lưới các Nhà Nghiên cứu Mỹ La-tinh về Nền Kinh tế Xã hội và Đoàn kết
RIPESS	Mạng lưới Liên Lục địa vì sự Thúc đẩy Nền Kinh tế Xã hội và Đoàn kết
SEWA	Hiệp hội Phụ nữ Tự làm chủ
Trung tâm Turin	Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO
UNACOIS	Liên minh Quốc gia Các thương nhân và nhà sản xuất
UNDP	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
UNHCR	Cao uỷ Liên Hợp Quốc về Người tị nạn
UNIDO	Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc
UNPCB	Hiệp hội Nông dân trồng bông Quốc gia

UNRISD
UNTFSSSE

Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội của Liên Hợp Quốc
Nhóm Chuyên trách Liên cơ quan của Liên Hợp Quốc về Kinh tế Xã
hội & Đoàn kết

UPS
UTRASD
WIEGO

Hiệp hội Người sử dụng lao động Thụy Sĩ
Liên minh Người giúp việc Gia đình
Phụ nữ với việc làm phi chính thức: Toàn cầu hóa và tổ chức đại
diện

► Giới thiệu

1. Vào tháng 3/2021, tại Phiên họp lần thứ 341, Hội đồng Quản trị ILO đã quyết định đưa vào chương trình Phiên họp lần thứ 110 của Hội nghị Lao động Quốc tế (2022) một nội dung thảo luận chung liên quan tới việc làm thoả đáng và nền kinh tế xã hội & đoàn kết (KTXH&ĐK).¹
2. **Quyết định này đã mở đường cho cuộc thảo luận toàn diện đầu tiên về nền KTXH&ĐK tại ILO.** Mặc dù khái niệm nền KTXH&ĐK không mới, nhưng tầm quan trọng về mặt chính sách và mức độ hiện diện của nó đã tăng đáng kể từ đầu thế kỷ này. Tuyên bố của ILO về Công bằng Xã hội vì Toàn cầu hóa Công bằng (2008) công nhận nền kinh tế xã hội vững mạnh mang tầm quan trọng thiết yếu đối với phát triển kinh tế và cơ hội việc làm bền vững. Tuyên bố Thế kỷ về Tương lai Việc làm của ILO (2019) công nhận vai trò của nền KTXH&ĐK trong việc tạo ra việc làm thoả đáng, việc làm năng suất và nâng cao mức sống cho tất cả mọi người. Lời kêu gọi hành động toàn cầu của ILO vì một công cuộc phục hồi từ COVID-19 lấy con người làm trung tâm mang tính bao trùm, bền vững và có khả năng chống chịu (2021) ghi nhận vai trò của nền KTXH&ĐK trong việc phục hồi trên diện rộng, tạo nhiều việc làm với cơ hội việc làm thoả đáng cho tất cả mọi người. Vì vậy, đây là thời điểm thích hợp để thảo luận về giá trị gia tăng của nền KTXH&ĐK và vai trò của nó trong việc thúc đẩy công bằng xã hội thông qua việc làm thoả đáng và thúc đẩy phát triển bền vững.
3. **Ba tiêu chuẩn lao động quốc tế gần đây trực tiếp đề cập đến nền KTXH&ĐK.** Khuyến nghị năm 2002 về Khuyến trợ các hợp tác xã (số 193) nhấn mạnh rằng một xã hội cân bằng cần đến sự hiện diện của khu vực công và khu vực tư nhân vững mạnh, cũng như cần có các hợp tác xã, tổ chức tương hỗ và khu vực xã hội, phi chính phủ khác. Khuyến nghị năm 2015 về Chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức (số 204) công nhận các hợp tác xã và các đơn vị KTXH&ĐK là một phương tiện để tạo điều kiện cho sự chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức, đồng thời công nhận rằng những chủ thể này cũng có thể vận hành trong nền kinh tế phi chính thức. Khuyến nghị năm 2017 về Tuyển dụng và Việc làm thoả đáng vì hòa bình và khả năng chống chịu (số 205) công nhận vai trò của các hợp tác xã và các sáng kiến kinh tế xã hội khác trong việc tạo điều kiện phục hồi và xây dựng khả năng chống chịu.
4. **Thúc đẩy nền KTXH&ĐK vững mạnh cũng liên quan tới việc thúc đẩy các doanh nghiệp bền vững.** Tác động của cuộc khủng hoảng COVID-19 đã làm trầm trọng hơn tình trạng thiếu hụt việc làm thoả đáng vốn đã tồn đọng, tăng sự nghèo đói, gia tăng bất bình đẳng và làm bộc lộ khoảng cách số trong nước và giữa các nước.² Vào thời điểm ngày càng có nhiều lời kêu gọi về các cách thức kinh doanh mới, nền KTXH&ĐK có thể cung cấp cơ sở cho một mô hình doanh nghiệp thúc đẩy tính toàn diện, tính bền vững và khả năng chống chịu.³ Các chủ thể KTXH&ĐK là doanh nghiệp bền vững ở mức độ có khả năng kinh tế và tuân theo các giá trị, nguyên tắc của nền KTXH&ĐK, như được mô tả trong Chương 1, dẫn đến sự ưu tiên phẩm cách con người, tính bền vững môi trường và việc làm thoả đáng hơn là thực sự tìm kiếm lợi nhuận.⁴
5. **Kể từ khi thành lập, ILO đã thấy trước sự liên quan của các hợp tác xã – vốn cấu thành bộ phận có tổ chức nhất của nền KTXH&ĐK ở nhiều quốc gia trên thế giới⁵ – đối với chức năng, nhiệm vụ của tổ chức.** Điều 12 của Hiến chương ILO quy định rằng ILO “có thể sắp xếp các điều kiện tham vấn phù hợp [...] khi thấy rằng tham vấn là cần thiết, với các tổ chức quốc tế phi chính phủ có uy tín, bao gồm các tổ chức quốc tế của người sử dụng lao động, người lao động, nhà nông và các xã viên hợp tác xã.” Ngay từ năm 1919, quan hệ chính thức đã được

¹ ILO, *Biên bản Phiên họp lần thứ 341 của Hội đồng Quản trị Văn phòng Lao động Quốc tế*, GB.341/PV, 2021, đoạn 50.

² ILO, *Lời kêu gọi Hành động Toàn cầu của ILO vì một công cuộc phục hồi từ COVID-19 lấy con người làm trung tâm mang tính bao trùm, bền vững và có khả năng chống chịu*, 2021, đoạn 3.

³ Doanh nghiệp là “quan điểm về một đơn vị thể chế với tư cách là nhà sản xuất hàng hóa và dịch vụ. Thuật ngữ doanh nghiệp có thể đề cập đến một công ty, một công ty bán phần, một [tổ chức phi lợi nhuận] hoặc một công ty chưa có tư cách pháp nhân.” Tham khảo Liên Hợp Quốc và cộng sự, *Hệ thống Tài khoản Quốc gia 2008*, 2009, đoạn 5.1.

⁴ ILO, *Các kết luận liên quan đến việc thúc đẩy các doanh nghiệp bền vững*, Hội nghị Lao động Quốc tế, Phiên họp thứ 96, Geneva, 2007. Các kết luận đề cập rõ ràng đến các hợp tác xã.

⁵ David Hiez, *Hướng dẫn Viết Luật cho nền kinh tế xã hội và đoàn kết* (Diễn đàn Quốc tế về nền KTXH&ĐK, 2021).

thiết lập giữa ILO và Liên minh Hợp tác xã Quốc tế (ICA). Hợp tác xã đã được đưa vào các tiêu chuẩn lao động quốc tế từ năm 1947. Khuyến nghị số 193 cung cấp khuôn khổ để phát triển các chính sách và pháp luật liên quan đến hợp tác xã trong thế kỷ XXI.

- 6. ILO đã đi đầu trong việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK trong hệ thống Liên Hợp Quốc (LHQ).** Năm 1971, ILO đồng sáng lập Ủy ban vì Sự xúc tiến và Tiến bộ của Hợp tác xã (COPAC). Đây là sự hợp tác nhiều bên giữa các cơ quan LHQ và các tổ chức hợp tác xã nhằm hỗ trợ thúc đẩy và phát triển các hoạt động về hợp tác xã. Vào năm 2013, COPAC đã đồng sáng lập Nhóm Chuyên trách Liên cơ quan của LHQ về KTXH&ĐK (UNTFSSSE), bao gồm 17 cơ quan của LHQ và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) với tư cách là thành viên, 14 tổ chức xã hội dân sự và các viện nghiên cứu với tư cách là quan sát viên. Với vai trò dẫn dắt của ILO trong các nền tảng đa phương này, cuộc thảo luận chung sẽ là công cụ thúc đẩy sự gắn kết cao hơn trong hệ thống đa phương về vai trò của nền KTXH&ĐK trong việc thúc đẩy phát triển bền vững thông qua việc làm thoả đáng.
- 7. Do tầm quan trọng ngày càng tăng của nền KTXH&ĐK, cần làm rõ thêm về định nghĩa, thước đo, quy mô, tác động, hạn chế và tiềm năng của nền KTXH&ĐK.** Nền KTXH&ĐK đã được biết đến với vai trò tạo và duy trì việc làm cũng như cung cấp dịch vụ cho các thành viên, người dùng và cộng đồng trong đại dịch toàn cầu COVID-19.⁶ Cuộc thảo luận chung là cuộc tranh luận cấp cao đầu tiên trong bất kỳ quỹ, chương trình hoặc cơ quan nào thuộc hệ thống LHQ liên quan tới tiềm năng phát triển của nền KTXH&ĐK. Vai trò dẫn dắt của ILO trong việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK bắt nguồn từ nhiệm vụ theo hiến chương của tổ chức này. Nó cũng phản ánh mối quan hệ giữa nền KTXH&ĐK, trong đó nền kinh tế phục vụ con người và hành tinh, và sứ mệnh công bằng xã hội của ILO và Chương trình nghị sự về Việc làm Thoả đáng. Trách nhiệm theo hiến chương của ILO, xuất phát từ Tuyên bố Philadelphia năm 1944, là kiểm tra và xem xét các chính sách và biện pháp kinh tế, tài chính theo mục tiêu cơ bản là “tất cả mọi người, không phân biệt chủng tộc, tín ngưỡng hay giới tính, đều có quyền được theo đuổi sự đủ đầy về vật chất và sự phát triển tinh thần của họ trong điều kiện bảo đảm tự do, nhân phẩm, an ninh kinh tế và cơ hội bình đẳng”.⁷
- 8. Theo thỏa thuận của Hội đồng Quản trị ILO tại Phiên họp thứ 341 (tháng 3/2021), kết quả dự kiến của cuộc thảo luận chung là đi đến các kết luận và nghị quyết nhằm cung cấp thêm hướng dẫn cho Tổ chức.** Những kết quả dự kiến này bao gồm:
 - đưa ra được một định nghĩa phổ cập về thuật ngữ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết”, bao gồm các nguyên tắc và giá trị liên quan;
 - đánh giá sự đóng góp của nền KTXH&ĐK đối với việc làm thoả đáng cũng như đối với việc quản lý và thúc đẩy hỗ trợ tổng thể cho mọi người thông qua quá trình chuyển đổi mà họ phải đối mặt trong suốt quãng thời gian lao động;
 - đưa ra các hướng dẫn chính sách cho các Quốc gia Thành viên mong muốn thiết lập một môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK quốc gia;
 - trang bị cho Văn phòng Lao động Quốc tế (LĐQT) hướng dẫn về cách tham gia vào việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK trên toàn thế giới, bao gồm thông qua hợp tác phát triển; và
 - khuyến khích Văn phòng LĐQT thiết lập và duy trì nhiều quan hệ đối tác với các thể chế, tổ chức và cơ quan đại diện cho nền KTXH&ĐK hoặc tham gia vào việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK.⁸

⁶ OECD, “Nền kinh tế xã hội và khủng hoảng COVID-19: Vai trò hiện tại và tương lai”, Ứng phó Chính sách của OECD đối với virus corona (COVID-19), 2020.

⁷ Tuyên bố Philadelphia, Phần II(a).

⁸ ILO, *Chương trình Hội nghị Lao động Quốc tế: Chương trình các phiên họp tương lai của Hội nghị*, GB.341/INS/3/1(Rev.2), 2021, Phụ lục I, đoạn 8.

9. Bản báo cáo này được chia làm 5 chương như sau:

- Chương 1 mô tả tổng quan nền KTXH&ĐK trên toàn thế giới, tìm hiểu chi tiết các nền tảng khái niệm và đề xuất định nghĩa phục vụ thảo luận. Phần này cũng đưa ra tổng quan trên phạm vi khu vực về nền KTXH&ĐK.
- Chương 2 đưa ra bằng chứng về những đóng góp của nền KTXH&ĐK đối với các ưu tiên phát triển toàn cầu được xác định trong Chương trình nghị sự về Việc làm Thoả đáng và rộng hơn là Chương trình nghị sự năm 2030 vì Sự phát triển bền vững (Chương trình nghị sự 2030).
- Chương 3 thảo luận về mối quan hệ của các đối tác ba bên của ILO với nền KTXH&ĐK, với các ví dụ ở nhiều nơi trên thế giới.
- Chương 4 mô tả công việc của Văn phòng LĐQT về nền KTXH&ĐK, tập trung cụ thể vào bối cảnh lịch sử, các chương trình hiện tại, chính sách hợp tác phát triển, quan hệ đối tác và các hoạt động phát triển năng lực.
- Chương 5 thảo luận về con đường phía trước trong việc tăng cường đóng góp của nền KTXH&ĐK đối với việc làm thoả đáng và phát triển bền vững. Chương này nhấn mạnh tầm quan trọng của việc thúc đẩy một môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK, thảo luận về mối liên kết giữa nền KTXH&ĐK và tương lai việc làm, đồng thời đề xuất phương hướng cho công việc của Văn phòng trong tương lai liên quan tới nền KTXH&ĐK.⁹

⁹ Việc đề cập đến tên hoặc ấn phẩm và ví dụ được cung cấp trong báo cáo này không đồng nghĩa với sự xác nhận từ phía Văn phòng LĐQT và việc không đề cập đến tên, ấn phẩm hoặc ví dụ cụ thể không phải là dấu hiệu của sự không tán thành. Bằng chứng thực nghiệm được đề cập chủ yếu dựa trên các nguồn thứ cấp được cho là đáng tin cậy. Văn phòng LĐQT không đảm bảo tính chính xác hoặc đầy đủ của bất kỳ thông tin nào như vậy, bao gồm các liên kết đến các trang web và không chịu trách nhiệm xác minh bất kỳ thông tin nào.

► Chương 1. Nền kinh tế xã hội và đoàn kết trên thế giới

Tổng quan về nền kinh tế xã hội và đoàn kết

10. **“Nền kinh tế xã hội và đoàn kết” (viết tắt là “nền KTXH&ĐK”) là một thuật ngữ chung bao hàm nhiều đơn vị thể chế.**¹⁰ Thuật ngữ này đã trở nên nổi bật trong hệ thống của Liên Hợp Quốc thông qua UNTFSSSE và trong các tài liệu chính thức của ILO như Tuyên bố Thế kỷ về Tương lai Việc làm của ILO (2019) và Lời kêu gọi Hành động Toàn cầu của ILO vì một công cuộc phục hồi từ COVID-19 lấy con người làm trung tâm mang tính bao trùm, bền vững và có khả năng chống chịu (2021). Tuy nhiên, thuật ngữ này hiện chưa được chấp nhận rộng rãi. Các thuật ngữ khác liên quan mật thiết với nền KTXH&ĐK bao gồm một số thuật ngữ như "nền kinh tế xã hội", "khu vực thứ ba", "doanh nghiệp xã hội", "khu vực phi lợi nhuận", "nền kinh tế đoàn kết", "nền kinh tế thay thế" và "nền kinh tế đại chúng".¹¹
11. **Các thuật ngữ khác nhau phản ánh sự đa dạng về truyền thống.** Tùy thuộc vào ngữ cảnh, những thuật ngữ này có thể hoán đổi với thuật ngữ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết” hoặc khác nhau ở nhiều mức độ về nội dung và ý nghĩa. Báo cáo này sử dụng thuật ngữ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết”, thuật ngữ này đủ bao quát để phù hợp với truyền thống và thực tế đa dạng giữa các quốc gia và khu vực.
12. **Kể từ đầu thế kỷ này, luật về nền KTXH&ĐK đã được thông qua tại ít nhất 20 quốc gia.** Luật pháp quốc gia về nền KTXH&ĐK đã được xây dựng tại Nhà nước đa dân tộc Bolivia, Cabo Verde, Cameroon, Colombia, Costa Rica, Djibouti, Ecuador, Pháp, Hy Lạp, Honduras, Luxembourg, Mexico, Bồ Đào Nha, Romania, Senegal, Slovakia, Tây Ban Nha, Tunisia, Uruguay và Cộng hòa Bolivar Venezuela. Các quốc gia khác, ví dụ như Brazil, Cộng hòa Dominica, Hàn Quốc và Nam Phi, hiện đang chuẩn bị các chính sách cho nền KTXH&ĐK cấp quốc gia. Một số quốc gia, bao gồm Argentina (Entre Rios, Mendoza và Rio Negro), Bỉ (Brussels và Wallonia), Brazil (Minas Gerais, cùng các bang khác), Canada (Quebec) và Ý (Emilia Romagna, cùng các vùng khác) đã thông qua luật về nền KTXH&ĐK tại cấp địa phương. Ở nhiều quốc gia, bao gồm Chile, Mali và Nicaragua, các cơ quan chính phủ về KTXH&ĐK đã được thành lập theo luật.
13. **Một định nghĩa đầy đủ về nền kinh tế xã hội và đoàn kết nên chỉ rõ ai làm gì, làm như thế nào và tại sao (nói cách khác, các tác nhân, hoạt động, nguyên tắc và giá trị của nền KTXH&ĐK).** Một cách hiểu chung về nền KTXH&ĐK đang xuất hiện từ sự phát triển của pháp luật và khuôn khổ thống kê về nền KTXH&ĐK. Mặc dù đang có sự đồng thuận về các giá trị và nguyên tắc trong nền KTXH&ĐK, nhưng chưa có sự đồng thuận toàn cầu nào về các hình thức tổ chức được gộp chung dưới khái niệm này. Cho dù một định nghĩa được thống nhất phổ cập có thể không bao hàm đầy đủ tính đa dạng của nền KTXH&ĐK trên toàn thế giới, nhưng nếu không có định nghĩa này sẽ cản trở việc thể hiện đầy đủ nền KTXH&ĐK trong các chính sách, chiến lược phát triển quốc tế. Điều này cũng cản trở việc tổng hợp các số liệu thống kê về nền KTXH&ĐK toàn diện, đáng tin cậy và có thể so sánh trên phạm vi quốc tế.
14. **Tập hợp các giá trị phân biệt nền KTXH&ĐK với các thành phần khác của nền kinh tế, như thể hiện trong luật pháp cấp trung ương và địa phương, có thể phân thành năm loại khác nhau như dưới đây.**¹²
 - Quan tâm tới con người và hành tinh: phát triển con người toàn diện, đáp ứng nhu cầu của cộng đồng, đa dạng văn hóa, văn hóa sinh thái và tính bền vững.
 - Chủ nghĩa quân bình: công lý, công bằng xã hội, bình đẳng, công bằng, vô tư và không phân biệt đối xử.
 - Sự tương thuộc: đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau, hợp tác, gắn kết xã hội và hòa nhập xã hội.

¹⁰ Đơn vị thể chế là một “chủ thể kinh tế có khả năng độc lập trong việc sở hữu tài sản, chịu những khoản nợ và tham gia vào các hoạt động kinh tế cũng như giao dịch với các chủ thể khác.” Các đơn vị thể chế bao gồm tập đoàn phi tài chính, tập đoàn tài chính, chính phủ nói chung, hộ gia đình và các tổ chức phi lợi nhuận phục vụ hộ gia đình. Tham khảo Liên Hợp Quốc và cộng sự, đoạn 4.2.

¹¹ Frank Moulaert và Oana Ailenei, “Nền kinh tế xã hội, khu vực thứ ba và các mối quan hệ đoàn kết: Tổng hợp khái niệm từ quá khứ tới hiện tại”, *Các nghiên cứu đô thị* 42, Số 11 (2005): 2037–2053.

¹² Các giá trị của nền KTXH&ĐK được đưa ra dựa trên đánh giá của Văn phòng LĐTQ về một số luật được chọn lọc về nền KTXH&ĐK của Argentina (Entre Rios), Cabo Verde, Honduras, Mexico, Bồ Đào Nha và Cộng hòa Bolivar Venezuela, tất cả đều có nhắc đến các giá trị của nền KTXH&ĐK một cách rõ ràng.

- Chính trực: minh bạch, trung thực, tin cậy, chịu trách nhiệm và chia sẻ trách nhiệm.
- Tính tự quản: tự quản lý, tự do, dân chủ, tham gia và hỗ trợ.

15. Một tập hợp các nguyên tắc của nền KTXH&ĐK giúp định hình các giá trị của nền kinh tế này.

Mặc dù một giá trị hoặc nguyên tắc cụ thể về nền KTXH&ĐK có thể áp dụng bên ngoài phạm vi nền kinh tế đó, nhưng chính tập hợp các giá trị nền KTXH&ĐK và tập hợp các nguyên tắc cùng nhau tạo nên sự gắn kết của nền kinh tế này. Có 5 nguyên tắc nổi bật về nền KTXH&ĐK trong luật pháp mới đây về nền kinh tế này:¹³

- **Mục đích xã hội hoặc mục đích công:** Các chủ thể KTXH&ĐK hướng tới mục tiêu đáp ứng nhu cầu của các thành viên, hoặc cộng đồng hay xã hội nơi các chủ thể hoạt động hoặc sinh sống, chứ không phải là tối đa hóa lợi nhuận. Mục tiêu có thể là vì xã hội, văn hóa, kinh tế hoặc môi trường, hoặc là sự kết hợp của các mục tiêu trên. Để thúc đẩy tinh thần đoàn kết trong tập thể và trong xã hội, các chủ thể này tìm cách dung hòa lợi ích của các thành viên, người dùng hoặc người thụ hưởng và lợi ích chung. Một số luật quốc gia gọi nguyên tắc này là “ưu tiên con người và mục đích xã hội lên trên lợi nhuận”.
- **Nghiêm cấm hoặc hạn chế phân phối lợi nhuận:** Các chủ thể KTXH&ĐK tạo ra kết quả tích cực (có lợi nhuận hoặc thặng dư) phải sử dụng kết quả này phù hợp với mục đích của họ.¹⁴ Những chủ thể không bị cấm phân phối lợi nhuận có những hạn chế đáng kể về khả năng tạo và phân phối lợi nhuận. Những chủ thể phân phối phần thặng dư thực hiện việc này dựa trên hoạt động của thành viên, chẳng hạn như công việc, dịch vụ, mức độ sử dụng hay bảo trợ, thay vì dựa trên vốn đầu tư. Trong trường hợp bán, chuyển đổi hoặc giải thể, nhiều chủ thể bị ràng buộc về mặt pháp lý trong việc chuyển bất kỳ khoản thu nhập hoặc tài sản còn lại nào sang một chủ thể bị hạn chế tương tự. Một số luật quốc gia gọi nguyên tắc này là “ưu tiên con người và công việc hơn vốn”.
- **Quản trị dân chủ và có nhiều bên tham gia:** Các quy tắc áp dụng cho các chủ thể KTXH&ĐK quy định về quản trị dân chủ, có nhiều bên tham gia và minh bạch, cho phép sự kiểm soát của thành viên thông qua sự tham gia tích cực trong việc xây dựng chính sách và ra quyết định, cũng như bằng cách quy trách nhiệm cho các đại diện được bầu. Trong các tổ chức KTXH&ĐK quan trọng, thành viên có quyền biểu quyết ngang nhau (một thành viên bằng một phiếu bầu). Cấu trúc ngành ngang và dọc của nền KTXH&ĐK cũng được tổ chức một cách dân chủ.
- **Hợp tác tự nguyện:** Việc tham gia vào các tổ chức KTXH&ĐK không mang tính ép buộc hay bắt buộc, và phải có một yếu tố lựa chọn đáng kể. Các thành viên và người dùng tham gia và tiếp tục ở trong các tổ chức KTXH&ĐK một cách tự nguyện và tự do, không bị phạt hay đe dọa bị phạt vì không tham gia. Các đơn vị KTXH&ĐK có thể tham gia hợp tác tự nguyện và hỗ trợ lẫn nhau với các đơn vị KTXH&ĐK khác, tạo ra cấu trúc theo chiều dọc và chiều ngang.
- **Tự chủ và độc lập:** Các đơn vị KTXH&ĐK có tính tự quản. Các chủ thể này phải được hưởng quyền tự chủ và độc lập với các cơ quan công quyền và các chủ thể khác bên ngoài nền KTXH&ĐK, không phải chịu sự can thiệp hoặc kiểm soát quá mức. Nếu họ ký kết thỏa thuận với các đơn vị KTXH&ĐK khác hoặc chủ thể thuộc khu vực công và tư nhân, hoặc huy động vốn từ nguồn bên ngoài, thì họ phải thực hiện việc này theo các điều khoản nhất quán với các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK.

16. Sản xuất hàng hóa và dịch vụ là loại hoạt động chính thuộc nền KTXH&ĐK được quy định trong luật pháp quốc gia. Một số luật quốc gia cũng đề cập đến hoạt động tiêu dùng. Các luật về nền KTXH&ĐK đề cập đến việc tích lũy tài sản thường đặt ra những hạn chế đối với việc tích lũy đó. Trên thế giới, các hoạt động thuộc nền KTXH&ĐK diễn ra thuộc tất cả các phần của Phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn Quốc tế về Tất cả các Hoạt động Kinh tế (tái bản lần thứ tư).¹⁵

¹³ Các nguyên tắc của nền KTXH&ĐK được đưa ra dựa trên đánh giá về một số luật được chọn lọc về nền KTXH&ĐK của Argentina (Entre Rios, Mendoza), Bỉ (Wallonia), Bulgaria, Cabo Verde, Cameroon, Canada (Quebec), Colombia, Djibouti, Ecuador, Pháp, Hy Lạp, Honduras, Luxembourg, Mexico, Bồ Đào Nha, Romania, Senegal, Slovakia, Tây Ban Nha, Tunisia, Uruguay và Cộng hòa Bolívar Venezuela.

¹⁴ Trong hợp tác xã, thặng dư thu được từ các giao dịch với các thành viên, trong khi lợi nhuận thu được từ các giao dịch với những bên không phải là thành viên, nếu có. Tham khảo Hagen Henry, *Hướng dẫn về Pháp luật Hợp tác xã: Tái bản lần thứ ba* (ILO, 2012).

¹⁵ LHQ, *Phân loại Công nghiệp Tiêu chuẩn Quốc tế về Tất cả các Hoạt động Kinh tế (ISIC), tái bản lần thứ tư*, 2008.

17. **Các chủ thể của nền KTXH&ĐK là các đơn vị thể chế tuân thủ các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK.** Luật pháp quốc gia và các định nghĩa quốc tế cho phép xác định sự đa dạng của các hình thức tổ chức trong nền KTXH&ĐK, bao gồm nhưng không giới hạn ở hợp tác xã, hội tương hỗ, hiệp hội, quỹ từ thiện, nhóm tự lực và doanh nghiệp xã hội, như được mô tả dưới đây.

- **Hợp tác xã** là “một hiệp hội tự chủ bao gồm những người tự nguyện liên kết với nhau để đáp ứng các nhu cầu và nguyện vọng chung về kinh tế, xã hội và văn hóa của họ thông qua một doanh nghiệp sở hữu chung và được kiểm soát một cách dân chủ.”¹⁶
- **Hội tương hỗ** được tổ chức bởi các cá nhân có mong muốn cải thiện tình hình kinh tế của mình thông qua hoạt động tập thể. Hình thức này khác với hợp tác xã bởi đây là một cơ chế chia sẻ rủi ro, có thể là rủi ro cá nhân hoặc rủi ro tài sản, thông qua việc đóng góp định kỳ vào một quỹ chung.¹⁷
- **Hiệp hội** là một pháp nhân chủ yếu tham gia vào việc sản xuất các dịch vụ phi thị trường cho các hộ gia đình hoặc cộng đồng nói chung và có nguồn lực chính là các khoản đóng góp tự nguyện. Một hiệp hội dựa vào cộng đồng hoặc ở cấp cơ sở hoạt động dựa trên thành viên và cung cấp các dịch vụ hoặc lên tiếng ủng hộ thành viên của một khu dân cư, cộng đồng hoặc làng bản cụ thể.¹⁸
- **Quỹ từ thiện** là một chủ thể có quyền sử dụng tài sản hoặc nguồn vốn, và sử dụng thu nhập do những tài sản đó tạo ra để tài trợ cho các tổ chức khác hoặc thực hiện các dự án, chương trình của riêng mình.¹⁹
- **Nhóm tự lực** tương tự như hợp tác xã và hội tương hỗ, trong đó các cá nhân tham gia để đạt được mục tiêu hỗ trợ lẫn nhau, chẳng hạn như hỗ trợ kỹ thuật và hỗ trợ tài chính, mà họ không thể làm được khi thực hiện một mình. Tuy nhiên, loại hình tổ chức này khác với hai hình thức trên ở chỗ nó chủ yếu không tham gia vào các hoạt động thương mại.²⁰ Hơn nữa, nhiều nhóm tự lực hoạt động trong nền kinh tế phi chính thức.
- **Doanh nghiệp xã hội** là một chủ thể sử dụng các phương tiện thị trường nhưng chủ yếu để phục vụ các mục đích xã hội, chẳng hạn như sử dụng và đào tạo những cá nhân chịu thiệt thòi (ví dụ: người khuyết tật và những người thất nghiệp dài hạn), sản xuất các sản phẩm có giá trị xã hội cụ thể hoặc phục vụ những người yếu thế trong xã hội theo những cách khác.²¹

18. **Nhiều luật về nền KTXH&ĐK bao gồm các hình thức tổ chức theo bối cảnh cụ thể như một phần của nền KTXH&ĐK.** Đáng chú ý, những hình thức như vậy bao gồm *ejido* và *comunidad*,²² tổ chức của người lao động, tiền hợp tác xã, doanh nghiệp hoà nhập, trung tâm việc làm đặc biệt, hợp tác xã nền tảng, hiệp hội lâm nghiệp và ngư nghiệp cộng đồng, tổ chức của người sản xuất và nông dân, nhóm lợi ích kinh tế, đơn vị kinh tế đại chúng, hiệp hội tài chính vi mô, các hiệp hội văn hóa, giải trí và phát triển địa phương với các mục tiêu vì con người, và các tiểu ngành mang tính cộng đồng và tự quản lý. Luật pháp cấp quốc gia về nền KTXH&ĐK thường coi bất kỳ hình thức tổ chức nào khác đều là một phần của nền KTXH&ĐK nếu nó tuân thủ các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK như được nêu trong luật đó.

19. **Nền KTXH&ĐK vượt qua sự phân chia truyền thống.** Khái niệm này bao hàm những nhà sản xuất thị trường và phi thị trường, các chủ thể hoạt động trong nền kinh tế chính thức và phi chính thức. Ví dụ về các nhà sản xuất thị trường gồm có hợp tác xã, tổ chức tương hỗ và doanh nghiệp xã hội, trong khi các nhà sản xuất phi thị trường bao gồm các hiệp hội và quỹ từ thiện. Các chủ thể KTXH&ĐK có tính chất kép. Các chủ thể này vừa là tổ chức, vừa là doanh nghiệp. Là nhóm các cá nhân được tập hợp với một mục đích nhất định, các chủ thể này là tổ chức. Với tư cách là nhà sản xuất hàng hoá và dịch vụ, các chủ thể này là doanh nghiệp. Một số văn bản đã sử dụng thuật ngữ “doanh nghiệp” theo nghĩa hẹp hơn so với định nghĩa quốc tế, ví dụ như giới hạn các doanh nghiệp trong nền KTXH&ĐK là các chủ thể thị trường, còn tổ chức KTXH&ĐK là các chủ thể phi thị trường. Mặc dù một số khái niệm loại trừ các

¹⁶ ILO, *Khuyến nghị số 193*.

¹⁷ LHQ và cộng sự, đoạn 23.22

¹⁸ LHQ và cộng sự, đoạn 2.17(e) và 23.19(g)

¹⁹ LHQ và cộng sự, đoạn 23.19(f).

²⁰ LHQ và cộng sự, đoạn 23.24.

²¹ LHQ, *Tài khoản Vệ tinh về Tổ chức Phi lợi nhuận, Tổ chức Liên quan và Công việc Tình nguyện*, 2018.

²² Ở Mexico, *ejido* là những khu vực đất canh tác chung theo một hệ thống được Nhà nước hỗ trợ và *comunidad* là các hiệp hội đất đai nơi quyền sở hữu đất đai được nắm giữ chung.

chủ thể kinh tế phi chính thức khởi nền KTXH&ĐK, Khuyến nghị số 204 công nhận rằng các chủ thể KTXH&ĐK có thể hoạt động trong nền kinh tế phi chính thức.

20. Có nhiều ý kiến khác nhau về việc nền KTXH&ĐK là một phần của khu vực tư nhân hay là thành phần trực thuộc nền kinh tế riêng biệt với khu vực công và khu vực tư nhân. Việc đề cập đến “khu vực tư nhân” trong các cuộc thảo luận ba bên của ILO dường như phản ánh hai cách hiểu về thuật ngữ này.²³ Theo cách hiểu thứ nhất, khu vực tư nhân bao gồm các đơn vị thể chế không thuộc hoặc không chịu sự kiểm soát của chính phủ. Theo cách hiểu thứ hai, khu vực tư nhân bao gồm các doanh nghiệp nằm ngoài khu vực công, có mục đích chính là tối đa hóa lợi nhuận và phân phối lợi nhuận dựa trên vốn đầu tư. Theo nghĩa thứ nhất, khu vực tư nhân bao gồm nền KTXH&ĐK, vẫn có tính khác biệt và không thể quy giản thành khu vực tư nhân tối đa hóa lợi nhuận. Theo nghĩa thứ hai, nền KTXH&ĐK khác biệt với cả khu vực công và khu vực tư nhân.

21. Có nhiều điểm tương đồng giữa các chính sách và pháp luật về nền KTXH&ĐK trong mô tả về đặc điểm của nền KTXH&ĐK. Các nền tảng cho đề xuất định nghĩa về nền KTXH&ĐK bao gồm một thuật ngữ duy nhất (nền kinh tế xã hội và đoàn kết); một tập hợp các nguyên tắc bắt nguồn từ một tập hợp các giá trị; và nhiều hình thức tổ chức khác nhau. Cùng với nhau, các yếu tố này là cơ sở cho định nghĩa được đề xuất để phục vụ thảo luận.

► Định nghĩa được đề xuất về nền kinh tế xã hội và đoàn kết phục vụ thảo luận

Nền kinh tế xã hội và đoàn kết (KTXH&ĐK) bao gồm các đơn vị thể chế có mục đích xã hội hoặc mục đích công, tham gia vào các hoạt động kinh tế dựa trên sự hợp tác tự nguyện, quản trị dân chủ và có nhiều bên tham gia, tự chủ và độc lập, các quy tắc cấm hoặc hạn chế phân phối lợi nhuận. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể gồm các hợp tác xã, hiệp hội, hội tương hỗ, quỹ từ thiện, doanh nghiệp xã hội, nhóm tự lực và các đơn vị khác hoạt động theo các giá trị và nguyên tắc KTXH&ĐK trong nền kinh tế chính thức và phi chính thức.

22. Định nghĩa được đề xuất dựa trên các chính sách và luật hiện hành về nền KTXH&ĐK. Định nghĩa này cũng lấy thông tin từ những khái niệm gần đây nhất về chính sách và số liệu thống kê về nền KTXH&ĐK.²⁴ Do đó, định nghĩa này đã sẵn sàng để áp dụng. Định nghĩa được đề xuất hướng tới tính linh hoạt và phù hợp với các tình huống trong bối cảnh quốc gia khác nhau, thích hợp với sự đa dạng của các chủ thể KTXH&ĐK trên toàn thế giới và sự đa dạng của các khung khái niệm trong chính sách, luật pháp và khung thống kê của nền KTXH&ĐK.

23. Định nghĩa được đề xuất có thể tạo động lực cho đối thoại xã hội định hướng chính sách về nền KTXH&ĐK ở nhiều cấp độ. Hơn nữa, nó nhằm mục đích cho phép tinh chỉnh thêm các khung thống kê về nền KTXH&ĐK, từ đó cho phép thu thập dữ liệu có hệ thống hơn. Có ba thách thức liên quan đến việc đo lường và so sánh phạm vi, quy mô và tác động của nền KTXH&ĐK trên các địa điểm hoặc bối cảnh khác nhau: đó là sự phức tạp của chính nền KTXH&ĐK; thiếu định nghĩa chung về nền KTXH&ĐK; và sự kém phát triển của các phương pháp đo lường nền KTXH&ĐK.²⁵ Có dữ liệu về quy mô nền KTXH&ĐK đối với một số hình thức tổ chức nhất định (chủ yếu là hợp tác xã, liên minh tín dụng và hội tương hỗ) và một số khu vực, quốc gia nhất định, nhưng không có số liệu đối với toàn bộ nền KTXH&ĐK ở quy mô toàn cầu.²⁶ Các cơ quan thống kê quốc gia thường không đo lường và phân tích nền KTXH&ĐK như một phần cụ thể của nền kinh tế, vì vậy các thành phần của nền KTXH&ĐK xuất hiện dưới các đầu

²³ ILO, *Báo cáo của Ủy ban Xúc tiến Hợp tác xã*, Hồ sơ thủ tục, Hội nghị Lao động Quốc tế, Phiên họp thứ 90, 2002 (Hồ sơ số 23).

²⁴ Bénédicte Fonteneau và cộng sự, *Nền kinh tế xã hội và đoàn kết: Con đường chung của chúng ta hướng tới việc làm thoả đáng*, Tài liệu Khoa học của ILO về Nền kinh tế xã hội và đoàn kết (Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO, 2011); Peter Utting, *Chính sách công cho nền KTXH&ĐK: Đánh giá tiến độ ở 7 quốc gia* (Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO, 2017); Bénédicte Fonteneau và Ignace Pollet, *Đóng góp của nền kinh tế xã hội & đoàn kết và tài chính xã hội cho tương lai việc làm* (ILO, 2019); Marie J. Bouchard và Gabriel Salathé-Beaulieu, *Tạo ra số liệu thống kê về nền kinh tế xã hội và đoàn kết: Những phát triển mới nhất* (UNFSSE, 2021); LHQ, *Tài khoản Vệ tinh về Tổ chức Phi lợi nhuận và Các Tổ chức và Hoạt động Tình nguyện liên quan*, 2018.

²⁵ UNRISD, “Đo lường Quy mô và Tác động của Nền kinh tế xã hội và đoàn kết”, Bản tóm tắt số 09, tháng 8/2018.

²⁶ Bouchard và Salathé-Beaulieu, 11.

mục riêng biệt trong thống kê. Tài khoản vệ tinh đã được phát triển ở những nước như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha cho tất cả các chủ thể KTXH&ĐK chịu sự điều chỉnh của pháp luật tương ứng.

24. **Hoạt động khái niệm hoá để đo lường nền KTXH&ĐK có thể được xây dựng dựa trên hướng dẫn gần đây liên quan đến thước đo cho hợp tác xã.** Năm 2013, Hội nghị Thống kê Lao động Quốc tế lần thứ 19 đã thông qua nghị quyết kêu gọi tăng cường nỗ lực thu thập số liệu thống kê về hợp tác xã.²⁷ Sau đó, ILO phối hợp với COPAC, chuẩn bị *Hướng dẫn liên quan đến số liệu thống kê hợp tác xã*, được thông qua tại Hội nghị Quốc tế lần thứ 20 vào năm 2018.²⁸ Văn phòng LĐQT đang nỗ lực kiểm tra và phát triển thông tin trong Hướng dẫn ở các quốc gia được lựa chọn nhằm xây dựng một bộ số liệu thống kê chặt chẽ, hài hòa và chuẩn hóa về hợp tác xã.²⁹ Vào năm 2021, UNTFSSSE đã xuất bản ba tài liệu nghiên cứu về số liệu thống kê của nền KTXH&ĐK, tập trung vào: những phát triển mới nhất;³⁰ lập sơ đồ;³¹ khuyến nghị chính sách và định hướng cho nghiên cứu trong tương lai.³²

Tổng quan khu vực

25. **Phần này nghiên cứu thực trạng của nền KTXH&ĐK ở nhiều khu vực khác nhau.** Phần này thảo luận về các biến thể trong khu vực về việc sử dụng thuật ngữ liên quan đến nền KTXH&ĐK, trình bày những điểm nổi bật về chính sách công, luật pháp và quy định về nền KTXH&ĐK ở mỗi khu vực, đồng thời nghiên cứu cách triển khai nền KTXH&ĐK trong các tổ chức kinh tế hoặc chính trị trong khu vực.

Châu Phi

26. **Các nguyên tắc nền KTXH&ĐK đã được áp dụng ở khu vực châu Phi trong nhiều thế kỷ.** Khái niệm này lần đầu tiên được nhắc tới trong bối cảnh châu Phi, vào thập kỷ đầu tiên của thế kỷ XXI, ban đầu là ở khu vực Bắc và Tây Phi nói tiếng Pháp, sau đó là phần còn lại của lục địa. Tuy nhiên, các nhóm tự lực, hiệp hội, tổ chức tương hỗ và các tổ chức tương tự dựa trên thành viên từ lâu đã phổ biến rộng rãi trên lục địa này. Nguồn gốc của những loại hình tổ chức này bắt nguồn từ các hệ thống, cấu trúc và thực hành truyền thống, chẳng hạn như những hệ thống thể hiện tinh thần *ubuntu* (nhân đạo) của châu Phi ở Đông, Trung và Nam Phi, *umoj*a (công đoàn) ở Đông Phi và *harambee* (tự lực cộng đồng) ở Kenya.³³
27. **Nhiều hình thức hợp tác truyền thống đã tồn tại qua thời kỳ thuộc địa.** Những hình thức đó đã mở đường cho sự xuất hiện và mở rộng của các chủ thể KTXH&ĐK ít chính thức hơn nhằm thúc đẩy sự tự giúp đỡ lẫn nhau, bao gồm các tổ chức có cùng lợi ích và các chương trình bảo hiểm y tế dựa vào cộng đồng, hình thức này đã giúp mở rộng độ bao phủ bảo hiểm y tế ở khu vực nông thôn và trong nền kinh tế phi chính thức.³⁴ Các tổ chức tài chính xã hội dựa trên thành viên, bao gồm các hiệp hội tiết kiệm và tín dụng luân phiên, có mặt rộng rãi trên lục địa, đồng thời các hình thức bảo hiểm vi mô khác nhau, bao gồm cả các hội mai táng, phổ biến ở Nam và Đông Phi.³⁵
28. **Các hợp tác xã chính thức xuất hiện vào những năm đầu của thế kỷ XX, thành lập bởi chính quyền thuộc địa lúc bấy giờ.** Trong thời kỳ hậu thuộc địa từ những năm 1960 đến giữa những năm 1990, chính phủ nhiều quốc gia đã sử dụng hợp tác xã để thúc đẩy phát triển kinh tế và xã hội, đặc biệt là ở khu vực nông thôn. Tuy nhiên, sự kiểm soát và hỗ trợ của chính phủ đối với các hợp tác xã đã giảm đi đáng kể trong thời kỳ điều chỉnh cơ cấu (trong những năm 1980 và 1990), dẫn đến sự suy giảm các

²⁷ ILO, *Nghị quyết về tăng cường công tác thống kê hợp tác xã*, Hội nghị Thống kê Lao động Quốc tế lần thứ 19, 2013.

²⁸ ILO, *Hướng dẫn thống kê hợp tác xã*, Hội nghị Thống kê Lao động Quốc tế lần thứ 20, Geneva, 2018.

²⁹ Các nước mục tiêu là Costa Rica, Ý, Hàn Quốc, Thổ Nhĩ Kỳ và Cộng hòa Tanzania. Đề biết thêm thông tin, tham khảo ILO, "Tăng cường nền tảng tri thức về nền kinh tế xã hội và đoàn kết".

³⁰ Bouchard và Salathé-Beaulieu.

³¹ Coline Compère, Barbara Sak và Jérôme Schoenmaeckers, *Lập sơ đồ nền kinh tế xã hội và đoàn kết trên thế giới* (UNTFSSSE, 2021).

³² Rafael Chaves-Avila, *Tạo ra số liệu thống kê về nền kinh tế xã hội và đoàn kết. Khuyến nghị chính sách và định hướng cho nghiên cứu trong tương lai* (UNTFSSSE, 2021).

³³ Carlo Borzaga và Giulia Galera, *Tiềm năng của nền kinh tế xã hội đối với sự phát triển địa phương ở châu Phi: Báo cáo thăm dò* (Nghị viện Châu Âu, 2014).

³⁴ Nicholas Awortwi, "Bảo hiểm xã hội là một thực tế cấp cơ sở: Quan điểm ủng hộ phản ánh chính sách đối với các chủ thể và dịch vụ bảo hiểm xã hội dựa vào cộng đồng ở châu Phi", *Tạp chí Chính sách Phát triển* 36, Số S2 (2018): O897–O913.

³⁵ ILO, *Bảo vệ người nghèo: Ngăn ngừa về bảo hiểm vi mô* II, 2012, 218.

cơ cấu hợp tác xã do nhà nước bảo trợ. Các hợp tác xã tự chủ và độc lập đang được hồi sinh thông qua một loạt cải cách chính trị, pháp luật, xã hội và kinh tế đã được đưa ra từ giữa những năm 1990.

29. Các doanh nghiệp xã hội đang được mở rộng ở Nam, Đông và Bắc Phi.³⁶ Một nghiên cứu năm 2020 ước tính rằng, ở Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Ethiopia, Ghana, Kenya, Maroc, Nigeria, Rwanda, Senegal, Nam Phi, Tunisia và Uganda, các doanh nghiệp xã hội có thể cung cấp khoảng 5,5 triệu việc làm trực tiếp trong các doanh nghiệp xã hội vào năm 2030. Trong số các quốc gia này, Nigeria có số lượng doanh nghiệp xã hội cao nhất (1,2 triệu), trong khi Rwanda có số lượng doanh nghiệp xã hội thấp nhất (4.000). Các hệ thống hỗ trợ tài chính, phi tài chính và môi trường chính sách ở các quốc gia này cũng rất khác nhau về mức độ thuận lợi đối với việc thành lập và phát triển doanh nghiệp xã hội.³⁷

30. Các chính sách công thúc đẩy nền KTXH&ĐK đang gia tăng ở châu lục này. Năm quốc gia (Cabo Verde, Cameroon, Djibouti, Senegal và Tunisia) gần đây đã phát triển các khuôn khổ pháp lý và thể chế về nền KTXH&ĐK, trong khi hai quốc gia còn lại (Maroc và Nam Phi)³⁸ đang trong quá trình phát triển. Pháp luật về nền KTXH&ĐK của Tunisia, được xây dựng với sự hỗ trợ của ILO theo phương thức tham vấn ba bên và thông qua vào năm 2020, đã đặt ra khuôn khổ và ranh giới tham chiếu cho nền KTXH&ĐK. Cameroon đã chuẩn bị một Chương trình Quốc gia về Phát triển Kinh tế Xã hội (PNDES) vào năm 2020. Mali đã thông qua Chính sách Quốc gia về Xúc tiến nền KTXH&ĐK và kế hoạch hành động vào năm 2014, cũng như đưa ra luật thành lập Trung tâm Hỗ trợ Quốc gia về xúc tiến nền KTXH&ĐK vào năm 2017. Kế hoạch cho một Senegal mới nổi giai đoạn 2014-2023 coi nền KTXH&ĐK là một công cụ để chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức.

31. Các ví dụ sau minh họa quy mô của nền KTXH&ĐK ở 4 quốc gia trong khu vực Châu Phi:

- Nền KTXH&ĐK ở Tunisia bao gồm 358 hợp tác xã nông nghiệp, 3.000 hiệp hội sản xuất, 48 tổ chức cùng có lợi ích, 289 tổ chức tài chính vi mô và khoảng 21.000 hiệp hội. Nền KTXH&ĐK chiếm 1% tổng sản phẩm quốc nội và 0,6% lực lượng lao động của nước này.³⁹ Năm 2020, cả nước ước tính có khoảng 33.000 doanh nghiệp xã hội.⁴⁰
- Tại Cameroon, một Khảo sát của ILO năm 2019 với 395 đơn vị KTXH&ĐK cho thấy các hình thức tổ chức phổ biến nhất là nhóm sáng kiến chung (58%), hợp tác xã (25%) và hiệp hội (15%). Phụ nữ chiếm 44% số thành viên của các chủ thể đó và 57% lực lượng lao động. Các ngành hoạt động kinh tế chính của các đơn vị KTXH&ĐK là trồng trọt (56%), chăn nuôi (22%) và sản xuất (18%).⁴¹
- Số lượng doanh nghiệp xã hội ở Kenya, không bao gồm hợp tác xã, ước tính cơ khoảng 3.244 vào năm 2016.⁴² Các tổ chức hợp tác xã tiết kiệm và tín dụng cung cấp dịch vụ tài chính cho hơn 4 triệu người Kenya và thường cung cấp các dịch vụ không thể tìm thấy ở nơi khác.⁴³ Tỷ trọng của các hợp tác xã trong việc tiếp thị các sản phẩm nông nghiệp chủ chốt (cà phê, mía, hoa cúc pyrethrin và sữa) đã tăng từ 18,9% năm 2015 lên 22,2% vào năm 2019.⁴⁴ Phong trào hợp tác xã của Kenya bao gồm 21.000 hội vào năm 2019 (tăng từ 17.500 vào năm 2015), với 14 triệu thành viên cá nhân và 555.000 nhân viên.

³⁶ Angela Hoyos và Diego F. Angel-Urdinola, “Đánh giá sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế đối với doanh nghiệp xã hội”, *Tạp chí Chính sách Phát triển* 37 (2019): O213–O229.

³⁷ Emily Barran và cộng sự, *Doanh nghiệp xã hội với tư cách là yếu tố tạo việc làm ở châu Phi. Tiềm năng của doanh nghiệp xã hội trong việc mang lại cơ hội việc làm ở 12 quốc gia châu Phi. Nghiên cứu trong giai đoạn 2020-2030* (Siemens-Stiftung, 2020).

³⁸ Vào năm 2019, Chính phủ Nam Phi, với sự hỗ trợ kỹ thuật của ILO, đã xuất bản một dự thảo tài liệu xanh về chính sách kinh tế xã hội, đang chờ Nội các phê duyệt vào tháng 12/2021 vào thời điểm báo cáo của Văn phòng đang được soạn thảo. ILO, “*Một bước quan trọng được thực hiện nhằm phát triển chính sách kinh tế xã hội ở Nam Phi*”.

³⁹ Akram Belhaj Rhouma, *Các chính sách công cho nền kinh tế xã hội và kinh tế tập thể và vai trò trong tương lai việc làm: Trường hợp của Tunisia* (ILO, 2019).

⁴⁰ Barran và cộng sự.

⁴¹ ILO và Bộ Doanh nghiệp Vừa và Nhỏ, Kinh tế Xã hội và Thủ công mỹ nghệ (MINP MEESA) của Cameroon, *Evaluation des besoins des unités de l'économie sociale et identification des chaînes de valeur prioritaires pour la création d'emplois décentés au Cameroun* (ILO, 2021).

⁴² Hội đồng Anh, *Thực trạng doanh nghiệp xã hội tại Kenya*, 2017.

⁴³ Liên minh vì Sự hòa nhập Tài chính, *Đáp ứng nhu cầu tài chính của ngành nông nghiệp thông qua các SACCO được quản lý thận trọng ở Kenya*, 2017.

⁴⁴ Cục Thống kê Quốc gia Kenya, *Khảo sát Kinh tế 2020*, 2020.

- Năm 2019, Nam Phi có khoảng 160.000 hợp tác xã, 48.000 tổ chức phi lợi nhuận và hơn 24.000 doanh nghiệp xã hội.⁴⁵ Hiệp hội Stokvel Quốc gia Nam Phi đại diện cho 810.000 nhóm Stokvel, với hơn 11 triệu thành viên.⁴⁶

32. Nền KTXH&ĐK đang được các tổ chức và mạng lưới khác nhau trong khu vực công nhận là một lộ trình cho sự phát triển địa phương bền vững và toàn diện.⁴⁷ Liên minh Châu Phi công nhận nền kinh tế xã hội là nhân tố chính góp phần tạo việc làm và đang xây dựng chiến lược KTXH&ĐK khu vực với sự hỗ trợ của ILO.⁴⁸ Các tài liệu kết quả của cuộc họp Khu vực Châu Phi lần thứ 12, 13 và 14 của ILO (lần lượt được tổ chức vào các năm 2011, 2015 và 2019) đều kêu gọi thúc đẩy nền KTXH&ĐK.⁴⁹ Chiến lược Phát triển Khu vực Tư nhân giai đoạn 2013-2017 của Ngân hàng Phát triển Châu Phi nhấn mạnh tiềm năng đáng kể mà các doanh nghiệp xã hội và đơn vị kinh doanh xã hội có được trong việc thúc đẩy đổi mới xã hội, tinh thần khởi nghiệp và phát triển chuỗi giá trị.⁵⁰ Mạng lưới Kinh tế Xã hội và Đoàn kết Châu Phi, được thành lập năm 2010 và có 25 quốc gia thành viên, hoạt động nhằm hỗ trợ các thành viên trong việc xây dựng khung pháp lý và chính sách nền KTXH&ĐK cấp quốc gia thông qua mạng lưới quốc gia. Ví dụ, các mạng lưới quốc gia như vậy có mặt ở Cameroon, Mali, Maroc, Senegal và Tunisia.

Châu Mỹ

33. Nền KTXH&ĐK có một lịch sử phong phú và đa dạng ở châu Mỹ, nơi các hoạt động dựa trên sự đoàn kết có từ thời kỳ trước khi thành lập Nhà nước hiện đại. Các chủ thể KTXH&ĐK nổi bật trong khu vực gồm có hợp tác xã sản xuất, hiệp hội về thương mại công bằng, tiêu dùng có đạo đức, kinh tế phi chính thức và hiệp hội người bán địa, tổ chức tài chính xã hội và các sáng kiến dựa vào cộng đồng khác như *quilombo*.⁵¹ Trong khu vực, nền KTXH&ĐK được gọi là “nền kinh tế xã hội”, “nền kinh tế đoàn kết”, “nền kinh tế đại chúng” và “khu vực xã hội”.⁵² Trên châu Mỹ, nhiều chủ thể KTXH&ĐK là những công ty lớn, cung cấp dịch vụ cho nhiều bộ phận dân cư trong các lĩnh vực như nông nghiệp, tài chính, bán lẻ, tiện ích, chẳng hạn như điện và bảo hiểm y tế.

34. Người dân bản địa đóng góp kiến thức của họ về tổ chức kinh tế ở cấp cơ sở dựa trên nguyên tắc có đi có lại của cộng đồng.⁵³ Ở châu Mỹ, người dân bản địa có truyền thống hợp tác dựa vào cộng đồng lâu đời. Triết lý *buen vivir* hay *vivir bien* của các dân tộc bản địa vùng Andes và Amazon, được ghi trong hiến pháp năm 2008 và 2009 của Ecuador và Nhà nước đa dân tộc Bolivia, thúc đẩy sự tương hỗ và đoàn kết.⁵⁴ Trên khu vực đó, các tổ chức KTXH&ĐK cho người bản địa đã tìm cách phát triển các hoạt động phù hợp với triết lý này.⁵⁵ Có một truyền thống hợp tác dựa vào cộng đồng tương tự giữa các cộng đồng bản địa ở Bắc Mỹ. Ví dụ, ở Canada, Hợp tác xã Ngựa dân Kínoosao ở Hồ Reindeer là một trong những tổ chức KTXH&ĐK lâu đời nhất, được thành lập vào năm 1945. Từ những năm 1950 đến

⁴⁵ Bộ Thương mại, Công nghiệp và Cạnh tranh Nam Phi, *Đo lường nền kinh tế xã hội ở Nam Phi*, 2019.

⁴⁶ Stokvel là một hiệp hội tín dụng và tiết kiệm luân phiên ở Nam Phi. Tham khảo Hiệp hội Stokvel Quốc gia Nam Phi, “[Tuyên bố về các biện pháp ngăn chặn lây nhiễm virus corona COVID-19](#)”.

⁴⁷ ILO, *Các bên tham gia nền kinh tế xã hội và đoàn kết: Thúc đẩy sự phát triển của đổi mới xã hội ở châu Phi*, sắp xuất bản.

⁴⁸ Liên minh Châu Phi, “[Phiên họp thứ hai của ủy ban kỹ thuật chuyên ngành về phát triển xã hội, lao động và việc làm \(STC-SDLE-2\)](#)”, 2017.

⁴⁹ Cuộc họp Khu vực Châu Phi của ILO tập hợp các thành phần ba bên để xem xét tiến độ mà các quốc gia châu Phi đạt được trong việc thực hiện Chương trình nghị sự về Việc làm thoả đáng dựa trên Chương trình nghị sự 2030 và Chương trình nghị sự 2063 của Liên minh Châu Phi.

⁵⁰ Ngân hàng Phát triển Châu Phi, *Hỗ trợ chuyển đổi khu vực tư nhân ở châu Phi. Chiến lược Phát triển Khu vực Tư nhân, giai đoạn 2013-2017*, 2013.

⁵¹ *Quilombo* là các cộng đồng nông dân đương đại được thành lập bởi những người gốc Phi chống lại chế độ nô lệ ở Belize, Brazil, Colombia, Ecuador, Honduras, Nicaragua và Suriname. Ở nhiều quốc gia trong số này, quyền của các cộng đồng này đối với các vùng đất truyền thống hiện đã được công nhận trong luật quốc gia.

⁵² Marcelo Saguier và Zoe Brent, “[Nền kinh tế xã hội và đoàn kết trong quản trị khu vực Nam Mỹ](#)”, *Tạp chí Sage* 17, Số 3 (2017): 259–278.

⁵³ Julio Álvarez Quispe, “[La economía comunitaria de reciprocidad en el Nuevo contexto de la Economía Social y Solidaria: Una mirada desde Bolivia](#)”, *Otra Economía* 6, Số 11 (2012): 159–170.

⁵⁴ Triết lý này dựa trên ý niệm sống tốt đẹp, hài hòa với người khác và với thiên nhiên.

⁵⁵ Antonio Luis Hidalgo-Capitán và Ana Patricia Cubillo-Guevara, “[Phân tích cấu trúc và phả hệ của khái niệm cuộc sống tốt đẹp \(Buen Vivir\) ở Mỹ Latinh. Cuộc sống tốt đẹp \(Triune\) và nguồn trí tuệ đa dạng của nó](#)”, *Con đường Thay thế để Phát triển Bền vững: Bài học từ Mỹ La-tinh*, Chuỗi Chính sách Phát triển Quốc tế số 9 (Ấn bản của Graduate Institute, Brill-Nijhoff, 2017): 23–50.

1990, các hợp tác xã bản địa trong nước có sự gia tăng ổn định. Hiệp hội Hợp tác xã Canada đã tổng hợp danh sách 123 hợp tác xã bản địa vào năm 2012.⁵⁶

35. Nền KTXH&ĐK giữa các tiểu vùng châu Mỹ có đặc tính khác nhau. Ví dụ, ở vùng Caribê nói tiếng Anh, các liên minh tín dụng có sự hiện diện mạnh mẽ. Liên đoàn Các liên minh tín dụng Caribê là tổ chức thương mại và phát triển cao nhất cho các hợp tác xã tài chính và phi tài chính ở Caribê. Các tổ chức dựa trên thành viên của người lao động khu vực kinh tế phi chính thức có vai trò nổi bật ở tiểu vùng Andes và các quốc gia thuộc Thị trường chung phía Nam (MERCOSUR). Hầu hết các thành viên của Mạng lưới Người nhật rác Mỹ La-tinh và Caribê (Red LACRE) đến từ hai tiểu vùng này.⁵⁷ Các hiệp hội thương mại công bằng và hợp tác xã nông nghiệp hoạt động nhằm cải thiện khả năng đàm phán của tiểu chủ nông nghiệp và người làm nông nghiệp có sự hiện diện mạnh mẽ ở Trung Mỹ.

36. Các chính phủ đang ngày càng áp dụng các chính sách KTXH&ĐK và lồng ghép nền KTXH&ĐK vào các khung chính sách công. Năm quốc gia (Colombia, Ecuador, Honduras, Mexico⁵⁸ và Uruguay) và một tỉnh (Quebec, Canada) đã thông qua luật khung về nền KTXH&ĐK. Ngoài ra, luật khung về nền KTXH&ĐK đang được xây dựng ở Brazil và Cộng hòa Dominica. Luật khung về Hợp tác xã ở Mỹ La-tinh đã được thông qua vào năm 2009, nhằm đưa ra hướng dẫn về các khía cạnh chính của luật hợp tác xã cho các quốc gia trong khu vực. Tại Colombia, một Ủy ban liên ngành về Khu vực Kinh tế Xã hội và Đoàn kết đã được thành lập vào năm 2020 để phối hợp và hướng dẫn việc xây dựng, thực hiện các chính sách, chương trình về nền KTXH&ĐK. Costa Rica đã thông qua chính sách công và kế hoạch hành động về nền KTXH&ĐK cho giai đoạn 2021-2025 và thành lập Phòng Kinh tế Xã hội Đoàn kết Quốc gia (CANAESS).

37. Các ví dụ sau chứng minh cho quy mô của nền KTXH&ĐK ở 5 quốc gia trong khu vực châu Mỹ:

- Tại Argentina, hơn 80% mạng lưới điện nông thôn được vận hành theo hình thức hợp tác xã và 7 triệu người dân Argentina nhận điện từ các hợp tác xã. Các tổ chức tương hỗ cung cấp dịch vụ y tế cho hơn 2,5 triệu người, với 7.000 tổ chức tương hỗ cung cấp 40% dịch vụ y tế tư nhân.⁵⁹
- Năm 2019, Canada có 5.812 hợp tác xã phi tài chính, với 105.000 nhân viên và tạo ra doanh thu hàng năm là 49,3 tỷ đô-la Canada (40,7 tỷ USD).⁶⁰ Tỉnh Quebec của Canada có 11.000 đơn vị KTXH&ĐK, sử dụng 220.000 lao động và tạo ra doanh thu 47,8 tỷ đô-la Canada.⁶¹
- Costa Rica có hơn 6.600 đơn vị KTXH&ĐK với các hiệp hội phát triển tích hợp (2.850) và hiệp hội đoàn kết (1.467) là nổi bật nhất.⁶² Tổng điều tra hợp tác xã quốc gia năm 2012 cho thấy 21% người Costa Rica là thành viên hợp tác xã, phần lớn trong số họ làm việc trong lĩnh vực tài chính và bảo hiểm, thương mại, công nghiệp và nông nghiệp.⁶³
- Jamaica có 50 liên minh tín dụng. Hơn 50% liên minh tín dụng hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp là thành viên của một trong 39 hợp tác xã nông nghiệp.⁶⁴
- Tại Mexico, nền KTXH&ĐK bao gồm 61.000 đơn vị KTXH&ĐK với 12 triệu thành viên, trong đó có 15.000 hợp tác xã với 8 triệu chi nhánh, 100 công đoàn và 8 liên đoàn.⁶⁵

38. Nền KTXH&ĐK có nhiều đại diện trong các tổ chức khu vực của châu Mỹ. Cộng đồng các quốc gia Mỹ La-tinh và Caribê (CELAC) thúc đẩy “các doanh nghiệp sản xuất xã hội và hợp tác xã”. MERCOSUR đã thông qua một Tuyên bố vào năm 2001 công nhận sự đóng góp của nền KTXH&ĐK trong việc gắn

⁵⁶ Co-operatives First, “Hợp tác xã trong cộng đồng dân bản địa ở Canada”, 2016.

⁵⁷ Red LACRE, “Quiénes Somos”.

⁵⁸ Điều 25 của Hiến pháp Mexico quy định Nhà nước phải tạo điều kiện thuận lợi cho việc mở rộng hoạt động kinh tế của nền KTXH&ĐK.

⁵⁹ Silvina Lais Puzino, “La actualidad de la Economía Social en Argentina”, *Anuario Iberoamericano de la Economía Social*, Số 3 (CIRIEC, 2018): 19–28.

⁶⁰ Thống kê Canada, “Hợp tác xã Canada, 2019”, 3/3/2021.

⁶¹ Chantier de l'économie sociale, “Khám phá nền kinh tế xã hội”.

⁶² Bộ Lao động và An sinh Xã hội Costa Rica, *Política Pública de Economía Social Solidaria 2021-2025*.

⁶³ INFOCOOP, *IV Censo Nacional Cooperativo*, 2012.

⁶⁴ Bộ Hợp tác xã và Hội Ái hữu Jamaica, “Phát triển Hợp tác xã: Phong trào tại Jamaica”, 2020.

⁶⁵ Juan José Rojas Herrera và cộng sự, “Panorama general de la Economía Social en México”, *Anuario Iberoamericano de la Economía Social*, Số 3 (CIRIEC, 2018): 109–119.

kết xã hội, tạo việc làm và việc làm thoả đáng, và đóng góp cho nền dân chủ, cùng nhiều vấn đề khác.⁶⁶ Năm 2019, Tổ chức các Quốc gia Châu Mỹ đã ký thỏa thuận hợp tác với đại diện khu vực lúc bấy giờ của ICA tại Châu Mỹ (ICA–Châu Mỹ) nhằm xác định và thực hiện các dự án chung để cả hai tổ chức có thể hỗ trợ các Quốc gia Thành viên trong nỗ lực thúc đẩy và tạo điều kiện thuận lợi cho mô hình hợp tác, với mục tiêu cuối cùng là thúc đẩy sự hòa nhập và phát triển hơn nữa trong khu vực.⁶⁷ Năm 2020, Ủy ban Kinh tế LHQ về Châu Mỹ La-tinh và Caribê đã ký một thỏa thuận hợp tác với Hợp tác xã Châu Mỹ, một tổ chức khu vực của ICA, với trọng tâm là cùng nhau xây dựng lại tốt hơn sau đại dịch COVID-19. Tổ chức này cũng đã và đang thực hiện những sự kiện chung với các tổ chức phát triển kinh tế xã hội của chính phủ trong khu vực, như Viện Kinh tế Xã hội Quốc gia (INAES) ở Mexico, để khai phá tương lai của nền KTXH&ĐK trong khu vực.⁶⁸

- 39. Có nhiều mạng lưới khu vực đang hoạt động về nền KTXH&ĐK ở châu Mỹ.** Mạng lưới Liên lục địa vì sự Thúc đẩy Nền Kinh tế Xã hội và Đoàn kết ở Mỹ La-tinh và vùng Caribê (RIPESS LAC)⁶⁹ và Mạng lưới các Nhà Nghiên cứu Mỹ La-tinh về Nền Kinh tế Xã hội và Đoàn kết (RILESS) đóng góp vào việc sản xuất và chia sẻ kiến thức về nền KTXH&ĐK. Viện Quan sát Việc làm và Nền Kinh tế Xã hội & Hợp tác vùng Ibero-America (OIBESCOOP), được thành lập bởi các phong trào KTXH&ĐK ở Mỹ La-tinh, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha, công bố các báo cáo hằng năm về tình hình nền KTXH&ĐK trong tiểu vùng này. Phong trào hợp tác xã ở Châu Mỹ La-tinh tham gia vào mạng lưới Hợp tác xã Châu Mỹ, là đại diện khu vực của ICA (trước đây là ICA–Châu Mỹ). Mạng lưới Quốc tế về Thương mại và Giới, cùng Mạng lưới Phụ nữ Chuyển đổi Nền kinh tế Mỹ La-tinh (REMTE) đã đóng góp cho nền KTXH&ĐK những thông tin đầu vào từ nền kinh tế chăm sóc và từ góc nhìn kinh tế nữ quyền. Mạng lưới Người lao động và Sản xuất Nhỏ về Thương mại Công bằng Châu Mỹ La-tinh và vùng Caribê (CLAC), một phần của hệ thống Thương mại Công bằng Quốc tế, có hơn 900 tổ chức tại 24 quốc gia trong khu vực.⁷⁰

Các nước Ả Rập

- 40. Thuật ngữ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết” cùng các biến thể của nó không phổ biến tại các nước Ả Rập.** Thuật ngữ phổ biến nhất được sử dụng để định nghĩa các tổ chức xã hội dân sự trong tiếng Ả Rập là *jam'iyat* (hiệp hội), bao gồm các nhóm tự lực và từ thiện dựa vào cộng đồng, cung cấp dịch vụ xã hội hỗ trợ các gia đình nghèo.⁷¹ Các hình thức tổ chức đoàn kết với những người thiệt thòi hơn thông qua mạng lưới xã hội rất phổ biến trong khu vực, đặc biệt là ở khu vực nông thôn.
- 41. Bảo hiểm tương hỗ cũng phổ biến trong khu vực. *Takaful* (có nghĩa là “đoàn kết”) là một mô hình bảo hiểm hợp tác, đóng vai trò quan trọng trong việc xóa đói giảm nghèo và thúc đẩy sự thịnh vượng chung.** Theo mô hình này, các thành viên đóng góp vào một quỹ chung và rủi ro được chia sẻ giữa người được bảo hiểm và bên bảo hiểm. *Takaful* được áp dụng rộng rãi ở các quốc gia thuộc Hội đồng Hợp tác các nước Ả Rập Vùng Vịnh (GCC). Năm 2014, tổng đóng góp của ngân hàng Hồi giáo và *takaful* đạt hơn 8,9 tỷ USD tại các quốc gia GCC.⁷² Trên toàn cầu, 71% đóng góp cho *takaful* đến từ Ả Rập Xê Út (37%), tiếp theo là Cộng hòa Hồi giáo Iran (34%), mặc dù nước này không phải là một quốc gia Ả Rập.⁷³

⁶⁶ MERCOSUR có hai diễn đàn liên định chế dành riêng cho nền KTXH&ĐK: Cuộc Hợp Chuyên ngành của các Hợp tác xã MERCOSUR và Cuộc họp Chuyên ngành về Nông nghiệp Gia đình. Các diễn đàn này giám sát tiến trình hướng tới Chương trình nghị sự 2030 và việc thực hiện Kế hoạch Hành động Xã hội Chiến lược dành cho MERCOSUR, với trọng tâm xã hội và đoàn kết.

⁶⁷ Tổ chức các Quốc gia Châu Mỹ, “OAS và Liên minh Hợp tác xã Quốc tế hợp tác vì lợi ích của các Quốc gia Thành viên”, 30/9/2019.

⁶⁸ Ủy ban Kinh tế LHQ về Châu Mỹ La-tinh và Caribê, “Construir un nuevo futuro: la Economía Social y Solidaria en la recuperación sostenible y con igualdad”, 9/6/2021.

⁶⁹ Tổng cộng có 13 quốc gia có mạng lưới thành viên trong RIPESS LAC: Nhà nước đa dân tộc Bolivia, Brazil, Chile, Colombia, Costa Rica, Cộng hòa Dominica, Ecuador, El Salvador, Guatemala, Honduras, Mexico, Nicaragua và Peru.

⁷⁰ CLAC, *2020 Memoria Anual*, 2021.

⁷¹ Hüseyin Polat, “Hợp tác xã trong thế giới Ả Rập: Tái khẳng định giá trị đối với sự phát triển của địa phương và khu vực”, *Tài liệu cho Hội thảo Chia sẻ Kiến thức Tiểu vùng về Hợp tác xã ở các Quốc gia Ả Rập*, Văn phòng Khu vực của ILO tại các Quốc gia Ả Rập, 2010.

⁷² Ủy ban Dịch vụ Tài chính Hồi giáo và Ngân hàng Thế giới, *Hiện thực hóa đề xuất giá trị của ngành Takaful vì một hệ thống tài chính toàn diện, ổn định*, 2017.

⁷³ Hussain Qadri và M. Ishaq Bhatti, *Sự phát triển của ngành tài chính và ngân hàng Hồi giáo: Đổi mới, Quản trị và Giảm thiểu Rủi ro* (Routledge, 2021).

- 42. Các hợp tác xã chính thức được gọi là *ta'awuniyat* đã xuất hiện ở các quốc gia Ả Rập vào những năm 1900, chủ yếu là do chính quyền thuộc địa cũ đưa vào.** Các hợp tác xã trong khu vực thường bị chi phối hoặc phụ thuộc vào Nhà nước. Những hợp tác xã này có xu hướng được tổ chức trên cơ sở cộng đồng tôn giáo, gia đình hoặc bộ lạc. Tổng cộng có khoảng 30.000 hợp tác xã ở các quốc gia Ả Rập, hầu hết hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp (59%), tiếp theo là bán lẻ hàng tiêu dùng (30%) và nhà ở (6%).⁷⁴ Trong những năm gần đây, phụ nữ và thanh niên ngày càng quan tâm đến hợp tác xã, chẳng hạn như thông qua việc thành lập các hợp tác xã tiêu dùng.
- 43. Doanh nghiệp xã hội, đã xuất hiện tại khu vực này trong thập kỷ vừa qua, hầu hết được thành lập bởi người trẻ tuổi.** Các nhà hoạch định chính sách trong khu vực đang ngày càng chuyển hướng sang khởi nghiệp xã hội để giải quyết tình trạng thất nghiệp và loại trừ xã hội ở thanh niên.⁷⁵ Tuy nhiên, việc thiếu khung pháp lý cho doanh nghiệp xã hội đã gây khó khăn cho việc xác định các doanh nghiệp này, vì khi đăng ký, các doanh nghiệp này tự thành lập dưới các hình thức pháp lý khác.⁷⁶ Ashoka, một sáng kiến thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp xã hội trên toàn thế giới, đã hỗ trợ hơn 110 nghiên cứu sinh về khởi nghiệp xã hội ở các quốc gia Ả Rập, tiếp cận hơn 3 triệu người hưởng lợi trực tiếp trong 15 năm qua.⁷⁷
- 44. Trong những năm gần đây, một số quốc gia đã thực hiện các sáng kiến về chính sách và lập pháp đối với các thành phần của nền KTXH&ĐK tại các Quốc gia Ả Rập.** Theo Khuyến nghị số 193 và với sự hỗ trợ của ILO, một số khung chính sách hợp tác và khung pháp lý đã được xây dựng ở các quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực, kể cả Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng và Jordan. Những nỗ lực tương tự đang được tiến hành ở Ả Rập Xê Út và Các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống nhất. Một số nước như Lebanon cũng đang nỗ lực để xây dựng khung chính sách và pháp lý cho doanh nghiệp xã hội ở.⁷⁸
- 45. Các ví dụ sau chứng minh cho quy mô của nền KTXH&ĐK ở 3 quốc gia và vùng lãnh thổ trong khu vực:**
- Tại Jordan, tổng số 1.592 hợp tác xã đã được đăng ký vào năm 2018, với tổng số thành viên là 142.000 người,⁷⁹ hợp tác xã tạo ra khoảng 20.000 cơ hội việc làm trực tiếp.⁸⁰ Doanh nghiệp xã hội chủ yếu được đăng ký dưới sự bảo trợ của các tổ chức phi lợi nhuận. Nhiều doanh nghiệp xã hội tìm cách gắn kết với người di cư và tị nạn thông qua các cơ hội đào tạo và sinh kế.⁸¹
 - Tại Kuwait, các hợp tác xã tiêu dùng xuất hiện vào năm 1962, ban đầu là để bán những mặt hàng tiêu dùng thiết yếu với giá được trợ cấp. Năm 2018, 70 hợp tác xã tiêu dùng của Kuwait, vận hành khoảng 3.000 cửa hàng, đã kiểm soát 65% thị trường thực phẩm và đồ uống trong nước.⁸² Các hợp tác xã tiêu dùng phân bổ 25% lợi nhuận ròng để làm từ thiện. Các hợp tác xã tương tự có mặt ở tất cả các quốc gia GCC và ở các quốc gia Ả Rập khác.
 - Tại Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng, có 866 hợp tác xã (677 ở Bờ Tây và 189 ở Dải Gaza) vào năm 2019. Tổng số thành viên hợp tác xã bao gồm 54.000 cá nhân.⁸³ Được thành lập vào năm 2005, Liên minh các Hiệp hội Hợp tác về Tiết kiệm và Tín dụng có 12 hiệp hội tiết kiệm và tín dụng

⁷⁴ Ủy ban Kinh tế và Xã hội của LHQ về Tây Á, "*Nền kinh tế xã hội và đoàn kết như một công cụ thực hiện công bằng xã hội*", Tóm tắt Chính sách: Tham gia vào các quy trình chính sách công, Số 4, 2014.

⁷⁵ Tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên trong khu vực ước tính là 23% vào năm 2021, cao hơn đáng kể so với mức trung bình toàn cầu là 13,8%, theo thống kê của ILO năm 2020.

⁷⁶ Những hình thức như vậy có thể bao gồm các tổ chức phi chính phủ, doanh nghiệp tư nhân, hợp tác xã hoặc công ty dân sự, hoặc sự kết hợp của những hình thức này.

⁷⁷ Ashoka, *15 năm thay đổi: Ashoka trong Thế giới Ả Rập*, 2019.

⁷⁸ UNTFSS, *Lập sơ đồ tài liệu liên chính phủ về nền kinh tế xã hội và đoàn kết (KTXH&ĐK)*, 2018.

⁷⁹ Cục Thống kê Jordan, *Niên giám Thống kê 2018*, 2019.

⁸⁰ Ủy ban Phụ nữ Quốc gia Jordan, *Hiện trạng, cơ cấu và khung pháp lý về hợp tác xã ở Jordan 2016 (từ góc độ giới)*, 2016.

⁸¹ Oxfam, *MEDUP! Nghiên cứu doanh nghiệp xã hội ở Jordan*, 2018.

⁸² Oxford Business Group, "*Phân khúc bán lẻ truyền thống cho thấy xu hướng tích cực, trong khi thị trường thương mại điện tử ở Kuwait mở rộng nhanh chóng*".

⁸³ Chính quyền quốc gia Palestine, *Chiến lược Quốc gia cho Khu vực Hợp tác xã: Cải cách và Phát triển giai đoạn 2021-2023*, 2020.

hoạt động ở khoảng 224 địa điểm, trong đó có 154 ngôi làng của người Palestine. Các hiệp hội này có 5.281 người dùng tính tới cuối năm 2019, 85% trong đó là phụ nữ.⁸⁴

46. Một số sáng kiến gần đây về thúc đẩy nền KTXH&ĐK đang được tiến hành ở quy mô khu vực.

Vào năm 2014, Ủy ban Kinh tế Xã hội LHQ vùng Tây Á, bao gồm 20 Quốc gia Ả Rập, đã kêu gọi công nhận nền KTXH&ĐK và tiềm năng của nền KTXH&ĐK như một công cụ tăng cường công bằng xã hội trong khu vực.⁸⁵ Vào tháng 3/2017, Hội đồng Thống nhất Kinh tế Ả Rập đã tổ chức một cuộc hội thảo về nền KTXH&ĐK, hội thảo này đã đi đến một khuyến nghị đối với Liên đoàn các Quốc gia Ả Rập để lồng ghép nền KTXH&ĐK vào các chiến lược, chương trình phát triển.⁸⁶ Vào tháng 8/2017, nền KTXH&ĐK lần đầu tiên được đưa vào chương trình nghị sự của Hội đồng Kinh tế và Xã hội của Liên đoàn Ả Rập để thảo luận như một cơ chế tiềm năng giải quyết tình trạng việc làm bất bình và hỗ trợ hoà nhập xã hội ở các nước Ả Rập.

Châu Á và Thái Bình Dương

47. Sức mạnh của nền KTXH&ĐK ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương có thể bắt nguồn từ các nguyên tắc đoàn kết, có đi có lại và tương hỗ đã ăn sâu vào nền văn hóa và truyền thống phong phú của khu vực này. Ví dụ bao gồm các nguyên tắc *hồi* (có đi có lại) ở Trung Quốc, *sarvodaya* (nâng đỡ tất cả) ở Ấn Độ, *gotong royong* (làm việc cùng nhau) ở Indonesia và Malaysia, và *yui* (trao đổi lao động) và *moyai* (cùng hợp tác) tại Nhật Bản.⁸⁷ Mặc dù thuật ngữ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết” còn tương đối mới tại khu vực này, thì mảng kinh tế xã hội của nền KTXH&ĐK đã có mặt ở nhiều nước châu Á, thường dưới hình thức các tổ chức phi chính phủ hoặc khu vực thứ ba và doanh nghiệp xã hội.

48. **Cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã đánh thức tinh thần tương hỗ đã bắt rễ trong nhiều nền văn hóa châu Á.** Tinh thần này mở đường cho sự xuất hiện của nền kinh tế xã hội, một sự phát triển được đẩy nhanh hơn bởi cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu giai đoạn 2007-2008. Nền KTXH&ĐK ở khu vực Châu Á và Thái Bình Dương bao gồm các hợp tác xã, hiệp hội, nhóm tự lực cộng đồng và các tổ chức tương hỗ, với hành trình lâu dài trong khu vực. Khái niệm này cũng bao gồm các doanh nghiệp xã hội, một hình thức doanh nghiệp mới kết hợp các mục tiêu xã hội với hoạt động tạo thu nhập, và các tổ chức đại diện cho người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức.⁸⁸

49. **Cũng như các khu vực khác, hợp tác xã là trụ cột của nền KTXH&ĐK khu vực Châu Á và Thái Bình Dương.** Nhìn chung, khu vực này có gần 500 triệu thành viên hợp tác xã, chiếm 46% tổng số thành viên hợp tác xã toàn cầu.⁸⁹ Ở nhiều nền kinh tế kế hoạch hóa trước đây, hợp tác xã có lịch sử gắn liền với chính sách tập thể hóa. Ở các nước khác, hợp tác xã chịu sự can thiệp quá mức của chính phủ. Mức độ ảnh hưởng và kiểm soát của chính phủ đối với hợp tác xã và các chủ thể kinh tế khác đã giảm đi nhiều kể từ những năm 2000, thể hiện qua sự phát triển của các chính sách, pháp luật hợp tác xã theo thống nhất với dẫn trong Khuyến nghị số 193.

50. **Doanh nghiệp xã hội đã và đang phát triển ở châu Á trong 20 năm qua.** Ấn Độ cho biết có gần 2 triệu doanh nghiệp xã hội,⁹⁰ ở Indonesia con số này là 342.000,⁹¹ Nhật Bản là 205.000 và Hàn Quốc là 2.700. Doanh nghiệp xã hội cũng có mặt ở Fiji, Pakistan, Quần đảo Solomon, Việt Nam và các nước khác. Một số chính phủ đã thực hiện các luật và chính sách để hỗ trợ phát triển doanh nghiệp xã hội. Ví dụ, Hàn Quốc đã ban hành Đạo luật Xúc tiến Doanh nghiệp Xã hội vào năm 2007, giúp chủ doanh nghiệp

⁸⁴ Liên hiệp hội Hợp tác xã Tiết kiệm và Tín dụng, “Lịch sử Liên hiệp hội”.

⁸⁵ Ủy ban Kinh tế và Xã hội LHQ về Tây Á, “Nền kinh tế xã hội và đoàn kết như một công cụ thực hiện công bằng xã hội”.

⁸⁶ UNTFSS, *Lập sơ đồ tài liệu liên chính phủ về nền kinh tế xã hội và đoàn kết (KTXH&ĐK)*.

⁸⁷ Để tìm hiểu thêm thông tin về *yui* và *moyai* tại Nhật Bản, tham khảo Morio Onda, “Mạng lưới tương hỗ và chuyển đổi xã hội ở Nhật Bản”, *Tạp chí Kinh tế và Xã hội học Hoa Kỳ* 72, Số 3 (2013): 531–564.

⁸⁸ Nghiên cứu của ILO tại 6 quốc gia trong khuôn khổ dự án “Tăng cường nền kinh tế xã hội và đoàn kết ở châu Á” đã nắm bắt được bản chất đa dạng đang phát triển của nền KTXH&ĐK bằng cách xác định một loạt các hình thức tổ chức có chung các đặc điểm thường liên quan đến KTXH&ĐK hoặc có khả năng hỗ trợ cho KTXH&ĐK.

⁸⁹ Vụ Kinh tế và Xã hội LHQ, *Đo lường quy mô và phạm vi của nền kinh tế hợp tác xã: Kết quả Tổng điều tra Hợp tác xã toàn cầu năm 2014*, 2014.

⁹⁰ Usha Ganesh và cộng sự, *Bối cảnh doanh nghiệp xã hội Ấn Độ: Đổi mới vì một tương lai toàn diện* (Bertelsmann Stiftung, 2018).

⁹¹ ILO, *Phác họa bối cảnh nền kinh tế xã hội và đoàn kết ở Châu Á: Tiêu điểm ở Trung Quốc*, Tóm tắt của ILO: Tăng cường chính sách kinh tế xã hội và đoàn kết ở châu Á, 2021.

xã hội có khả năng tiếp cận các dịch vụ chuyên nghiệp, hỗ trợ kỹ thuật, trợ cấp cho thuê và giảm thuế. Malaysia đã đưa ra Kế hoạch chi tiết về Doanh nghiệp xã hội giai đoạn 2015-2018 để phát triển hệ sinh thái doanh nghiệp xã hội với các biện pháp chính sách có mục tiêu. Chính phủ Thái Lan đã thành lập Văn phòng Doanh nghiệp Xã hội vào năm 2010 và điều chỉnh Đạo luật Xúc tiến Doanh nghiệp Xã hội vào năm 2019 nhằm tạo điều kiện giảm thuế và ưu đãi cho doanh nghiệp xã hội. Tại Campuchia và Singapore, các tài liệu chiến lược quốc gia đều đề cập đến doanh nghiệp xã hội. Indonesia và Philippines đang trong quá trình thiết lập các chính sách quốc gia nhằm thúc đẩy doanh nghiệp xã hội.⁹²

51. Các ví dụ sau chứng minh cho quy mô của nền KTXH&ĐK ở 4 quốc gia trong khu vực Châu Á và Thái Bình Dương:

- Tại Trung Quốc, trong năm 2020 có hơn 30.000 doanh nghiệp hợp tác xã. Trong số này, hơn 60% nằm ở các tỉnh Chiết Giang (8.030), Bắc Kinh (6.395) và Quảng Đông (4.704). Trong cùng năm đó, các hợp tác xã đô thị đã sử dụng 690.000 lao động.⁹³
- Ở Ấn Độ, số lượng hợp tác xã đã tăng từ 316.000 với hơn 142 triệu thành viên trong giai đoạn 1984-1985 lên 854.000 với hơn 290 triệu thành viên trong giai đoạn 2016-2017.⁹⁴ Vào đầu thập niên 2000, có khoảng 84.000 nhóm đồng quản lý rừng, với sự tham gia của 8,4 triệu hộ gia đình.⁹⁵ Tổng cộng có 44.000 hợp tác xã ký kết hợp đồng lao động cung cấp việc làm cho 2,73 triệu lao động, chủ yếu trong các công việc xây dựng và lâm nghiệp yêu cầu mức độ sử dụng lao động cao, trị giá 318 triệu USD mỗi năm.⁹⁶ Hơn 30 triệu công dân Ấn Độ, chủ yếu là phụ nữ, tham gia vào 2,2 triệu nhóm tự lực. Vào năm 2021, Hiệp hội Phụ nữ Tự làm chủ (SEWA) có 153 doanh nghiệp xã hội tập thể, với sự tham gia của 480.000 phụ nữ.⁹⁷
- Tại Nhật Bản, khoảng 30% dân số là thành viên của một trong 591 hợp tác xã tiêu dùng. Hầu hết trong số gần 10.000 hiệp hội và quỹ từ thiện cung cấp các dịch vụ cụ thể ở cấp quốc gia hoặc khu vực (tỉnh). Hơn 50.000 tập đoàn phi lợi nhuận được chỉ định là một phần của nền KTXH&ĐK hoạt động trong các lĩnh vực kỹ năng nghề và việc làm, chăm sóc sức khỏe và chăm sóc xã hội, giáo dục xã hội và phát triển cộng đồng, khoa học, văn hóa, nghệ thuật và môi trường.⁹⁸
- Tại New Zealand, 30 hợp tác xã, tổ chức tương hỗ và hội hàng đầu có tổng doanh thu là 42,3 tỷ đô-la New Zealand (khoảng 30,5 tỷ USD) và có 1,4 triệu thành viên, sử dụng gần 48.500 lao động.⁹⁹

52. Một số tổ chức và mạng lưới khu vực hỗ trợ sự phát triển của nền KTXH&ĐK. Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) đã thông qua Kế hoạch Tổng thể Cộng đồng Văn hóa - Xã hội 2025 đề cập đến các doanh nghiệp xã hội và chủ doanh nghiệp xã hội với tư cách là các bên liên quan chính, cũng như các lĩnh vực hành động sẽ được cộng đồng ASEAN thúc đẩy và hỗ trợ.¹⁰⁰ Hiệp hội Hợp tác Khu vực Nam Á đã triển khai Chương trình Phát triển Doanh nghiệp Xã hội để tài trợ hàng năm cho khoảng 80 doanh nghiệp xã hội trên 8 Quốc gia Thành viên.¹⁰¹ Ngân hàng Phát triển Châu Á hỗ trợ nghiên cứu, phân tích, nâng cao nhận thức và kết nối mạng lưới nhằm xúc tiến các doanh nghiệp xã hội. Ủy ban Kinh tế Xã hội LHQ về Châu Á - Thái Bình Dương đã thành lập một lực lượng chuyên trách về các doanh

⁹² Ủy hội Kinh tế Xã hội LHQ về Châu Á - Thái Bình Dương, *Các phương pháp tiếp cận chính sách để nhân rộng doanh nghiệp xã hội và đầu tư tác động ở Châu Á và Thái Bình Dương*, 2017.

⁹³ Cục Thống kê Quốc gia Trung Quốc, *Niên giám Thống kê Trung Quốc*, 2021.

⁹⁴ Liên minh Hợp tác xã Quốc gia Ấn Độ, *Phong trào hợp tác xã Ấn Độ. Hồ sơ Thống kê: Phát triển và tăng trưởng bền vững thông qua hợp tác xã. 2018*, 2018.

⁹⁵ Bina Agarwal, "Thể hiện sức mạnh bằng những con số: Giới, tính đoàn kết và động lực nhóm trong các tổ chức lâm nghiệp cộng đồng", trong cuốn *Nền kinh tế xã hội và đoàn kết: Vượt ra khỏi biên giới*, biên tập Peter Utting (London: Zed Books, 2015).

⁹⁶ Liên đoàn TNHH Hợp tác xã Lao động Quốc gia Ấn Độ, "Giới thiệu về NLCF".

⁹⁷ Hệ thống Hỗ trợ Doanh nghiệp SEWA, "Doanh nghiệp tập thể do phụ nữ làm chủ"

⁹⁸ ILO, *Phác họa bối cảnh nền kinh tế xã hội và đoàn kết ở châu Á - Tiêu điểm ở Nhật Bản*, Tóm tắt của ILO: Tăng cường chính sách kinh tế xã hội và đoàn kết tại châu Á, 2022.

⁹⁹ ICA-Châu Á và Thái Bình Dương, "Cuộc họp ICA-AP lần thứ hai về Phát triển Hợp tác xã ở Quần đảo Thái Bình Dương", 26/2/2020.

¹⁰⁰ Ban Thư ký ASEAN, *Kế hoạch Tổng thể Cộng đồng Văn hóa-Xã hội ASEAN 2025*, 2016.

¹⁰¹ Afghanistan, Bangladesh, Bhutan, Ấn Độ, Maldives, Nepal, Pakistan và Sri Lanka.

ngành siêu nhỏ, nhỏ và vừa và doanh nghiệp xã hội vào năm 2012. Hội đồng Kinh tế Đoàn kết Châu Á, được thành lập vào năm 2011, tập hợp 18 mạng lưới quốc gia và châu lục trên 21 quốc gia Châu Á.

Châu Âu và Trung Á

- 53. Nguồn gốc lịch sử của nền KTXH&ĐK ở châu Âu có thể bắt nguồn từ cuộc Cách mạng Công nghiệp và nhu cầu cần giải quyết điều kiện sống và làm việc của các nhóm dễ tổn thương trong xã hội.** Các tổ chức dựa trên sự tự lực, hợp tác và tương trợ lẫn nhau xuất hiện ở một số nước châu Âu vào giữa thế kỷ XIX. Ở Pháp, hiệp hội đầu tiên của những người thợ kim hoàn được thành lập vào năm 1834. Công ty Công nghiệp Thợ dệt (Compañía Fabril de Tejedores), thành lập năm 1842, là hợp tác xã sản xuất đầu tiên ở Tây Ban Nha. Ở Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland, hợp tác xã tiêu dùng đầu tiên được thành lập năm 1844 bởi Rochdale Pioneers, một nhóm thợ dệt làm việc trong các nhà máy bông ở Rochdale. Tại Đức, Schulze-Delitzsch và Raiffeisen lần lượt thành lập hợp tác xã tài chính cho nông dân và thợ thủ công vào năm 1848 và 1849.¹⁰²
- 54. Tại châu Âu, cụm từ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết” được sử dụng ở một số nước, trong khi cụm từ “nền kinh tế xã hội” và “doanh nghiệp xã hội” được sử dụng phổ biến hơn ở một số nước khác.**¹⁰³ Cụm từ “nền kinh tế xã hội và đoàn kết” được công nhận ở các nước Nam Âu (Pháp, Ý, Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha) và ở Bỉ, Luxembourg. Tại Áo, Croatia, Séc, Estonia, Đức, Latvia, Lithuania, Malta, Hà Lan và Slovakia, cụm từ “khu vực phi lợi nhuận”, “khu vực thứ ba”, “doanh nghiệp xã hội”, “đổi mới xã hội”, hoặc mới đây là cụm từ “nền kinh tế tuần hoàn” và “nền kinh tế hợp tác” được sử dụng rộng rãi hơn.¹⁰⁴ Ở Vương quốc Anh, “doanh nghiệp xã hội” được dùng như một cụm từ bao hàm tất cả, phần lớn trùng ý nghĩa với cụm từ “nền kinh tế xã hội”.
- 55. Các thành phần chính của nền KTXH&ĐK ở châu Âu bao gồm hợp tác xã, các tổ chức, hiệp hội có cùng lợi ích, mới đây hơn là các doanh nghiệp xã hội và quỹ từ thiện.** Năm 2016, ở 28 quốc gia thành viên của Liên minh Châu Âu có hơn 2,8 triệu chủ thể KTXH&ĐK. Ở châu Âu nói chung, các chủ thể KTXH&ĐK là những đơn vị sử dụng lao động lớn, ví dụ như trong ngành nông nghiệp, tài chính, năng lượng và bán lẻ. Ở cả lĩnh vực việc làm trả lương và không lương, các chủ thể này đại diện cho hơn 19,1 triệu người trong lực lượng lao động, với hơn 82,8 triệu tình nguyện viên, tương đương với 5,5 triệu lao động toàn thời gian. Hợp tác xã châu Âu có 84 tổ chức thành viên từ 33 quốc gia châu Âu trên các lĩnh vực, ngành nghề. Các tổ chức thành viên của hợp tác xã đại diện cho 141 triệu xã viên hợp tác xã, sở hữu 176.000 doanh nghiệp hợp tác xã và cung cấp 4,7 triệu việc làm.¹⁰⁵
- 56. Một số quốc gia đã xây dựng các chính sách, chương trình để hỗ trợ khởi nghiệp xã hội và thúc đẩy sự phát triển của doanh nghiệp xã hội.** Trong thập kỷ qua, 16 Quốc gia Thành viên Liên minh Châu Âu đã thông qua bộ luật mới về doanh nghiệp xã hội, 11 nước trong đó đã xây dựng chiến lược, chính sách hỗ trợ phát triển doanh nghiệp xã hội.¹⁰⁶ Sau sự tan rã của Liên Xô, các loại và hình thức hợp tác xã mới đã bắt đầu xuất hiện ở Cộng đồng các Quốc gia độc lập.¹⁰⁷ Ví dụ, tại Kyrgyzstan, phần lớn các doanh nghiệp xã hội do các tổ chức xã hội dân sự dẫn dắt, với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế về phát triển quan tâm đến việc tập hợp các mục tiêu kinh tế, xã hội vì nhóm người nghèo và dễ bị tổn thương trên thế giới.¹⁰⁸ Sau năm 2008, cụm từ “khởi nghiệp xã hội” trở nên quen thuộc ở Liên bang Nga, trong đó Nhà nước đã tích cực hỗ trợ các doanh nghiệp xã hội.¹⁰⁹

¹⁰² Kiểu hợp tác xã tự lực ở Đức được đưa vào Danh sách Đại diện về Di sản Văn hóa Phi vật thể của Nhân loại năm 2016 của Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc.

¹⁰³ José Luis Monzón và Rafael Chaves, *Những diễn biến mới đây của nền kinh tế xã hội ở Liên minh Châu Âu* (Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu, 2017).

¹⁰⁴ Monzón và Chaves.

¹⁰⁵ Hợp tác xã Châu Âu, “*Hướng tới một Châu Âu lấy con người làm trung tâm ... cùng với hợp tác xã*”.

¹⁰⁶ Carlo Borzaga và cộng sự, *Doanh nghiệp xã hội và hệ sinh thái của loại hình doanh nghiệp này tại châu Âu: Báo cáo tổng hợp so sánh* (Ủy ban Châu Âu, 2020).

¹⁰⁷ Zvi Lerman và David Sedik, “*Hợp tác xã ở Cộng đồng các Quốc gia độc lập và Georgia: Tổng quan về pháp luật*”, Văn phòng FAO khu vực Châu Âu và Trung Á, Nghiên cứu chính sách về chuyển đổi nông thôn, số 2014–2, 2014.

¹⁰⁸ Charles Buxton, Mehrigiul Ablezova và Anara Moldosheva, “*Công cụ phát triển hay chủ thể xã hội dân sự? Tìm hiểu doanh nghiệp xã hội ở Kyrgyzstan*”, Chuỗi báo cáo ứng dụng thực tiễn của INTRAC, số 8, 2019.

¹⁰⁹ Yury E. Blagov và Yulia N. Aray, “*Sự xuất hiện của khởi nghiệp xã hội ở Nga*”, *Tạp chí Doanh nghiệp Xã hội* 15, Số 2 (2019): 158–178.

57. Những ví dụ dưới đây mô tả quy mô của nền KTXH&ĐK ở 4 quốc gia châu Âu và Trung Á:

- Ở Kyrgyzstan, một cuộc điều tra năm 2018 với 148 đơn vị thể chế cho thấy cho thấy gồm các tổ chức lợi nhuận (37%), doanh nghiệp xã hội (32%) và doanh nghiệp tư nhân (17%), tiếp đó là các nhóm tự lực và nhóm cộng đồng truyền thống, còn gọi là *jamaats* (9%), và hợp tác xã (4%). Chăm sóc xã hội (12%), giáo dục (11%) và bán lẻ (11%) là những lĩnh vực nổi bật nhất trong mẫu nghiên cứu.¹¹⁰ Năm 2021, Liên minh Hợp tác xã Kyrgyzstan tập hợp khoảng 250 hợp tác xã, chủ yếu liên quan đến lĩnh vực dịch vụ hàng hóa nông nghiệp.
- Năm 2009, Liên bang Nga có 1.500 hợp tác xã tín dụng nông nghiệp với 143.000 thành viên; 183 liên minh tín dụng với 431.000 thành viên; 70 hợp tác xã nhà ở với 20.000 thành viên; 3.000 hợp tác tiêu dùng với 4,8 triệu thành viên; và 40.000 hợp tác xã trồng trọt với 27 triệu thành viên.¹¹¹ Năm 2020, trong nước có hơn 50.000 hợp tác xã.¹¹²
- Thụy Sĩ có 8.559 hợp tác xã, chiếm 5,3% việc làm và hơn 15% tổng sản phẩm quốc nội của Thụy Sĩ.¹¹³ Ở khu vực Thụy Sĩ nói tiếng Pháp, các tổ chức KTXH&ĐK sử dụng 5.000 người lao động, với sự tham gia của hơn 12.000 tình nguyện viên. Ở Canton thuộc Geneva, khoảng 17.000 đơn vị KTXH&ĐK cung cấp sản phẩm, dịch vụ cho hơn 400.000 người thụ hưởng và khách hàng.¹¹⁴
- Thổ Nhĩ Kỳ có hơn 53.000 hợp tác xã, khoảng 105.000 hiệp hội và gần 4,800 quỹ từ thiện, với sự tham gia của 16 triệu cá nhân.¹¹⁵ Có khoảng 1.776 doanh nghiệp xã hội, gồm các doanh nghiệp thương mại do các quỹ cộng đồng, hợp tác xã phụ nữ và hiệp hội vì lợi ích cộng đồng điều hành.¹¹⁶

58. Nền KTXH&ĐK xuất hiện ở các tổ chức trên châu Âu. Năm 2019, Hội nghị Chủ tịch Nghị viện Châu Âu đã phê chuẩn việc tái thành lập Liên nhóm Kinh tế Xã hội cho giai đoạn 2019-2024, với sự trợ giúp của hơn 80 thành viên Nghị viện Châu Âu.¹¹⁷ Ở quy mô Liên minh Châu Âu, các sáng kiến đã được thực hiện để hỗ trợ phát triển các hợp tác xã, tổ chức tương hỗ, hiệp hội và quỹ từ thiện ở châu Âu.¹¹⁸ Năm 2015, một ủy ban giám sát được thành lập để giám sát việc thực hiện lộ trình hướng tới một hệ sinh thái toàn diện hơn cho thỏa thuận doanh nghiệp kinh tế xã hội trong Tuyên bố Luxembourg, được thông qua vào cùng năm đó.¹¹⁹ Năm 2017, đại diện 8 chính quyền quốc gia đã thông qua Tuyên bố Ljubljana về mở rộng quy mô doanh nghiệp kinh tế xã hội ở Đông Nam Âu. Ủy ban Châu Âu đã thành lập Nhóm chuyên gia về Nền Kinh tế Xã hội và Doanh nghiệp Xã hội (GECES) để tư vấn cho Ủy ban về các sáng kiến chính sách liên quan đến KTXH&ĐK trong giai đoạn 2018-2024. Ngoài ra, tiếp nối Sáng kiến Kinh doanh Xã hội năm 2011, Sáng kiến Khởi nghiệp và Mở rộng quy mô năm 2016, Ủy ban Châu Âu triển khai Kế hoạch Hành động cho Nền kinh tế xã hội năm 2021.¹²⁰

59. Liên minh Châu Âu có một số tổ chức, mạng lưới khu vực đại diện cho nền KTXH&ĐK và hỗ trợ sự phát triển của nền kinh tế này. Năm 2015, Hội đồng Việc làm, Chính sách Xã hội, Y tế và Người tiêu dùng đã thông qua các kết luận về thúc đẩy nền kinh tế xã hội, công nhận nền KTXH&ĐK là động lực chính cho sự phát triển kinh tế, xã hội ở châu Âu. Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu bao gồm Nhóm

¹¹⁰ Buxton, Ablezova và Moldosheva.

¹¹¹ ILO, *Khu vực hợp tác xã ở Nga và Thực hiện Khuyến nghị số 193 của ILO về Phát triển các xu hướng hợp tác xã khác nhau ở Nga. Báo cáo phân tích*, 2009.

¹¹² Cục Thống kê Nhà nước Liên bang của Liên bang Nga, "Hệ thống thông tin thống kê liên ngành thống nhất", 2020.

¹¹³ Idée Coopérative, "Genossenschaften in der Schweiz: ein Erfolgsmodell der Gegenwart und Zukunft. Genossenschaftsmonitor 2020", 2020.

¹¹⁴ Sophie Swaton, "L'économie sociale et solidaire en Suisse romande", *REISO Revue d'information sociale*, 2015.

¹¹⁵ Hüseyin Polat, *Hợp tác xã trong nền kinh tế xã hội ở Thổ Nhĩ Kỳ: Những thách thức đối với Hợp tác xã nông nghiệp* (CIRIEC, 2016).

¹¹⁶ Duygu Uygur và Barbara Franchini, *Doanh nghiệp xã hội và hệ sinh thái của loại hình doanh nghiệp này ở châu Âu. Quốc gia: Thổ Nhĩ Kỳ* (Liên minh Châu Âu, 2019).

¹¹⁷ Nền kinh tế xã hội châu Âu, "Liên nhóm Kinh tế Xã hội của Nghị viện Châu Âu."

¹¹⁸ Dự thảo quy định duy nhất có hiệu lực là về hợp tác xã tại châu Âu, được thông qua "Đạo luật cho Hiệp hội Hợp tác xã Châu Âu" năm 2003, cho phép công dân từ nhiều Quốc gia Thành viên thành lập hiệp hội hợp tác xã tại châu Âu.

¹¹⁹ Tuyên bố Luxembourg - Lộ trình hướng tới một hệ sinh thái toàn diện hơn cho doanh nghiệp kinh tế xã hội.

¹²⁰ Ủy ban Châu Âu, *Xây dựng nền kinh tế hiệu quả cho mọi người: Kế hoạch hành động cho nền kinh tế xã hội*, 2021.

Đa dạng Châu Âu¹²¹, hoạt động nhằm thúc đẩy nền KTXH&ĐK và công bố các ý kiến của mình.¹²² Các tổ chức và mạng lưới khu vực thúc đẩy nền KTXH&ĐK bao gồm: Kinh tế Xã hội Châu Âu (Social Economy Europe); Mạng lưới Liên lục địa vì sự Thúc đẩy Nền Kinh tế Xã hội và Đoàn kết ở Châu Âu (RIPESS–Châu Âu); Mạng lưới Euclid (Euclid Network); Mạng lưới Diosis (Diosis Network). Ngoài ra còn có các viện nghiên cứu, như Viện Nghiên cứu Châu Âu về Hợp tác xã và Doanh nghiệp Xã hội (EURICSE). Mạng lưới Nghiên cứu Quốc tế EMES và Trung tâm Nghiên cứu và Thông tin Quốc tế về Kinh tế Công, Kinh tế Xã hội và Kinh tế Hợp tác xã (CIRIEC) bắt nguồn từ châu Âu nhưng hiện là những mạng lưới nghiên cứu lớn có quy mô toàn cầu.

¹²¹ Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu “Nhóm Đa dạng Châu Âu.”

¹²² Có thể xem cập nhật mới nhất về hành động mà Ủy ban thực hiện tại: Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu, *Giai đoạn 2015-2020 - Báo cáo hoạt động của “Hạng mục Nền kinh tế xã hội”*, 2020.

► Chương 2. Những đóng góp vào tạo việc làm thỏa đáng và sự phát triển bền vững

60. Chương 2 sẽ tập trung vào đánh giá những đóng góp của nền KTXH&ĐK vào việc thúc đẩy Chương trình nghị sự về Việc làm thỏa đáng của ILO cũng như Chương trình nghị sự tổng thể tới năm 2030, và đưa ra ví dụ về các chủ thể KTXH&ĐK cũng như cấu trúc ngành dọc của các chủ thể này.

61. Các tổ chức KTXH&ĐK quốc tế là nguồn số liệu thống kê tự báo cáo về nền KTXH&ĐK. Dưới đây là một số điểm nổi bật của số liệu thống kê.

- Theo báo cáo của Liên đoàn Bảo hiểm Hợp tác xã và Bảo hiểm Tương hỗ Quốc tế (ICMIF), doanh thu phí bảo hiểm của ngành bảo hiểm tương hỗ và bảo hiểm hợp tác xã trên toàn cầu đã tăng 30% trong giai đoạn 2007-2017. Trong cùng giai đoạn, thị phần toàn cầu do các công ty bảo hiểm tương hỗ và bảo hiểm hợp tác xã nắm giữ đã tăng từ 24% vào năm 2007 lên 26,7% vào năm 2017.¹²³
- Năm 2017, ước tính thế giới có 2,9 triệu hợp tác xã, với tổng số thành viên là 1,2 tỷ người.¹²⁴ Dựa trên dữ liệu từ 156 quốc gia, ước tính có 279,4 triệu người làm việc hoặc nằm trong phạm vi của các hợp tác xã, tương đương với 9,5% dân số có việc làm trên thế giới.¹²⁵ Trong tổng ước tính này, 27,2 triệu người làm việc trong hợp tác xã, bao gồm 16 triệu nhân viên hợp tác xã, 11,1 triệu trong số đó cũng đồng thời là thành viên. Việc làm trong phạm vi của hợp tác xã, chủ yếu là những thành viên sản xuất tự làm chủ, liên quan đến 252,2 triệu người, phần lớn trong lĩnh vực nông nghiệp.
- Theo báo cáo của Hội đồng Liên minh Tín dụng Thế giới, các hợp tác xã tín dụng và tiết kiệm thành viên đã tăng mạnh trong giai đoạn 2005-2019. Số lượng thành viên liên minh tín dụng tính theo tỷ lệ phần trăm dân số đã tăng từ 6,6 lên 9,6% trong giai đoạn này, trong khi đó, tài sản mà các liên minh tín dụng nắm giữ - với phần lớn thành viên thuộc nhóm thu nhập thấp - tăng từ 0,9 ngàn tỷ lên 2,6 ngàn tỷ USD. Năm 2020, có hơn 375 triệu thành viên liên minh tín dụng tại 118 quốc gia. Trong năm 2019 và 2020, thành viên liên minh tín dụng tăng 29%.¹²⁶
- Năm 2019, 300 hợp tác xã và tổ chức tương hỗ lớn nhất cho biết tổng doanh thu của họ là 2,2 tỷ USD.¹²⁷
- Năm 2014, tỷ lệ trung bình hoạt động khởi nghiệp xã hội nói chung ở các doanh nghiệp mới thành lập là 3,2% trên 38 quốc gia, với số liệu dao động từ mức 0,3% ở Hàn Quốc cho tới 10,1% ở Peru.¹²⁸

Việc làm và tạo thu nhập

62. Các chủ thể KTXH&ĐK tạo ra việc làm trực tiếp và gián tiếp. Việc làm được tạo ra trực tiếp trong các chủ thể KTXH&ĐK. Việc làm cũng được tạo ra và duy trì thông qua các sản phẩm, dịch vụ mà các chủ thể KTXH&ĐK cung cấp ở các ngành nghề, lĩnh vực khác nhau, từ ngành thực phẩm, nhà ở, tới chăm sóc trẻ em, người cao tuổi, cho tới dịch vụ tài chính. Bằng cách gián tiếp, nền KTXH&ĐK cũng có thể tạo ra việc làm nhờ hiệu ứng lan tỏa. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể góp phần vào việc hoàn thành Mục tiêu 2 (không còn nạn đói), Mục tiêu 8 (việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế) và Mục tiêu 9 (công nghiệp, sáng tạo và phát triển hạ tầng) trong Chương trình nghị sự 2030, trong phạm vi hỗ

¹²³ ICMIF, *Thị phần tổ chức tương hỗ trên toàn cầu 10*, 2019.

¹²⁴ Tổ chức Hợp tác xã Công nghiệp và Dịch vụ Quốc tế (CICOPA), *Hợp tác xã và việc làm. Báo cáo toàn cầu thứ hai*, 2017.

¹²⁵ CICOPA.

¹²⁶ Hội đồng Liên minh Tín dụng Thế giới, *Báo cáo thống kê 2019*, 2020.

¹²⁷ EURICSE và ICA, *Giám sát Hợp tác xã Thế giới*, 2021.

¹²⁸ Dự án Giám sát Khởi nghiệp Toàn cầu (Global Entrepreneurship Monitor) cung cấp dữ liệu từ 31 quốc gia về các doanh nghiệp xã hội dựa trên định nghĩa hẹp về doanh nghiệp xã hội là đơn vị sản xuất trong thị trường ưu tiên giá trị xã hội, môi trường lên trên giá trị tài chính. Tham khảo Niels Bosma và cộng sự, *Giám sát Khởi nghiệp Toàn cầu: Báo cáo chuyên đề đặc biệt – Khởi nghiệp xã hội*, 2015.

trợ tạo việc làm - bao gồm cả việc làm cho thanh niên - và phát triển hoạt động khởi nghiệp, gia tăng năng suất.¹²⁹

- 63. Các chủ thể KTXH&ĐK hoạt động ở các giai đoạn khác nhau trong chuỗi cung ứng.** Trong hệ thống tiếp thị bông ở Burkina Faso, 325.000 nhà sản xuất tập hợp tổ chức thành 12.000 nhóm nhà sản xuất bông, công việc của họ là thu và cân lượng bông thu hoạch được của các thành viên thay mặt cho 3 công ty công-tư lớn về chế biến bông. Họ có mặt trong Hiệp hội Bông Liên ngành của Burkina Faso (AICB) thông qua Hiệp hội Nông dân trồng bông Quốc gia (UNPCB).¹³⁰ Trong những năm gần đây, các hợp tác xã sản xuất và tiêu dùng đã xây dựng những kênh thương mại trực tiếp giữa các hợp tác xã với nhau. Nếu mở rộng, những sáng kiến như vậy có thể tạo ra một mô hình thương mại công bằng và hiệu quả. Ví dụ, sản phẩm của hợp tác xã sản xuất cà phê của Kenya đang được bán cho các cửa hàng hợp tác xã tiêu dùng của Đan Mạch. Dừa hữu cơ do hợp tác xã Togo sản xuất được bày bán trong các cửa hàng hợp tác xã tiêu dùng của Ý.
- 64. Tuy nền KTXH&ĐK có những đóng góp vào chuỗi cung ứng, nhưng vẫn còn những thách thức lớn.** Các chủ thể KTXH&ĐK có thể tập trung ở những phân khúc trong chuỗi cung ứng có năng suất thấp và rủi ro cao. Họ có thể có nguồn lực và năng lực hạn chế, điều này khiến họ khó cạnh tranh trong chuỗi cung ứng và tham gia thị trường có giá trị cao hơn. Để đảm bảo tính bền vững lâu dài, các chủ thể KTXH&ĐK cần đa dạng hóa hoạt động và nâng cấp quy trình cũng như sản phẩm của mình. Họ cũng cần đầu tư vào đào tạo và nâng cao kỹ năng, bí quyết, quy trình và trang thiết bị.¹³¹ Một nghiên cứu gần đây của ILO cho thấy rằng ở Cameroon, trở ngại lớn nhất trong hoạt động của các chủ thể KTXH&ĐK là: sự hạn chế trong khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính (76%); chi phí đầu vào cao (75%); không được tiếp cận nhiều tới cơ sở hạ tầng (52%). Khó khăn chủ yếu trong việc phát triển các chủ thể KTXH&ĐK là thiếu thông tin về chương trình hỗ trợ và chi phí dịch vụ tư vấn cao.¹³²
- 65. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể áp dụng những chiến lược khác nhau để mở rộng quy mô nhằm giải quyết khó khăn về năng suất.** *Tăng trưởng theo chiều ngang* thường liên quan đến việc thành lập mạng lưới, cơ sở nhượng quyền hoặc công ty con. Việc này có thể tận dụng sự hỗ trợ của chính quyền địa phương, tổ chức nghiên cứu, ngân hàng hợp tác xã và các tổ chức đào tạo KTXH&ĐK. *Tăng trưởng theo chiều dọc* liên quan đến việc thành lập đơn vị cấp hai hoặc cấp ba để cung cấp dịch vụ, từ giáo dục, tài chính cho đến vận động chính sách. *Tăng trưởng chéo* liên quan đến việc truyền các giá trị, nguyên tắc của nền KTXH&ĐK vào nền kinh tế địa phương. Vùng Emilia Romagna ở Ý và xứ Basque ở Tây Ban Nha đã nhân rộng và điều chỉnh các sáng kiến tốt về KTXH&ĐK, góp phần vào sự thịnh vượng chung của nền kinh tế, xã hội trong khu vực.¹³³ Một thách thức quan trọng đối với sự tăng trưởng của nền KTXH&ĐK là đảm bảo tính liên tục trong tính gắn gũi và khả năng đáp ứng nhu cầu của các thành viên, người lao động, người dùng và cộng đồng, sao cho phù hợp với các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK.
- 66. Các chủ thể KTXH&ĐK đặc biệt có hiệu quả trong việc thúc đẩy cơ hội việc làm, tạo thu nhập và giảm bất bình đẳng ở khu vực nông thôn.** Điều này được công nhận trong kết luận về vấn đề thúc đẩy việc làm ở nông thôn nhằm xóa đói giảm nghèo, được Hội nghị Lao động Quốc tế thông qua tại Phiên họp thứ 97 (2008).¹³⁴ Khuyến nghị về Tổ chức của Người lao động Nông thôn, năm 1975 (số 149), cũng nhắc tới vai trò của hợp tác xã trong việc giúp các tổ chức cho người lao động nông thôn trực tiếp đáp ứng nhu cầu của thành viên, đồng thời thúc đẩy sự tương thuộc thông qua tự lập về kinh tế. Các

¹²⁹ Khuyến nghị về Chính sách Việc làm (Điều khoản bổ sung) của ILO, năm 1984 (số 169), đề cập đến vai trò mà hợp tác xã cho người lao động có thể đảm nhận trong cung cấp việc làm cho những cá nhân, nhóm thanh niên, người chịu thiệt thòi (Đoạn 16(i)). Khuyến nghị cũng nhắc tới việc cần cân nhắc đến tầm quan trọng của những tổ chức nhỏ, chẳng hạn như hợp tác xã và hiệp hội, trong việc cung cấp cơ hội việc làm, đặc biệt là cho người lao động đặc biệt khó khăn (Đoạn 30).

¹³⁰ Công ty Sợi dệt Burkinabe (SOFITEX).

¹³¹ ILO, "Báo cáo tóm tắt số 2 về Sự phát triển chuỗi giá trị: Vai trò của hợp tác xã và hiệp hội kinh doanh trong phát triển chuỗi giá trị", 2012.

¹³² ILO và MINP MEESA.

¹³³ UNRISD, "Đo lường quy mô và tác động của nền kinh tế xã hội và đoàn kết", 2018.

¹³⁴ ILO, *Báo cáo của Ủy ban Việc làm nông thôn*, Hồ sơ thủ tục, Hội nghị Lao động Quốc tế, Phiên họp thứ 97, 2008 (Hồ sơ số 15).

chủ thể KTXH&ĐK có thể góp phần chuyển đổi hiệu quả nền kinh tế nông thôn và thúc đẩy việc làm thỏa đáng ở khu vực nông thôn, như trong lĩnh vực thực phẩm nông nghiệp, vốn là trụ cột của nhiều nền kinh tế nông thôn. Các tổ chức vững chắc, độc lập và hiệu quả của người sử dụng lao động, người lao động, hợp tác xã và hiệp hội sản xuất ở nông thôn có thể giúp cộng đồng người dân nông thôn gây ảnh hưởng và tăng cường phát triển kinh tế, xã hội và sinh kế của họ. Những tổ chức này có thể đảm bảo lắng nghe ý kiến của những người sống ở vùng nông thôn, bao gồm cả trong việc xây dựng, thực thi pháp luật, chính sách và chiến lược có tác động đến công việc và cuộc sống của họ.

67. Các tổ chức tài chính xã hội liên quan đến KTXH&ĐK gián tiếp góp phần tạo ra việc làm thông qua cung cấp vốn cần thiết để thành lập doanh nghiệp hoặc mua phương tiện thiết yếu để sản xuất. Trong đó bao gồm các hiệp hội tín dụng và tiết kiệm luân phiên, có mặt ở nhiều nơi trên thế giới,¹³⁵ liên minh tín dụng, ngân hàng làng và ngân hàng hợp tác xã. Năm 2021, liên minh tín dụng sử dụng hơn 315.000 lao động ở Hoa Kỳ, con số này đã tăng trung bình 2,5% từ năm 2016 đến 2021.¹³⁶ Hiệp hội TNHH Tiết kiệm và Cho vay Giáo viên là một hợp tác xã tài chính cung cấp dịch vụ cho vay và gửi tiết kiệm cho 47.000 giáo viên, cán bộ nhân viên trong Bộ Giáo dục ở Papua New Guinea, với 16 chi nhánh trên tất cả các tỉnh.¹³⁷ Hơn nữa, các chủ thể KTXH&ĐK trong ngành tài chính đã áp dụng công nghệ số để tiếp cận và phục vụ thành viên của mình một cách hiệu quả hơn. Một ví dụ cụ thể là nền tảng thanh toán KAYA, được sử dụng bởi các hợp tác xã tài chính ở Philippines.¹³⁸

68. Tiếp cận tài chính là một thách thức quan trọng trong quá trình phát triển nền KTXH&ĐK. Một số chức năng của các chủ thể KTXH&ĐK giúp tạo điều kiện tiếp cận nhiều hình thức tài trợ khác nhau. Ví dụ như các khoản quyên góp, trợ cấp, khoản vay hợp lý từ chính phủ, cơ chế tiền tệ bổ sung, thu vốn từ thành viên, các bên liên quan và tái đầu tư phần thặng dư.¹³⁹ Tuy nhiên, việc tiếp cận hệ thống ngân hàng truyền thống thường rất hạn chế. Điều này không chỉ do những hình thức hạn chế mà các doanh nghiệp vừa và nhỏ (DNVVN) thường gặp phải, mà còn có thể do bất lợi cạnh tranh của các chủ thể KTXH&ĐK so với các đơn vị thể chế khác. Ví dụ, các đơn vị KTXH&ĐK quy mô nhỏ có thể thiếu thông tin tín dụng trước đây, hình thức thế chấp thông thường và phương pháp hành chính để xử lý các thủ tục đăng ký phức tạp.¹⁴⁰ Các cơ cấu quản trị nền KTXH&ĐK được thiết kế để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan (nói cách khác là người lao động, khách hàng và tình nguyện viên), chứ không phải để trả tiền cho nhà đầu tư. Các cơ cấu này thường đưa họ rơi vào bất lợi cạnh tranh so với các doanh nghiệp tối đa hóa lợi nhuận về mặt khả năng tiếp cận tín dụng hoặc vốn thông qua hệ thống ngân hàng truyền thống.¹⁴¹ Nguyên tắc nghiêm cấm hoặc hạn chế phân bổ lợi nhuận có thể khiến họ càng khó tiếp cận tài trợ từ những đơn vị cho vay truyền thống. Ví dụ, các hợp tác xã cho biết cơ cấu sở hữu của hợp tác xã khiến họ gặp khó khăn trong hưởng lợi từ các khoản đầu tư vốn chủ sở hữu.¹⁴² Ngoài ra cũng có lo ngại rằng việc tiếp cận các cơ chế truyền thống có thể ảnh hưởng đến các giá trị, thông lệ KTXH&ĐK liên quan đến một số vấn đề, ví dụ như quản trị dân chủ và hạn chế phân bổ lợi nhuận. Trong bối cảnh các chủ thể KTXH&ĐK ở nhiều ngành đang mở rộng và đa dạng hóa hoạt động của mình, đồng thời yêu cầu về vốn có khả năng tăng lên, thì việc tiếp cận với nhiều loại công cụ tài chính hơn là cần thiết.

69. Các chủ thể KTXH&ĐK cung cấp nhiều loại dịch vụ cho thành viên và cộng đồng của mình để nâng cao thu nhập, sinh kế cho họ. Các hiệp hội người bán hàng rong, tổ chức thương mại công bằng, hợp tác xã cung ứng và tiếp thị nông nghiệp là những tác nhân chính tạo điều kiện tiếp cận tới thị trường ở nhiều quốc gia. Ước tính có khoảng 1,9 triệu nông dân và người lao động trên 71 quốc gia là thành viên của 1.880 tổ chức sản xuất được chứng nhận thương mại công bằng.¹⁴³ Ở Ecuador, Quý

¹³⁵ Ví dụ, *chama* ở vùng Đông Phi nói tiếng Swahili, *tontines* ở Tây Phi, *tandas* ở Nam Mỹ, *kameti* ở Pakistan, *partnerhand* ở vùng Tây Ấn, *cundinas* ở Mexico, *ayuuto* ở Somalia, *hui* ở Trung Quốc, *gam'eya* ở Trung Đông, *kye* ở Hàn Quốc, *tanomoshiko* ở Nhật Bản và *pandeiros* ở Brazil.

¹³⁶ IBISWorld, "Các liên minh tín dụng ở Hoa Kỳ - Số liệu thống kê việc làm giai đoạn 2002-2027", 23/10/2021.

¹³⁷ ILO, "Cung cấp dịch vụ cho vay và tiết kiệm cho giáo viên từ năm 1972", Cuộc phỏng vấn nổi bật với các xã viên hợp tác xã, 2016.

¹³⁸ Hiệp hội Quốc gia Các trung tâm đào tạo cho hợp tác xã ở Philippines, "Dịch vụ thanh toán".

¹³⁹ Caitlin McMullin, *Cơ chế tài chính cho hệ sinh thái nền kinh tế xã hội và đoàn kết đổi mới: Trường hợp ở Quebec* (ILO, 2021).

¹⁴⁰ Utting.

¹⁴¹ McMullin.

¹⁴² Ủy ban Châu Âu, *Xây dựng nền kinh tế hiệu quả cho mọi người: Kế hoạch hành động cho nền kinh tế xã hội*, 2021.

¹⁴³ Fairtrade International. *Tương lai công bằng, Báo cáo thường niên 2020-2021*, 2021.

Những người sản xuất phô mai ở cộng đồng nông thôn (Funconquerucom) quy tụ hơn 30 công ty sản xuất phô mai cộng đồng ở 4 tỉnh. Tổ chức này tạo thị trường cho 3 tấn phô mai và bơ, do 1.200 nông dân nhỏ lẻ sản xuất hàng ngày, sản phẩm được bày bán qua các cửa hàng trong vùng lân cận, nhà hàng và siêu thị trên cả nước. Tổ chức cũng đào tạo nông dân về vấn đề kỹ thuật, vệ sinh và quản lý quy trình làm phô mai.¹⁴⁴ Ở Mexico, chợ xanh ở Morelos hàng tháng tổ chức sự kiện cung cấp không gian cho 200 nhà sản xuất bán hàng hóa được sản xuất theo cách bền vững tới những người tiêu dùng quan tâm đến môi trường.¹⁴⁵ Ở Nam Phi, Hiệp hội Tài sản chung Bela Bela tạo việc làm và đào tạo, phát triển kỹ năng để nâng cao năng lực cho các thành viên trong cộng đồng.¹⁴⁶ Ở Tây Ban Nha, các đơn vị KTXH&ĐK có hoạt động hòa nhập đối với người lao động gặp khó khăn trong tiếp cận việc làm, như người trên 55 tuổi, người khuyết tật và người có nguy cơ bị loại trừ, đồng thời tạo ra mức độ ổn định việc làm cao hơn so với một số đơn vị thể chế khác.¹⁴⁷ Tại Hoa Kỳ, Dự án HOME là một tổ chức cộng đồng có trụ sở tại Philadelphia, thực hiện các chương trình được công nhận toàn quốc và cơ hội việc làm cho những người vô gia cư lâu năm. Doanh nghiệp Xã hội (Social Enterprise) là một nhóm các doanh nghiệp nhỏ đóng vai trò như một môi trường hỗ trợ, xây dựng kỹ năng cho những người trong Dự án HOME thông qua cửa hàng làm quà tặng thủ công và hiệu sách trực tuyến.¹⁴⁸

70. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể đóng vai trò then chốt trong việc gia tăng năng suất và khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp bằng cách tạo ra tính kinh tế nhờ quy mô. Điều này áp dụng cho các hợp tác xã dịch vụ chung, còn gọi là hợp tác xã chủ doanh nghiệp hoặc liên hiệp hợp tác xã, cho phép các doanh nghiệp nhỏ gia tăng năng suất thông qua việc cùng tổ chức các dịch vụ thiết yếu như cung ứng đầu vào, vận tải, chế biến và tiếp thị, đồng thời giảm chi phí cố định và tăng doanh thu. Các dịch vụ tập thể do đơn vị KTXH&ĐK cung cấp có thể đóng vai trò quan trọng để gia tăng năng suất, khả năng cạnh tranh của các nhà sản xuất quy mô nhỏ cũng như DNVVN.¹⁴⁹ Hợp tác xã của chủ doanh nghiệp đã hoạt động hiệu quả trong thời gian gần 150 năm tại một số nước Tây Âu. Những năm gần đây, các chuyên gia và tổ chức công ở Bắc Mỹ cũng bắt đầu áp dụng hình thức này. Tại Ý, Copernico là một liên hiệp gồm 6 hợp tác xã xã hội cung cấp dịch vụ giáo dục, phúc lợi xã hội cho trẻ em, thanh thiếu niên, gia đình, người nhập cư và người xin tị nạn, đồng thời cung cấp cơ hội việc làm cho nhóm yếu thế. Nhân viên của tổ chức có hơn 200 người, 76% là phụ nữ và 18% là nhóm chịu thiệt thòi.¹⁵⁰ Hợp tác xã dịch vụ chung hiện chưa phổ biến ở châu Phi, châu Á, Đông Âu hay Mỹ La-tinh.¹⁵¹

71. Nền KTXH&ĐK cũng có thể tạo ra việc làm thông qua các doanh nghiệp do người lao động làm chủ. Đây là những doanh nghiệp do người lao động sở hữu, kiểm soát đa số hoặc độc quyền. Bất kỳ loại hình doanh nghiệp nào cũng có thể do người lao động làm chủ, từ dịch vụ, bán lẻ, cho tới giáo dục và sản xuất.¹⁵² Các hợp tác xã cho người lao động là doanh nghiệp do người lao động làm chủ, được điều hành và quản lý bởi và vì người lao động, những người sở hữu vốn, biểu quyết như thành viên bình đẳng về những vấn đề liên quan đến điều hành doanh nghiệp và có quyền ứng cử vào hội đồng quản trị. Năm 2020, Tổng liên đoàn Hợp tác xã cho Người lao động (CGSCOP) ở Pháp cho biết có 3.611 hợp tác xã thành viên, với 67.200 người lao động, phần lớn là trong ngành dịch vụ, xây dựng và công nghiệp. Số lượng việc làm do hợp tác xã cho người lao động tạo ra đã tăng 6% trong cùng năm ở quốc gia này.¹⁵³ Ở nhiều nước có hợp tác xã cho người lao động, không phải lúc nào cũng có quy định pháp luật điều chỉnh hoạt động của loại hình tổ chức này. Ở Nhật Bản, hợp tác xã cho người lao động đã tồn tại 25 năm trước khi Đạo luật Hợp tác xã Người lao động được thông qua vào năm 2020.¹⁵⁴ Ở Hoa Kỳ,

¹⁴⁴ FUNCONQUERUCOM - Fundación Consorcio de Queseras Rurales Comunitarias.

¹⁴⁵ Mercado Verde Morelos.

¹⁴⁶ Hiệp hội Tài sản công Bela Bela, “Về Bela Bela CPA.”

¹⁴⁷ Liên đoàn Người sử dụng lao động nền kinh tế xã hội Tây Ban Nha (CEPES), *Análisis del impacto socioeconómico de los valores y principios de la economía social en España*, 2019.

¹⁴⁸ Dự án Home.

¹⁴⁹ ILO, *Việc làm thỏa đáng và năng suất*, GB.341/POL/2, 2021.

¹⁵⁰ ILO, “Hợp tác xã xã hội của Ý phối hợp cùng nhau vì lợi ích của cộng đồng”, Cuộc phỏng vấn nổi bật với các xã viên hợp tác xã, 4/4/2017.

¹⁵¹ Nicole Göler von Ravensburg, *Lợi ích kinh tế và các lợi ích khác của hợp tác xã chủ doanh nghiệp như một hình thức cụm doanh nghiệp cụ thể* (ILO, 2011).

¹⁵² Trung tâm Hợp tác xã của Đại học Wisconsin, “Hợp tác xã cho người lao động là gì?”

¹⁵³ CGSCOP, “Chiffres clés”.

¹⁵⁴ Liên minh Hợp tác xã Người lao động Nhật Bản.

Hiệp hội Chăm sóc tại nhà Hợp tác, một đơn vị cung cấp dịch vụ chăm sóc tại nhà hợp tác do người lao động làm chủ ở Thành phố New York với hơn 2.000 nhân viên, hằng năm cung cấp đào tạo miễn phí dịch vụ chăm sóc tại nhà cho trên 600 phụ nữ có thu nhập thấp và thất nghiệp. Trong khi các đơn vị cung cấp dịch vụ chăm sóc thương mại trong thành phố phân bổ khoảng 60% doanh thu vào tiền lương trực tiếp hoặc phúc lợi cho người lao động, Hiệp hội này phân bổ 82% doanh thu cho người lao động.¹⁵⁵ Những doanh nghiệp do người lao động làm chủ như vậy có thể là chiến lược hiệu quả để tạo việc làm và hỗ trợ sinh kế, đặc biệt là cho những người lao động khu vực phi chính thức.

72. Tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua chuyển đổi sang hình thức người lao động sở hữu đã được triển khai nhằm giúp đảm bảo việc làm. Trong một số trường hợp, việc tái cơ cấu doanh nghiệp như vậy có thể là do doanh nghiệp hoạt động không tốt. Với một số trường hợp khác, nguyên nhân có thể là do chủ sở hữu về hưu, đặc biệt là trường hợp không có kế hoạch rõ ràng cho tương lai của doanh nghiệp.¹⁵⁶ Những nhân viên đã quen thuộc với cách hoạt động của doanh nghiệp có khả năng bị đóng cửa do không có chủ mới có thể đưa ra lộ trình kế nhiệm khi có chính sách, cơ chế tài chính, đào tạo và tư vấn pháp lý phù hợp. Những ví dụ về chuyển đổi thành công sang hình thức người lao động sở hữu có thể thấy ở Argentina, Brazil, Canada, Ý, Phần Lan, Pháp, Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha, Vương quốc Anh và Hoa Kỳ, bao gồm cả Puerto Rico. Ngoài ra cũng có nhiều ví dụ về chuyển đổi không thành công do thiếu năng lực nội bộ hay gặp khó khăn trong môi trường có thể quá sức. Không nhiều quốc gia có chính sách và cơ chế tài chính cho phép tái cơ cấu doanh nghiệp thông qua chuyển sang hình thức do người lao động sở hữu. Có quy định và cơ chế tài chính phù hợp để chuyển sang hình thức người lao động sở hữu có thể tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi đối với doanh nghiệp gặp khó khăn để tiếp tục tồn tại trong giai đoạn khủng hoảng.

Bảo hiểm xã hội và cung cấp dịch vụ xã hội

73. Mặc dù có những bước tiến đáng kể trong mở rộng hoạt động bảo hiểm xã hội ở nhiều nơi trên thế giới, quyền con người đối với an sinh xã hội vẫn chưa được thực hiện cho phần lớn dân số trên thế giới.¹⁵⁷ Vào tháng 6/2021, Hội nghị đã kêu gọi thực hiện bảo hiểm xã hội toàn cầu, được hiểu là khả năng tiếp cận sự bảo vệ toàn diện, đầy đủ và bền vững trong suốt vòng đời, tuân theo tiêu chuẩn của ILO. Để làm được điều này phải từng bước xây dựng và duy trì hệ thống bảo hiểm xã hội phù hợp trên toàn quốc.¹⁵⁸ Hội nghị cũng nhắc lại trách nhiệm chính của Nhà nước trong việc xây dựng khung quản trị bảo hiểm xã hội đầy đủ và nhu cầu cấp bách cần nỗ lực hơn nữa để thu hẹp khoảng cách trong tỷ lệ bao phủ, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang chính thức.¹⁵⁹ Các chủ thể KTXH&ĐK có thể hỗ trợ những hoạt động này bằng cách thiết lập quan hệ đối tác với các tổ chức bảo hiểm xã hội. Họ có thể đóng góp thực hiện Mục tiêu 1 (xóa nghèo), Mục tiêu 3 (cuộc sống khỏe mạnh và phúc lợi tốt) và Mục tiêu 10 (giảm bất bình đẳng) trong Chương trình nghị sự 2030 thông qua thực hiện bảo hiểm xã hội, trong đó có bảo hiểm y tế và dịch vụ chăm sóc.

74. Các chủ thể KTXH&ĐK có vai trò nhất định trong hệ thống bảo hiểm xã hội quốc gia thông qua tạo điều kiện tiếp cận bảo hiểm xã hội cho thành viên của mình. Các chủ thể KTXH&ĐK, đặc biệt là hợp tác xã, có thể giúp tiếp cận tới bảo hiểm xã hội, ví dụ như thông qua các chiến dịch nâng cao nhận thức, đăng ký tập thể hoặc thỏa thuận tập thể. Ở Costa Rica, các hợp tác xã nông dân đã ký kết thỏa thuận bảo hiểm tập thể với Quỹ An sinh Xã hội Costa Rica (CCSS). Các hợp tác xã chịu trách nhiệm thu thập và chuyển các khoản đóng góp của thành viên, từ đó đơn giản hóa quy trình, giảm chi

¹⁵⁵ Carlo Borzaga, Gianluca Salvatori và Riccardo Bodini, *Nền kinh tế xã hội & đoàn kết và Tương lai việc làm* (Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO, 2017).

¹⁵⁶ Simel Esim và Walther Katajamaki, “Khám phá lại hợp tác xã cho người lao động trong bối cảnh thế giới việc làm thay đổi”, *IUSLabour* 1, 2017.

¹⁵⁷ ILO, *Báo cáo quan trọng: Báo cáo Bảo hiểm xã hội Thế giới, 2020-2022: Những ngã rẽ trong bảo hiểm xã hội - Theo đuổi tương lai tốt đẹp hơn*, 2021.

¹⁵⁸ ILO, *Nghị quyết và những kết luận liên quan đến phiên thảo luận định kỳ lần thứ hai về bảo hiểm xã hội (an sinh xã hội)*, Hội nghị Lao động Quốc tế, Phiên họp thứ 109, Geneva, 2021.

¹⁵⁹ Hội nghị nhắc lại rằng Tuyên bố Thế kỷ kêu gọi “tiếp cận toàn dân tới hệ thống bảo hiểm xã hội toàn diện, đầy đủ và bền vững, được thích ứng với sự phát triển trong thế giới việc làm”, và việc cung cấp sự bảo trợ như vậy cho người lao động trong mọi loại hình công việc là ưu tiên chính của các Quốc gia Thành viên.

phí và giúp tiếp cận tới an sinh xã hội ở khu vực nông thôn.¹⁶⁰ Hợp tác xã cũng có thể đóng vai trò chủ chốt trong tạo điều kiện tiếp cận tới các cơ chế an sinh xã hội công cho người lao động tự làm chủ ở các lĩnh vực khác, chẳng hạn như nghệ sĩ, tài xế taxi, bao gồm cả những người sử dụng nền tảng lao động số.¹⁶¹ Ngoài việc hỗ trợ bao phủ an sinh xã hội, việc tổ chức thành hợp tác xã cũng có thể nâng cao sự công nhận về mặt pháp lý, tăng cường tính hiệu quả và đảm bảo kinh tế, xây dựng nền tảng tiếp cận tài chính.¹⁶² Ở Philippines, hợp tác xã giúp các thành viên đăng ký với cơ quan bảo hiểm y tế quốc gia (PhilHealth) và thu các khoản đóng góp, từ đó nâng cao tỷ lệ bao phủ.¹⁶³

75. Tùy thuộc vào bối cảnh quốc gia, các chủ thể KTXH&ĐK có thể được lồng ghép hơn nữa vào hệ thống bảo hiểm xã hội. Ví dụ, một số chức năng hành chính của hệ thống bảo hiểm xã hội quốc gia, như vận động xã hội, hoạt động liên kết và thu khoản đóng góp, có thể giao cho các đơn vị KTXH&ĐK hoạt động vì nhóm người dân cụ thể. Trong một số trường hợp, các tổ chức an sinh xã hội có thể ủy quyền một số chức năng nhất định cho các tổ chức dựa vào cộng đồng, đặc biệt là tổ chức tương hỗ và hợp tác xã, để nâng cao tính gần gũi với một số nhóm người dân. Ngược lại, khi không được đưa vào hệ thống bảo hiểm xã hội quốc gia, các tổ chức tương hỗ có rất ít thành công trong việc mở rộng tỷ lệ bao phủ, vì họ không được phép tập hợp rủi ro để chịu chung và có xu hướng đưa ra lựa chọn bất lợi. Có nhiều ví dụ về việc lồng ghép thành công trong các bối cảnh khác nhau. Chẳng hạn như ở Bỉ, bảo hiểm y tế xã hội bắt buộc được cung cấp qua các tổ chức tương hỗ. Tại Pháp, cơ quan bảo hiểm y tế quốc gia ủy quyền chức năng hành chính văn phòng cho các tổ chức tương hỗ phục vụ nhóm người lao động trong lĩnh vực hoạt động cụ thể.¹⁶⁴ Ở Senegal, cơ chế trợ cấp để bao phủ y tế toàn dân được triển khai thông qua tổ chức tương hỗ và chế độ an sinh xã hội mới cho người lao động tự do.¹⁶⁵

76. Các chủ thể KTXH&ĐK cũng đóng vai trò thiết yếu trong việc cung cấp dịch vụ y tế, xã hội và nhà ở, vốn là một phần trong hệ thống bảo hiểm xã hội quốc gia ở một số nước. Tại nhiều nước, hệ thống bảo hiểm xã hội ký hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ, đặc biệt là trong lĩnh vực bảo trợ y tế xã hội, chăm sóc trẻ em, chăm sóc dài hạn và nhà ở. Trong bối cảnh như vậy, các hợp tác xã và hiệp hội gia tăng giá trị cho việc cung cấp các dịch vụ đó như một phần trong hệ thống bảo hiểm xã hội. Tổ chức Hợp tác xã Y tế Quốc tế ước tính có khoảng 100 triệu hộ gia đình trên thế giới tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe thông qua 3.300 hợp tác xã y tế ở 76 quốc gia. Nhiều trong số đó được lồng ghép như nhà cung cấp của hệ thống bảo trợ y tế xã hội quốc gia.¹⁶⁶

77. Với việc dịch vụ chăm sóc dài hạn ngày càng được lồng ghép nhiều vào trong phạm vi hệ thống bảo hiểm xã hội,¹⁶⁷ các chủ thể KTXH&ĐK ngày càng có tiềm năng đóng góp với tư cách nhà cung cấp dịch vụ. Các chủ thể KTXH&ĐK đáp ứng nhu cầu của nhiều nhóm dân số như thanh niên chịu thiệt thòi, người khuyết tật, người cao tuổi và trẻ em. Việc này thường phục vụ nhiều mục đích, phản ánh nhu cầu chăm sóc đa dạng của người hưởng lợi, đồng thời cũng liên quan đến nhiều bên, bao gồm đơn vị cung cấp dịch vụ chăm sóc, người hưởng lợi, chính phủ và đại diện cộng đồng.¹⁶⁸ Tại Ý, 85% dịch vụ chăm sóc cho trẻ em, người cao tuổi và người dễ tổn thương ở Bologna do các hợp tác xã xã hội cung cấp, được đồng sở hữu bởi người cung cấp dịch vụ và người được chăm sóc.¹⁶⁹ Các đơn vị KTXH&ĐK hoạt động trong lĩnh vực đáp ứng nhu cầu chăm sóc dài hạn và nhà ở cho người

¹⁶⁰ ILO và FAO, *Mở rộng bảo hiểm xã hội tới người dân nông thôn: Quan điểm về cách tiếp cận chung của FAO và ILO*, 2021.

¹⁶¹ ILO, *Mở rộng an sinh xã hội cho người lao động trong nền kinh tế phi chính thức: Bài học từ kinh nghiệm quốc tế*, 2021.

¹⁶² Fabio Durán Valverde và cộng sự, *Đổi mới trong mở rộng tỷ lệ bao phủ bảo hiểm xã hội cho người lao động tự do: Kinh nghiệm từ Brazil, Cape Verde, Colombia, Costa Rica, Ecuador, Philippines, Pháp và Uruguay*, Nghiên cứu mở rộng An sinh xã hội của ILO số 42, 2013.

¹⁶³ ILO, *Mở rộng bảo trợ y tế xã hội: Đẩy nhanh tiến trình hướng tới bao phủ y tế toàn dân ở châu Á và Thái Bình Dương*, 2021.

¹⁶⁴ Émilie Sauvignat, "Le financement du système de santé en France: Rôle et organisation de l'assurance maladie obligatoire", Bài tham luận số 1 (Tổ chức Y tế Thế giới, 2005).

¹⁶⁵ ILO, *Revue globale et analyse du système national de Protection sociale : Revue générale du système de Protection sociale au Sénégal et appui à la mise en œuvre de la Stratégie nationale de Protection sociale*, 2021.

¹⁶⁶ Đại hội đồng LHQ, *Hợp tác xã trong sự phát triển xã hội: Báo cáo của Tổng thư ký*, A/74/206, 2019.

¹⁶⁷ Vào tháng 6/2021, Hội đồng nhấn mạnh rằng các Thành viên cần "đầu tư vào nền kinh tế chăm sóc để tạo điều kiện tiếp cận dịch vụ chăm sóc trẻ em, chăm sóc dài hạn chất lượng với chi phí hợp lý như một phần không thể thiếu trong hệ thống bảo hiểm xã hội". ILO, Nghị quyết và những kết luận liên quan đến phiên thảo luận định kỳ lần thứ hai về bảo hiểm xã hội (an sinh xã hội), 2021.

¹⁶⁸ Lenore Matthew và cộng sự, *Cung cấp chăm sóc thông qua hợp tác xã 1: Kết quả khảo sát và phỏng vấn* (ILO, 2016).

¹⁶⁹ Open Learn, "Ý đang tái lập hợp tác xã như thế nào?", ngày 6/2

cao tuổi có mặt ở các nước Trung Quốc (Hong Kong), Nhật Bản, Hàn Quốc và Singapore.¹⁷⁰ Tại Tây Ban Nha, đơn vị KTXH&ĐK đại diện cho 43,5% tổng nguồn cung dịch vụ chăm sóc, con số này tăng lên 59,3% đối với dịch vụ xã hội không cung cấp chỗ ở.¹⁷¹ Ở Vương quốc Anh, trong thời gian đại dịch COVID-19, doanh nghiệp xã hội cung cấp hơn 30% tổng số dịch vụ điều dưỡng cộng đồng và các dịch vụ khác của Tổ chức Dịch vụ Y tế Quốc gia.¹⁷²

78. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể cung cấp đủ nhà ở với giá cả hợp lý, và phối hợp với hệ thống bảo hiểm xã hội để ngăn chặn tình trạng vô gia cư, thiếu nhà ở. Hệ thống bảo hiểm xã hội trực tiếp giải quyết một số yếu tố nguy cơ thúc đẩy tình trạng vô gia cư và thiếu nhà ở. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể giảm nghèo đói, tạo điều kiện tiếp cận nhà đầy đủ, quyền lợi trợ giúp xã hội và quyền lợi nhà ở.¹⁷³ Các hiệp hội xây dựng dựa vào cộng đồng ở khu vực nông thôn và hợp tác xã nhà ở khu vực thành thị nằm trong số những chủ thể KTXH&ĐK hỗ trợ nhóm dân số thu nhập thấp tiếp cận nhà ở với giá cả hợp lý.¹⁷⁴ Tại Ai Cập, một phần ba tổng số hộ gia đình là thành viên của một trong số 2.320 hợp tác xã nhà ở đã xây dựng 500.000 công trình cư trú.¹⁷⁵ Ở Mexico, ÉCHALE là một doanh nghiệp xã hội cung cấp các giải pháp nhà ở và góp phần vào sự phát triển toàn diện của cộng đồng.¹⁷⁶ Tại Hàn Quốc, 177 doanh nghiệp tự cung tự cấp về phúc lợi nhà ở, ban đầu hình thành từ một sáng kiến do cư dân ở khu vực nghèo dẫn dắt, giờ đây đang tạo việc làm thông qua hợp tác xã, đồng thời cải thiện nhà ở.¹⁷⁷ Ở Nam Phi, Hustlenomics là một doanh nghiệp xã hội hoạt động dựa trên tác động, làm trong mảng xây dựng nhà chất lượng và lâu bền thông qua mô hình tài trợ và sở hữu đổi mới. Doanh nghiệp này đào tạo kỹ năng và cung cấp việc làm cho phụ nữ, thanh niên địa phương.¹⁷⁸

Quyền tại nơi làm việc

79. Những nguyên tắc, quyền cơ bản tại nơi làm việc và hầu hết tiêu chuẩn lao động quốc tế đều áp dụng cho mọi người lao động. Liên quan đến quyền tại nơi làm việc, các chủ thể KTXH&ĐK có thể đóng góp đáng kể vào việc hoàn thành Mục tiêu 8 (việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế) và Mục tiêu 16 (hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh) trong Chương trình nghị sự 2030, chủ yếu là thông qua đẩy mạnh, thúc đẩy và áp dụng các tiêu chuẩn lao động quốc tế. Như đã nêu trong Tuyên bố của ILO về Các nguyên tắc cơ bản và quyền tại nơi làm việc, thông qua vào năm 1998, tất cả các Quốc gia Thành viên có nghĩa vụ tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện các nguyên tắc, quyền cơ bản tại nơi làm việc, ngay cả khi chưa phê chuẩn các văn kiện liên quan. Đặc biệt, tất cả người sử dụng lao động và người lao động có quyền tự do thành lập hiệp hội và thương lượng tập thể để tiếp tục và bảo vệ lợi ích của mình, như quy định trong Công ước về Tự do hiệp hội và Bảo vệ quyền được tổ chức năm 1948 (số 87), và Công ước về Quyền tổ chức và Thương lượng tập thể năm 1949 (số 98). Những đối tượng này bao gồm người sử dụng lao động và người lao động quy định trong các chính sách, pháp luật về KTXH&ĐK. Các chủ thể KTXH&ĐK phải tuân thủ các tiêu chuẩn lao động quốc tế và luật lao động quốc gia liên quan đến các mối quan hệ việc làm, điều này cũng áp dụng với những đơn vị sử dụng lao động khác.¹⁷⁹ Những đơn vị này cũng phải tuân thủ điều kiện lao động an toàn và lành mạnh.¹⁸⁰ Họ phải tuân thủ pháp

¹⁷⁰ Lenore Matthew, *Cung cấp chăm sóc thông qua hợp tác xã 2: Nghiên cứu tài liệu sẵn có và nghiên cứu tình huống* (ILO, 2017).

¹⁷¹ CEPES, 2019.

¹⁷² Ủy ban Kinh tế LHQ Châu Âu, *Sự trao quyền kinh tế cho phụ nữ và nền kinh tế chăm sóc ở khu vực Ủy ban Kinh tế Châu Âu: Tác động của các chính sách kinh tế và xã hội trong giai đoạn ứng phó và phục hồi từ COVID-19*, Tóm tắt chính sách của UNECE về Vấn đề giới, số 1, 2020.

¹⁷³ ILO, "Hệ thống bảo hiểm xã hội cho tất cả mọi người nhằm ngăn chặn tình trạng vô gia cư và tạo điều kiện tiếp cận nhà ở đầy đủ", Tóm tắt của ILO: Những điểm chính về Bảo hiểm xã hội, 2020.

¹⁷⁴ Khuyến nghị về Nhà ở cho người lao động của ILO, năm 1961 (số 115), công nhận những đóng góp của các đơn vị KTXH&ĐK như hợp tác xã xây dựng nhà ở, hiệp hội hợp tác xã, các hiệp hội nhà ở phi lợi nhuận tương tự, cũng như các hiệp hội nhà ở khác vào vấn đề nhà ở cho người lao động.

¹⁷⁵ Tổ chức Nhà ở Hợp tác xã Quốc tế, "Về Ai Cập."

¹⁷⁶ ÉCHALE.

¹⁷⁷ Fonteneau và Pollet, *Đóng góp của nền kinh tế xã hội & đoàn kết và tài chính xã hội đối với tương lai việc làm* (ILO, 2019).

¹⁷⁸ Hustlenomics.

¹⁷⁹ ILO, *Tạo khóa cách con người trong quá trình toàn cầu hóa: Khảo sát chung về Các công ước cơ bản liên quan đến quyền tại nơi làm việc căn cứ theo Tuyên bố của ILO về Công bằng xã hội vì toàn cầu hóa công bằng, 2008*, Báo cáo của Ủy ban Chuyên gia về việc áp dụng các công ước và khuyến nghị, ILC.101/III/1B, 2012, đoạn 53.

¹⁸⁰ Công ước về An toàn và sức khỏe lao động, năm 1981 (số 155).

luật quốc tế và trong nước liên quan đến an toàn vệ sinh lao động (ATVSLĐ), trên cơ sở xem xét tới các hướng dẫn, kể cả trong mối quan hệ chủ lao động - người lao động và quan hệ thương mại, dân sự với bên thứ ba. Các đơn vị KTXH&ĐK cần được thanh tra lao động vì việc này liên quan đến các nguyên tắc, quyền cơ bản tại nơi làm việc và tuân thủ quy định ATVSLĐ tại nơi làm việc. Pháp luật quốc gia cũng đưa ra quy định điều chỉnh quan hệ lao động trong các doanh nghiệp do người lao động làm chủ, chẳng hạn như hợp tác xã công nhân. Ví dụ như ở Tây Ban Nha, Đạo luật Hợp tác xã năm 1999 nêu rõ quy định ATVSLĐ áp dụng tại nơi làm việc và đối với những thành viên là người lao động.¹⁸¹

80. Một số tiêu chuẩn lao động quốc tế đề cập rõ ràng đến nền KTXH&ĐK hoặc các hình thức tổ chức trong đó. Phần phụ lục đưa ra một danh sách các tiêu chuẩn lao động quốc tế đề cập cụ thể đến nền KTXH&ĐK hoặc chủ thể KTXH&ĐK. Mặc dù ILO không có tiêu chuẩn riêng về nền KTXH&ĐK, nhưng hợp tác xã là nội dung trọng tâm trong Khuyến nghị về Khuyến trợ các hợp tác xã năm 2002 (số 193), văn bản này đã thay thế Khuyến nghị về Hợp tác xã (Các nước đang phát triển) năm 1966 (số 127).¹⁸² Khuyến nghị số 193 kêu gọi các chính sách quốc gia “thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động cơ bản của ILO và Tuyên bố của ILO về Các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc, cho mọi người lao động trong hợp tác xã mà không có sự phân biệt”. Kể từ khi thông qua Khuyến nghị số 193, khoảng 117 quốc gia đã dựa vào hướng dẫn này để sửa đổi chính sách, pháp luật về hợp tác xã của quốc gia mình.¹⁸³

81. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể thúc đẩy các tiêu chuẩn lao động quốc tế trong các tương tác với thành viên của mình và bên thứ ba khác. Những chủ thể này có thể đóng vai trò chủ động trong việc thúc đẩy thực hiện các tiêu chuẩn đó một cách hiệu quả, bằng cách giúp các thành viên làm quen với những văn kiện đó và ủng hộ việc áp dụng chúng. Trong trường hợp các công ước ràng buộc, họ có thể ủng hộ việc phê chuẩn và áp dụng ở cấp quốc gia, đồng thời cung cấp thông tin và hỗ trợ cho thành viên nhằm đẩy mạnh sự tuân thủ. Ví dụ, kể từ khi thông qua Công ước về Bộ lạc và Dân tộc bản địa của ILO năm 1989 (số 169), cho đến nay đã được 24 quốc gia phê chuẩn, việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK đã được đưa vào như một mục tiêu trong các kế hoạch quốc gia về hòa nhập người bản địa, và các tổ chức KTXH&ĐK đã tham gia vào cuộc bàn luận của các ủy ban quốc gia về người bản địa. Những tổ chức tự lực, hiệp hội và hợp tác xã của người giúp việc gia đình có thể ủng hộ việc phê chuẩn Công ước về Lao động giúp việc gia đình của ILO năm 2011 (số 189). Ở Trinidad và Tobago, Liên minh Quốc gia về Lao động giúp việc gia đình và Hợp tác xã Trung tâm Lao động Dịch vụ đã cùng nhau củng cố việc xây dựng, thông qua luật quốc gia để bảo vệ quyền lao động của người giúp việc gia đình, đồng thời cũng đã và đang phối hợp với các tổ chức về lao động giúp việc gia đình khác trong vùng Caribe nhằm đẩy mạnh việc phê chuẩn và thực hiện Công ước số 189.¹⁸⁴

82. Các chủ thể KTXH&ĐK thúc đẩy các thành viên của mình tuân thủ các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc, tham gia cùng cộng đồng và triển khai các sáng kiến chung với các chủ thể khác trong cộng đồng để tăng cường thực hiện các nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể hỗ trợ giải quyết những thiếu sót trong vấn đề quyền của người lao động, liên quan đến quyền tự do thành lập hiệp hội và thương lượng tập thể, lao động cưỡng bức, lao động trẻ em và phân biệt đối xử trong hoạt động của họ, hoạt động của các thành viên và người sử dụng xuyên suốt chuỗi cung ứng. Nhờ phối hợp với các đối tác xã hội, chủ thể KTXH&ĐK có thể hỗ trợ người lao động khu vực phi chính thức trong việc cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập.

83. Về vấn đề lao động cưỡng bức, các chủ thể KTXH&ĐK có thể triển khai những chiến dịch cung cấp thông tin về quyền lao động tại nơi có tỷ lệ lao động di cư cao. Họ cũng có thể cung cấp dịch vụ cho nạn nhân của lao động cưỡng bức. Ví dụ, họ có thể hỗ trợ những người từng là nạn nhân của lao động cưỡng bức trong việc tiếp cận các hoạt động tạo ra thu nhập. Co-op UK, một hợp tác xã bán

¹⁸¹ Chính phủ Tây Ban Nha, *Đạo luật số 27/1999* ngày 16/7 về Hợp tác xã.

¹⁸² Khuyến nghị số 127 đã bị bãi bỏ thông qua quyết định về *Cơ chế rà soát Tiêu chuẩn* vào năm 2016.

¹⁸³ Tổng cộng 108 quốc gia đã dựa vào Khuyến nghị số 193 để sửa đổi luật pháp nước mình về hợp tác xã trong giai đoạn từ năm 2002 đến 2013, và có thêm 9 quốc gia (Cuba, Phần Lan, Guyana, Israel, Kazakhstan, Kyrgyzstan, Madagascar, Myanmar và Nicaragua) làm như thế kể từ năm 2013.

¹⁸⁴ ILO, *Thúc đẩy quyền của lao động giúp việc gia đình thông qua hợp tác xã ở Trinidad và Tobago*, 2018.

lẽ ở Vương quốc Anh, đã có những chính sách được thực thi xuyên suốt chuỗi cung ứng nhằm đảm bảo các sản phẩm họ bán không liên quan đến hành vi lao động cưỡng bức. Tổ chức này cũng cung cấp dịch vụ tâm lý - xã hội và đào tạo kỹ năng cho nạn nhân của lao động cưỡng bức nhằm giúp họ xây dựng lại cuộc sống.¹⁸⁵

84. Việc tham gia vào nền KTXH&ĐK có thể giúp giảm sự phụ thuộc vào lao động trẻ em trong nông nghiệp, thông qua hạn chế sự biến động thu nhập và cải thiện sinh kế làm nông. Ngoài ra, các chủ thể KTXH&ĐK có thể thúc đẩy việc ngăn chặn và xóa bỏ lao động trẻ em bằng cách hỗ trợ giáo dục trẻ em, quá trình chuyển đổi từ đi học sang đi làm và tham gia vào các ủy ban giám sát lao động trẻ em. Tại Rwanda, tỷ lệ lao động trẻ em ở những hộ gia đình làm nông thuộc hợp tác xã nông nghiệp thấp hơn khoảng một phần ba so với các hộ gia đình làm nông khác.¹⁸⁶

85. Không thể bỏ qua câu hỏi về chất lượng công việc và thiếu việc làm thỏa đáng trong các đơn vị KTXH&ĐK. Nếu đó không được coi là mối quan hệ việc làm,¹⁸⁷ người lao động có việc làm trong các đơn vị KTXH&ĐK có nguy cơ bị tước đi sự bảo vệ mà họ có quyền được hưởng, bao gồm cả những nguyên tắc và quyền cơ bản tại nơi làm việc, điều kiện ATVSLĐ đầy đủ, tình trạng việc làm, giờ làm việc, thù lao và tiếp cận bảo hiểm xã hội. Khuyến nghị số 193 nêu rõ rằng chính sách các nước cần “đảm bảo hợp tác xã không được thành lập để, hay sử dụng nhằm mục đích không tuân thủ luật lao động, hoặc dùng để thiết lập những mối quan hệ việc làm trá hình, và chống lại các hợp tác xã giả mạo có hành vi vi phạm quyền người lao động, bằng cách đảm bảo luật lao động được áp dụng tại mọi doanh nghiệp”. Vai trò của thanh tra lao động rất quan trọng trong việc đảm bảo sự tuân thủ. Trong Khảo sát chung năm 2010 liên quan đến các văn kiện về vấn đề việc làm, Ủy ban Chuyên gia về Áp dụng các công ước và khuyến nghị đã lưu ý đến tầm quan trọng của việc đảm bảo thực hiện luật lao động để tránh sự xuất hiện của “các hợp tác xã giả mạo”, mục đích của loại hợp tác xã này chỉ nhằm tiếp cận các lợi ích liên quan đến hình thức tổ chức hợp tác xã, như lợi thế về thuế hoặc quyền lợi an sinh xã hội, đồng thời tránh áp dụng luật lao động.¹⁸⁸

86. Cần có các biện pháp bảo vệ người lao động, đặc biệt là trong các doanh nghiệp do người lao động làm chủ, đối với người lao động đồng thời là thành viên. Ở một số nước, ví dụ như Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Uruguay, pháp luật quy định mối quan hệ giữa hợp tác xã cho người lao động và những thành viên là người lao động được coi là mối quan hệ tổ chức, về nguyên tắc được miễn trừ khỏi luật lao động.¹⁸⁹ Một cuộc họp các chuyên gia của ILO tổ chức năm 1995 đã đưa ra kết luận rằng những người lao động vừa là thành viên, vừa là chủ có thể quyết định không yêu cầu một số đặc quyền theo luật lao động để củng cố khả năng tài chính của hợp tác xã.¹⁹⁰ Tuy nhiên, một con đường thứ ba đang ngày càng được cân nhắc nhiều hơn, trong đó mối quan hệ việc làm trong hợp tác xã cho người lao động phải đủ điều kiện để được coi là “công việc hợp tác xã”.¹⁹¹ Trong mối quan hệ đó, các biện pháp cụ thể được đưa ra để bảo vệ người lao động, chẳng hạn như mở rộng an sinh xã hội tới những thành viên là người lao động trong hợp tác xã.

Bình đẳng giới

87. Mặc dù tình hình có thể thay đổi theo bối cảnh, trong nền KTXH&ĐK đang ngày càng có nhiều mối quan tâm đến vấn đề giới, giá trị của phụ nữ trong vai trò lãnh đạo được công nhận hơn, và số lượng các đơn vị KTXH&ĐK do phụ nữ làm chủ đang tăng lên. Trong quá trình vận động tăng cường bình đẳng giới trong nền KTXH&ĐK, bao gồm cả tiến trình hướng tới Mục tiêu 5 (bình đẳng giới)

¹⁸⁵ Co-op UK, *Hợp tác xã và giải quyết vấn nạn nô lệ*, 2017.

¹⁸⁶ ILO, *Chấm dứt nạn lao động trẻ em tới năm 2025: Rà soát các chính sách và chương trình*, 2018.

¹⁸⁷ Như định nghĩa trong *Khuyến nghị về Mối quan hệ việc làm*, 2006 (số 198).

¹⁸⁸ ILO, *ILC.99/III/1B*, Báo cáo của Ủy ban Chuyên gia về việc áp dụng các công ước và khuyến nghị, *ILC.99/III/1B*, 2010, đoạn 465.

¹⁸⁹ Mục 80(1) trong Đạo luật Tây Ban Nha số 27/1999 ngày 16/7 về Hợp tác xã và Mục 99 trong Đạo luật chung của Uruguay về Hợp tác xã số 18407/2008.

¹⁹⁰ ILO, *Cuộc họp các chuyên gia về Luật Hợp tác xã: Báo cáo cuối cùng*, 1995.

¹⁹¹ Deolinda Meira, André Almeida Martins và Tiago Pimenta Fernandes, “Regime jurídico das cooperativas de trabalho em Portugal: Estado da arte e linhas de reforma”, *CIRIEC – España. Revista jurídica de economía social y cooperativa* 30 (2017).

trong Chương trình nghị sự 2030, xuất hiện hai lĩnh vực trọng tâm: tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các đơn vị KTXH&ĐK, kể cả trong vị trí lãnh đạo; và sự phát triển các đơn vị KTXH&ĐK trong những ngành kinh tế bị đánh giá thấp với sự tham gia mạnh mẽ hơn của phụ nữ (ví dụ như nền kinh tế chăm sóc). Năm 2019, trong lĩnh vực bảo hiểm hợp tác xã và bảo hiểm tương hỗ, một phần tư lãnh đạo của các tổ chức thành viên ICMIF và 20% thành viên hội đồng ICMIF là phụ nữ. Mức độ đại diện của phụ nữ trong vị trí lãnh đạo cao hơn so với những nơi khác trong ngành bảo hiểm, ở đó cứ 10 giám đốc điều hành thì chỉ có một người là phụ nữ.¹⁹² Tại Tây Ban Nha, chênh lệch tiền lương theo giới ở các đơn vị KTXH&ĐK ít hơn so với một số đơn vị thể chế khác, có thể là do cấp quản lý ở đơn vị KTXH&ĐK có sự đa dạng hơn.¹⁹³ Ở Vương quốc Anh, năm 2021, 47% doanh nghiệp xã hội do phụ nữ dẫn dắt và 83% ban lãnh đạo của doanh nghiệp xã hội có một phụ nữ.¹⁹⁴

88. Nền KTXH&ĐK cung cấp quyền lợi có thể nhận thấy được về thực hiện bình đẳng giới. Nền KTXH&ĐK có thể mang lại nhiều lợi ích trong việc cung cấp dịch vụ giá cả hợp lý, dễ tiếp cận cho phụ nữ về vấn đề nhà ở, tài chính và một loạt dịch vụ chăm sóc. Phụ nữ có thể cải thiện tình hình của mình bằng cách đàm phán với các chính quyền công thông qua đơn vị KTXH&ĐK. Công tác quản trị dân chủ, có nhiều bên tham gia của đơn vị KTXH&ĐK tạo cơ hội cho phụ nữ tham gia vào quá trình ra quyết định và chia sẻ quyền lực. Phụ nữ tham gia vào các đơn vị KTXH&ĐK có thể có vị thế tốt hơn để giải quyết nhu cầu cá nhân và nhu cầu chung, chẳng hạn như không bị phân biệt đối xử, bạo lực, quấy rối, bao gồm cả bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới.

89. Các đơn vị KTXH&ĐK được thành lập bởi và vì phụ nữ giúp vượt qua những hạn chế về văn hóa và xã hội, những hạn chế này có thể ngăn cản phụ nữ tham gia lực lượng lao động. Ở một số nước, có những hợp tác xã chỉ có phụ nữ, hoạt động trong ngành chế biến thực phẩm, hàng thủ công và dịch vụ chăm sóc, những tổ chức này tạo cơ hội việc làm cho thành viên và tạo đầu ra xã hội. Tại Ấn Độ, SEWA, một liên minh quốc gia gồm 1,8 triệu lao động nữ khu vực phi chính thức trên 14 tiểu bang, đóng vai trò là vườn ươm cho các doanh nghiệp xã hội tập thể mới thành lập trong ngành thủ công, sữa, nông nghiệp, giúp việc gia đình, xây dựng và tái chế, liên kết các doanh nghiệp này với những doanh nghiệp tập thể khác cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc trẻ em, bảo hiểm và tài chính. Ước tính khoảng 80% hợp tác xã được SEWA hỗ trợ đã có khả năng kinh tế.¹⁹⁵

90. Mặc dù các đơn vị KTXH&ĐK có thể dựa trên các giá trị bình đẳng và công bằng, nhưng họ có thể bị hạn chế bởi quy định pháp luật, chuẩn mực xã hội và bất bình đẳng trong lịch sử. Phụ nữ thường bị thiệt thòi về mặt tài sản, giáo dục và đào tạo, điều này có thể cản trở họ tiếp cận nguồn lực và thị trường cần thiết để thành lập, mở rộng và duy trì tổ chức.¹⁹⁶ Ngay cả khi nữ giới tham gia vào đơn vị KTXH&ĐK với vị thế bình đẳng với nam giới, họ có thể gặp khó khăn khi tham gia vào các cơ quan ra quyết định hoặc đảm nhận vị trí lãnh đạo vì cách phân công lao động phổ biến về giới theo chiều ngang và chiều dọc thường được lặp lại.¹⁹⁷ Nhìn chung nữ giới cũng ít kết nối với các cơ cấu KTXH&ĐK theo chiều dọc và các cơ quan hỗ trợ khác so với nam giới.¹⁹⁸ Trong những trường hợp như vậy, có thể sử dụng các biện pháp chuyển tiếp như hành động khẳng định. Đơn vị KTXH&ĐK có thể áp dụng các phương pháp khác như kiểm tra bình đẳng giới có nhiều bên tham gia và lập ngân sách có tính đáp ứng giới. Chính phủ có thể hỗ trợ trao quyền cho phụ nữ trong nền KTXH&ĐK thông qua những chương trình xây dựng năng lực cho phụ nữ, bao gồm cả về khả năng lãnh đạo và quản trị tổ chức, lập kế hoạch tài chính và marketing. Những hành động khẳng định để khắc phục tình trạng bất bình đẳng cũng có thể mang lại quyền lợi vượt ra ngoài phạm vi doanh nghiệp, vươn tới gia đình, cộng

¹⁹² Swiss Re Institute, “Đa dạng giới trong ngành bảo hiểm/tái bảo hiểm: Vì một tương lai bền vững”, 11/2/2021.

¹⁹³ CEPESE, 2019.

¹⁹⁴ Tổ chức Doanh nghiệp Xã hội Vương quốc Anh, “Không thể quay đầu – Khảo sát về tình hình Doanh nghiệp xã hội năm 2021”.

¹⁹⁵ ILO, *Thúc đẩy hợp tác ở lao động nữ trong nền kinh tế phi chính thức: Cách của SEWA*, 2018.

¹⁹⁶ UNTFSSSE, *Nền kinh tế xã hội & đoàn kết và Thách thức của phát triển bền vững: Báo cáo định vị của Lực lượng chuyên trách liên cơ quan của Liên Hợp Quốc về Nền kinh tế xã hội và đoàn kết (TFSSSE)*, 2014.

¹⁹⁷ Simel Esim, “Hợp tác xã”, trong *Sổ tay Routledge về Kinh tế nữ quyền*, biên tập: Günseli Berik và Ebru Kongar (Routledge: London, 2021), 486-494.

¹⁹⁸ Eva Majurin, *Tình hình phụ nữ trong hợp tác xã ở Đông Phi: Trường hợp ở Kenya, Tanzania và Uganda* (ILO, 2012).

đồng và xã hội. Những chính sách xã hội giúp giảm bớt gánh nặng chăm sóc và củng cố quyền dân sự, chính trị của phụ nữ có thể tạo điều kiện cho họ tham gia vào quá trình lập chính sách.¹⁹⁹

Đối thoại xã hội

- 91. Ở một số nước, cấu trúc ngành dọc của nền KTXH&ĐK có tham gia vào đối thoại xã hội.** Các chủ thể KTXH&ĐK, đặc biệt là các tổ chức lớn và liên đoàn, có thể tham gia vào đối thoại xã hội với tư cách đơn vị sử dụng lao động, thậm chí trao đổi về thỏa thuận thương lượng tập thể với các liên minh, như trong trường hợp của Thụy Sĩ.²⁰⁰ Tại Niger, hợp tác xã hoạt động cùng với các tổ chức cho người sử dụng lao động và người lao động trong Ủy ban Đối thoại Xã hội Quốc gia (CNDS). Ở Senegal, Liên minh Quốc gia Các thương nhân và nhà sản xuất (UNACOIS) là thành viên Hội đồng Đối thoại Xã hội Tối cao của nước này. Hội đồng Phát triển Kinh tế và Lao động Quốc gia của Nam Phi bao gồm các tổ chức cộng đồng, bên cạnh các tổ chức chính phủ, tổ chức cho người sử dụng lao động và người lao động. Sự đại diện chính thức của các chủ thể KTXH&ĐK cũng có thể liên quan đến thỏa thuận giữa hai và ba bên trở lên, trong đó chủ thể KTXH&ĐK thuộc nhóm “bên liên quan khác”, như trong trường hợp của Hội đồng Kinh tế, Văn hóa và Xã hội ở Mali (CESC).
- 92. Tương tự, đại diện của các chủ thể KTXH&ĐK có thể tham gia vào cơ chế đối thoại xã hội xuyên biên giới, đặc biệt là trong cộng đồng hội nhập khu vực.** Trong nền tảng đối thoại xã hội châu Âu cho ngành ngân hàng, Hiệp hội Ngân hàng Hợp tác xã Châu Âu là một trong ba đại diện tổ chức cho người sử dụng lao động. Trong ngành bảo hiểm, Hiệp hội Công ty Bảo hiểm Tương hỗ và Hợp tác xã Bảo hiểm Châu Âu là một trong ba tổ chức cho người sử dụng lao động được công nhận. Ngoài các nhóm làm việc với tổ chức dành cho người sử dụng lao động và người lao động, Ủy ban Kinh tế và Xã hội Châu Âu có một nhóm thứ ba về sự đa dạng, với đại diện từ các chủ thể KTXH&ĐK như tổ chức từ thiện, hợp tác xã, quỹ từ thiện, hiệp hội tương hỗ và doanh nghiệp xã hội. Hiệp hội Thương nhân Xuyên biên giới là một tổ chức dựa trên thành viên, đại diện và ủng hộ những đơn vị kinh doanh xuyên biên giới quy mô nhỏ. Tổ chức hoạt động nhằm xóa bỏ rào cản thương mại cho 40.000 hội viên ở các nước Nam Phi và Đông Phi, đồng thời thay mặt họ thương lượng các điều kiện thương mại với ban thư ký Thị trường Chung ở Đông Phi, Nam Phi và Cộng đồng Phát triển Nam Phi, cũng như với chính phủ các quốc gia.²⁰¹

Chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức

- 93. Người lao động khu vực phi chính thức, tự làm chủ có thể tập hợp nhau tổ chức thành đơn vị KTXH&ĐK để tham gia quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức.** Ủy ban Toàn cầu về Tương lai việc làm công nhận rằng “người lao động trong nền kinh tế phi chính thức thường cải thiện tình hình của mình thông qua việc cùng tổ chức, phối hợp với các hợp tác xã và tổ chức dựa vào cộng đồng”.²⁰² Các đơn vị KTXH&ĐK có thể hỗ trợ hoàn thành Mục tiêu 8 (việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế) và Mục tiêu 10 (giảm bất bình đẳng) trong Chương trình nghị sự 2030 bằng cách góp phần chính thức hóa và phát triển các doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, đồng thời thúc đẩy sự hòa nhập về mặt xã hội, kinh tế, chính trị cho tất cả mọi người.
- 94. Cấu trúc KTXH&ĐK ngành dọc cho người lao động khu vực phi chính thức, tự làm chủ giúp họ được lên tiếng và có đại diện ở cấp địa phương, trung ương, khu vực và quốc tế, như mô tả dưới đây:**
- Ở cấp địa phương, các đơn vị KTXH&ĐK dành cho thợ thủ công, tài xế taxi, tiểu nông hay người bán hàng rong tập hợp lại thành cấu trúc ngành dọc. Ví dụ ở Hoa Kỳ, Mạng lưới Hợp tác xã Người

¹⁹⁹ ILO, *Định hình bối cảnh nền kinh tế xã hội và đoàn kết ở châu Á: Tiêu điểm ở Indonesia*, Tóm tắt của ILO: Tăng cường Chính sách Kinh tế Xã hội và Đoàn kết ở Châu Á, 2021.

²⁰⁰ Migros, *Convention collective de travail (CCNT) du Groupe Migros*, 2019-2022.

²⁰¹ Hiệp hội Thương nhân Xuyên biên giới của Zambia.

²⁰² ILO, *Hướng tới tương lai tươi sáng hơn*, Báo cáo của Ủy ban Toàn cầu về Tương lai việc làm, 2019.

lao động Thành phố New York cung cấp dịch vụ cho các hợp tác xã người lao động, thành viên của những hợp tác xã này phần lớn là người lao động khu vực phi chính thức, tự làm chủ. Điều này ủng hộ việc đảm bảo tài trợ công cho sự phát triển của hợp tác xã người lao động và thông qua luật cho hợp tác xã người lao động ở cấp thành phố và tiểu bang.²⁰³

- Ở cấp quốc gia, cấu trúc KTXH&ĐK ngành dọc bao gồm các tổ chức bảo trợ cho người lao động khu vực phi chính thức. Hiệp hội Quốc gia Người bán hàng rong của Ấn Độ là một liên hiệp gồm 373 liên minh thương mại, hợp tác xã, hiệp hội và tổ chức dựa vào cộng đồng đại diện cho khoảng 300.000 người bán hàng rong. Hiệp hội này đóng vai trò quan trọng trong hoạt động dự thảo Chính sách Quốc gia về Người bán hàng rong đô thị, trong đó công nhận tư cách pháp nhân của người bán hàng rong.²⁰⁴
- Cũng ở cấp quốc gia, tại Argentina, Liên đoàn Người lao động khu vực phi chính thức (CTEP) là một tổ chức bảo trợ cho các hiệp hội công nhân may mặc, người đưa thư bằng xe máy, bán hàng rong, thợ thủ công, tiểu nông, thợ làm gạch và công nhân trong các doanh nghiệp được phục hồi.²⁰⁵ Tổ chức này được đăng ký là một hiệp hội dân sự, tổ chức các chiến dịch để Chính phủ công nhận các chủ thể của nền kinh tế phi chính thức và triển khai một chương trình bảo hiểm tương hỗ, cũng như các chương trình giáo dục cho thành viên của mình.²⁰⁶
- Ở cấp khu vực, cấu trúc KTXH&ĐK ngành dọc lên tiếng cho thành viên của mình với cơ quan khu vực và tạo nền tảng kiến thức, học tập cho họ. HomeNet Nam Á là một mạng lưới cấp tiểu vùng gồm các tổ chức người lao động làm việc tại nhà, giúp xây dựng sự đoàn kết khu vực giữa những người làm việc tại nhà và tổ chức đại diện của mình.²⁰⁷
- Ở cấp quốc tế, các tổ chức dựa trên tư cách thành viên của người lao động khu vực phi chính thức lên tiếng cho những mối lo ngại của thành viên và những vấn đề là ưu tiên đối với họ. StreetNet International là một tổ chức toàn cầu gồm hơn 600.000 thương nhân khu vực phi chính thức trên 50 quốc gia, nhằm mục đích củng cố tiếng nói và sự có mặt của các thành viên để tạo tác động lên chính sách ảnh hưởng trực tiếp đến cuộc sống của họ.²⁰⁸

95. Các chủ thể KTXH&ĐK góp phần mở rộng quy mô hoạt động của các đơn vị kinh tế phi chính thức thông qua hình thức kinh doanh tập thể, tăng cường vị thế thương lượng của mình và tạo điều kiện cho người lao động tiếp cận bảo hiểm xã hội.²⁰⁹ Thông qua nền KTXH&ĐK, những doanh nghiệp của nền kinh tế phi chính thức có thể nâng cao khả năng tài chính, gia tăng năng suất, tiết kiệm chi phí thông qua các dịch vụ chung và tăng thu nhập bằng cách tăng mức độ sản xuất và đa dạng hóa dòng sản phẩm. Bằng cách thành lập và tham gia các đơn vị KTXH&ĐK, đơn vị điều hành trong nền kinh tế phi chính thức có thể đảm bảo khả năng tiếp cận tới nguồn tài chính, thông tin, đầu vào, công nghệ, dịch vụ hỗ trợ và thị trường. Các đơn vị KTXH&ĐK có thể tạo điều kiện cho các thành viên của mình tiếp cận an sinh xã hội bằng cách hỗ trợ đăng ký, cung cấp thông tin về quyền lợi của thành viên và nâng cao nhận thức.²¹⁰ Khi các đơn vị KTXH&ĐK được đăng ký chính thức, các đơn vị này sẽ nằm trong nền kinh tế chính thức, trong khi người lao động trong đơn vị đó có thể vẫn hoạt động trong nền kinh tế phi chính thức.

96. Tác động của COVID-19 đặc biệt nghiêm trọng đối với 2 tỷ người lao động không chính thức trên thế giới. Theo nghiên cứu được thực hiện vào giữa năm 2021 về tác động của đại dịch lên sinh kế, phần lớn lao động không chính thức chưa phục hồi khả năng làm việc. Thu nhập của họ vẫn thấp

²⁰³ Mạng lưới Hợp tác xã Người lao động Thành phố New York, “Lịch sử và Sứ mệnh”.

²⁰⁴ Hiệp hội Quốc gia Người bán hàng rong Ấn Độ.

²⁰⁵ CTEP, “Nosotros”. Khái niệm doanh nghiệp “được phục hồi”, hay *empresas recuperadas*, thường liên quan đến kinh nghiệm ở Argentina, nhưng những doanh nghiệp này cũng có ở một số nước châu Phi, châu Á, châu Âu và Bắc Mỹ.

²⁰⁶ ILO, *Tổ chức người lao động trong nền kinh tế phi chính thức thành liên minh thương mại: Hướng dẫn liên minh thương mại*, 2019.

²⁰⁷ HomeNet Nam Á.

²⁰⁸ StreetNet International.

²⁰⁹ Fonteneau và Pollet.

²¹⁰ ILO, *Mở rộng an sinh xã hội cho người lao động trong nền kinh tế phi chính thức: Bài học từ kinh nghiệm quốc tế*, 2021.

hơn nhiều so với mức thu nhập trước đại dịch.²¹¹ Trong quá trình ứng phó với tác động của khủng hoảng y tế công cộng và kinh tế, lao động nữ trong khu vực phi chính thức thậm chí phải gánh vác rất nhiều công việc chăm sóc không lương trong nhà mình.²¹² Ở Nam Á, phụ nữ làm việc tại nhà cho biết họ không thể làm việc do vấn đề phong tỏa và đi lại, hủy đơn hàng và dịch vụ, gia tăng chi phí nguyên vật liệu thô, hạt giống và trách nhiệm chăm sóc. Đối mặt với khủng hoảng, các đơn vị KTXH&ĐK của người lao động không chính thức đã phân bổ các biện pháp và dịch vụ cứu trợ, tổ chức nâng cao nhận thức về COVID-19 và kết nối với hệ thống y tế về chăm sóc và điều trị dự phòng. Tại Ấn Độ, các đơn vị KTXH&ĐK của lao động nữ khu vực phi chính thức đã cung cấp việc làm cần thiết và cứu trợ liên quan đến hoạt động kinh doanh cho thành viên của mình.

Ngăn chặn và phục hồi từ khủng hoảng, thúc đẩy hòa bình và tăng khả năng chống chịu

97. Trước đây, nền KTXH&ĐK đóng vai trò quan trọng trong hoạt động ngăn chặn và phục hồi từ khủng hoảng do xung đột và thiên tai. Thế giới hiện đang đối mặt với nhiều khủng hoảng đan xen nhau, bao gồm cả những khủng hoảng do biến đổi khí hậu, trái đất ấm lên, thiên tai, suy thoái kinh tế và tài chính, nghèo cùng cực, buộc phải di dời và đại dịch COVID-19. Nền KTXH&ĐK, dưới mọi hình thức tổ chức đa dạng, phải đối mặt với khủng hoảng, nhưng cũng hành động để ngăn chặn và giảm nhẹ tác động của chúng. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể đóng góp thực hiện Mục tiêu 1 (xóa nghèo), Mục tiêu 3 (cuộc sống khỏe mạnh và phúc lợi tốt), Mục tiêu 8 (việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế), Mục tiêu 10 (giảm bất bình đẳng), Mục tiêu 13 (hành động ứng phó với biến đổi khí hậu) và Mục tiêu 16 (hòa bình, công bằng và thể chế vững mạnh) trong Chương trình nghị sự 2030, trong phạm vi xây dựng khả năng chống chịu, phòng chống bệnh truyền nhiễm, thúc đẩy di cư an toàn, giảm bất bình đẳng và đẩy mạnh gắn kết xã hội. Khuyến nghị về Tuyển dụng và Việc làm thỏa đáng vì hòa bình và khả năng chống chịu năm 2017 (số 205) của ILO công nhận vai trò của nền KTXH&ĐK trong hỗ trợ quá trình phục hồi và xây dựng khả năng chống chịu.

98. Trong khi vất vả và đối phó với những tác động bất lợi của khủng hoảng COVID-19, các chủ thể KTXH&ĐK cũng là những tác nhân giải quyết vấn đề này. Ngay cả khi họ có thể bị ảnh hưởng bất lợi hơn từ đại dịch do hoạt động ở các cộng đồng chịu thiệt thòi, những chủ thể KTXH&ĐK thường có khả năng chống chịu tốt hơn một số đơn vị thể chế khác. Ở Vương quốc Anh, hợp tác xã có khả năng ngừng hoạt động do COVID-19 thấp hơn 4 lần so với các doanh nghiệp khác, và trong giai đoạn 2020-2021, số hợp tác xã được thành lập nhiều gấp đôi so với số lượng bị giải thể.²¹³ Trong bối cảnh đại dịch, các chủ thể KTXH&ĐK đã cung cấp hỗ trợ thiết yếu cho thành viên của mình, kết nối những người cần giúp đỡ với chính quyền địa phương và đối tác xã hội. Các hợp tác xã tài chính đã hỗ trợ về mặt thanh khoản cho thành viên của mình, bằng cách triển khai gọi vốn cộng đồng và những sáng kiến đoàn kết khác nhằm trợ giúp doanh nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ, cũng như những người trong có hoàn cảnh dễ tổn thương. Nhiều đơn vị KTXH&ĐK đã chuyển đổi sản phẩm, dịch vụ của mình để đáp ứng nhu cầu cấp bách của địa phương về thiết bị bảo hộ và chăm sóc xã hội.²¹⁴ Tập đoàn Mondragon ở Tây Ban Nha gồm khoảng 100 hợp tác xã với trên 80.000 nhân viên, đã dùng quỹ dự phòng đoàn kết để hỗ trợ các thành viên và tạm thời phân bổ lại lao động giữa các hợp tác xã trong nhóm nhằm giảm thiểu tình trạng mất việc làm trong giai đoạn đại dịch.²¹⁵

99. Sự tham gia chủ động của những người dễ tổn thương và yếu thế vào đơn vị KTXH&ĐK góp phần khắc phục tình trạng nghèo đói và bất bình đẳng ăn sâu vào xã hội. Nhóm dân số yếu thế đã

²¹¹ Sarah Orleans Reed và cộng sự, *Cuộc khủng hoảng chưa kết thúc với người lao động không chính thức - Chúng ta cần phục hồi toàn diện cho phần lớn lực lượng lao động trên thế giới*, Khủng hoảng COVID-19 và Nền kinh tế phi chính thức: Thông tin chi tiết về chính sách số 8 (WIEGO, 2021).

²¹² ILO và WIEGO, *Hợp tác xã đáp ứng nhu cầu chăm sóc trẻ em của lao động khu vực phi chính thức*, 2018.

²¹³ Hợp tác xã Vương quốc Anh, *Nền kinh tế hợp tác xã 2021. Báo cáo về khu vực hợp tác xã của Vương quốc Anh*, 2021.

²¹⁴ ILO, *Quan sát chung của Ủy ban Chuyên gia về việc áp dụng các công ước và khuyến nghị thông qua năm 2020 và công bố tại Phiên họp thứ 109 (2021) của Hội nghị*, về Công ước Chính sách Việc làm, 1964 (số 122).

²¹⁵ Đại hội đồng LHQ, *Hợp tác xã trong sự phát triển xã hội: Báo cáo của Tổng thư ký*, A/76/209 (2021).

hình thành những đơn vị KTXH&ĐK của riêng mình tại đất nước của họ. Một số đơn vị KTXH&ĐK, như hợp tác xã xã hội, đã được thành lập nhằm mục đích cụ thể là đấu tranh chống loại trừ xã hội, ví dụ như ở Ý. Một số đơn vị khác đã thêm phần hòa nhập xã hội vào chức năng của mình. Các hợp tác xã nông nghiệp và đa mục đích ở Jordan đã và đang hỗ trợ lấy giấy phép lao động cho người tị nạn Syria, cũng như tổ chức đào tạo và thực hiện dự án chung với họ. Hợp tác xã Môi giới sức khỏe Đa văn hóa (Multicultural Health Brokers Cooperative) là một hợp tác xã người lao động ở Canada (Alberta) với 75 thành viên là người lao động, đồng thời cũng là dân nhập cư và từng là người tị nạn. Tổ chức này trợ giúp 2.000 gia đình di cư và tị nạn mỗi năm tiếp cận dịch vụ, bao gồm cả tiếp cận dịch vụ sức khỏe bà mẹ và trẻ sơ sinh, nuôi dạy con cái sớm và hỗ trợ phát triển trẻ em giai đoạn đầu đời, chăm sóc trẻ em liên văn hóa, hỗ trợ gia đình đa văn hóa cho trẻ khuyết tật, hỗ trợ y tế và sức khỏe tâm thần cho nhóm dân số dễ tổn thương nhất.²¹⁶

100. Các chủ thể KTXH&ĐK thể hiện khả năng chống chịu mạnh mẽ khi đối mặt với suy thoái kinh tế và có khả năng trợ giúp thành viên của mình cũng như cộng đồng.²¹⁷ Sau hệ quả của cuộc khủng hoảng tài chính - kinh tế năm 2007-2008, các hợp tác xã tài chính về tiết kiệm và tín dụng, ngân hàng hợp tác xã và liên minh tín dụng đã tăng trưởng, duy trì dòng tín dụng, đặc biệt là cho DNVVN và đảm bảo ổn định ở các khu vực trên thế giới.²¹⁸ Liên minh tín dụng và ngân hàng hợp tác xã đã tăng phần của mình sau cuộc khủng hoảng vì những tổ chức này ít bị ảnh hưởng bởi giao dịch đầu cơ.²¹⁹ Sự ổn định và né tránh rủi ro được lồng ghép vào trong thiết kế của hợp tác xã tài chính. Họ tạo ra thặng dư vì họ cần làm vậy, nếu không họ sẽ không đủ khả năng kinh tế. Những thặng dư đó được đưa vào khoản dự trữ, giúp cho họ vững mạnh về mặt tài chính. Đồng thời, thặng dư đó được trả lại cho thành viên thông qua chi trả cổ tức hàng năm hoặc định giá sản phẩm một cách hợp lý. Ngoài ra, họ cũng tạo động lực cho người quản lý theo cách khác, đơn giản là chi trả cho họ theo giá hiện hành thay vì thưởng cổ phần.²²⁰ Vai trò của nền KTXH&ĐK trong cứu trợ khủng hoảng tức thời đang được các chính phủ cấp trung ương và địa phương công nhận, đặc biệt là trong cung cấp dịch vụ xã hội. Mặc dù có liên quan đến xây dựng khả năng chống chịu trước khủng hoảng, các chủ thể KTXH&ĐK chưa được lồng ghép một cách có hệ thống vào những chiến lược trung và dài hạn của chính phủ về khả năng chống chịu trước khủng hoảng.

101. Nền KTXH&ĐK cũng thể hiện sự phù hợp, năng lực và tính tự chủ khi xảy ra hậu quả của thiên tai, như một phương tiện để cộng đồng đối phó với sự tàn phá và góp phần vào phục hồi, tái thiết. ICMIF và Văn phòng LHQ về Giảm thiểu rủi ro thiên tai đã xác định 7 cơ chế thiết thực để hỗ trợ giảm nhẹ rủi ro thiên tai và khả năng chống chịu thông qua đơn vị bảo hiểm hợp tác xã và bảo hiểm tương hỗ trong bối cảnh Khung hành động Sendai về Giảm nhẹ rủi ro thiên tai giai đoạn 2015-2030.²²¹ Nhằm ứng phó với thiên tai trên thế giới, các chủ thể KTXH&ĐK đóng góp về mặt kỹ thuật và tài chính vào nỗ lực tái thiết như một hành động thể hiện tinh thần đoàn kết. Sau trận động đất và sóng thần ở Ấn Độ Dương năm 2004, hơn 500 nhóm tự lực mới được thành lập bởi phụ nữ ở những ngôi làng ven biển ở Tamil Nadu, Ấn Độ. Những nhóm này tham gia vào nỗ lực phục hồi, và do đó, vị thế của phụ nữ đã được nâng cao về mặt lựa chọn việc làm, độc lập tài chính, ra quyết định trong gia đình và có tiếng nói trong các cuộc họp công.²²² Năm 2020, Quỹ tương hỗ Úc thực hiện một chiến dịch hỗ trợ cộng đồng bị ảnh hưởng bởi cháy rừng, nhận đóng góp từ các tổ chức tương hỗ trên thế giới.²²³ Chính phủ các nước có thể cải thiện việc lồng ghép các chủ thể KTXH&ĐK như đối tác vào các chương trình chuẩn bị trước thiên tai.

²¹⁶ Hợp tác xã Môi giới y tế Đa văn hóa.

²¹⁷ Adrien Billiet và cộng sự, "Khả năng chống chịu của mô hình hợp tác xã: Hợp tác xã ứng phó như thế nào với khủng hoảng COVID-19?", *Tóm tắt tài chính khởi nghiệp* 30, Số 2 (2021): 99-108.

²¹⁸ Johnston Birchall, *Khả năng chống chịu trong bối cảnh suy thoái: Sức mạnh của hợp tác xã tài chính* (ILO, 2013).

²¹⁹ Johnston Birchall và Lou Hammond Ketilson, *Khả năng chống chịu của mô hình kinh doanh hợp tác xã trong thời gian khủng hoảng* (ILO, 2009). ²²⁰ Birchall, *Khả năng chống chịu trong bối cảnh suy thoái: Sức mạnh của hợp tác xã tài chính*.

²²⁰ Birchall, *Khả năng chống chịu trong bối cảnh suy thoái: Sức mạnh của hợp tác xã tài chính*.

²²¹ ICMIF và Văn phòng LHQ về Giảm thiểu rủi ro thiên tai, *Từ bảo vệ đến ngăn chặn: Vai trò của bảo hiểm hợp tác xã và bảo hiểm tương hỗ trong giảm thiểu rủi ro thiên tai*, 2020.

²²² Grant Larson và cộng sự, "Vai trò của các nhóm tự lực trong phục hồi sau sóng thần", *Tạp chí Sage* 58, Số 5 (2015): 732-742.

²²³ Hội đồng kinh doanh Các hợp tác xã và tổ chức tương hỗ Úc, "Khả năng chống chịu và phục hồi của cộng đồng".

102. Các chủ thể KTXH&ĐK hợp tác với chính phủ và đối tác phát triển để giải quyết nhu cầu của người tị nạn và cộng đồng nước sở tại. Nền KTXH&ĐK có vị thế thuận lợi để đáp ứng nhu cầu của cả những người bị di dời và người dân bản địa, vì nó mang lại sự kết hợp các dịch vụ thiết thực thông qua hành động tập thể, dựa trên các giá trị tự lực, tương hỗ, quản trị dân chủ và có sự tham gia của nhiều bên. Các chủ thể KTXH&ĐK cung cấp dịch vụ xã hội, việc làm, tạo thu nhập, tài chính và trao đổi kiến thức. Họ cũng đóng góp vào chức năng xây dựng năng lực xã hội và xây dựng hòa bình, như kết nối mạng lưới, đoàn kết và tạo lòng tin, giải quyết vấn đề, hành động tập thể, trao quyền cho phụ nữ, hòa giải và nhạy cảm về văn hóa. Năm 2015, báo cáo cho thấy hợp tác xã ở Ý cung cấp dịch vụ thiết yếu cho 18.000 người tị nạn, người xin tị nạn và người di cư ở 220 trung tâm chào đón và 170 công trình nhà ở chuyên dụng.²²⁴ Hợp tác xã ở Jordan đã định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm, cũng như hỗ trợ nâng cao ATVSLĐ cho lao động là người tị nạn, người di cư và cộng đồng bản địa trong lĩnh vực nông nghiệp, với sự trợ giúp từ ILO.²²⁵ Thông qua sáng kiến Mua vì sự tiến bộ (Purchase for Progress - P4P), Chương trình Lương thực Thế giới đã mua các mặt hàng thiết yếu để hỗ trợ lương thực khẩn cấp cho người tị nạn thông qua các hợp tác xã, hiệp hội sản xuất ở 20 quốc gia, từ đó hỗ trợ sự phát triển ở địa phương. Lỗ hổng kiến thức vẫn còn tồn tại liên quan đến vai trò mà nền KTXH&ĐK có thể đảm nhận trong bối cảnh bắt buộc phải di dời. Cần tiến hành nghiên cứu thêm về hoạt động của các chủ thể KTXH&ĐK trong bối cảnh di dời bắt buộc, cũng như so sánh và phối hợp với các chủ thể trong khu vực công và tư.

103. Nền KTXH&ĐK có thể đóng vai trò có giá trị trong bối cảnh hậu xung đột, bằng cách tham gia vào những nỗ lực phục hồi, tái thiết nhạy cảm với xung đột và đáp ứng hòa bình. Các chủ thể KTXH&ĐK có thể góp phần vào sự chung sống hòa bình, gắn kết xã hội và xây dựng hòa bình bền vững. Ở những nước như Bosnia và Herzegovina, El Salvador, Guatemala, Lebanon, Mozambique, Nepal, Bắc Macedonia, Rwanda, Sri Lanka và Timor-Leste, hợp tác xã đóng vai trò quan trọng trong hoạt động tái thiết hậu xung đột bằng cách tạo việc làm cho những người bị di dời quay trở về và cựu chiến binh, xây dựng lại doanh nghiệp và nhà cửa, giúp người tị nạn và người hồi hương tiếp cận thị trường, tạo điều kiện hòa giải và thiết lập lại mối quan hệ bị chia cắt bởi chiến tranh.²²⁶ Tại Colombia, các chủ thể KTXH&ĐK đóng vai trò trung tâm trong quá trình phục hồi và phát triển địa phương sau xung đột thông qua đóng góp vào những nỗ lực tái hòa nhập đối tượng cựu chiến binh và xây dựng hòa bình. Ngoài ra, các cơ chế KTXH&ĐK cũng được vận động để tái định cư cho cựu chiến binh ở vùng Balkans (những năm 1990), miền đông Cộng hòa Dân chủ Congo và Trung Mỹ (1990-1995), và ở Nam Phi (1995-2000). Ở tỉnh miền Bắc của Sri Lanka, nơi các hợp tác xã đã hoạt động từ trước cuộc nội chiến (1983-2009), đã có một số thành công trong việc gia tăng thu nhập của những người được tập hợp làm thành viên trong hợp tác xã. Hơn nữa, bằng cách tập hợp mọi người với nhau, các hợp tác xã có khả năng giải quyết một số hạn chế về văn hóa mà phụ nữ gặp phải trong một xã hội bảo thủ.

Quá trình chuyển đổi số công bằng

104. Các chủ thể KTXH&ĐK đang góp phần giúp quá trình chuyển đổi số công bằng hơn. Thông qua kết nối các doanh nghiệp và khách hàng với nhân viên, nền tảng công việc số đang chuyển đổi các quy trình doanh nghiệp và có tác động đáng kể tới tương lai việc làm.²²⁷ Tương tự như các công ty nền tảng, hợp tác xã nền tảng sử dụng website, ứng dụng di động hoặc giao thức để bán hàng hóa, dịch vụ. Điểm khác biệt chính là họ dựa vào quá trình ra quyết định dân chủ hoặc quyền sở hữu chung đối với nền tảng, hoặc cả hai. Ví dụ, hợp tác xã tài xế taxi đã thiết lập ứng dụng trực tuyến của riêng mình để loại bỏ các công ty gọi xe trung gian. Ở Hoa Kỳ, Hợp tác xã Taxi xanh (Green Taxi) có trụ sở tại Denver là một hợp tác xã người lao động tổ chức thành công đoàn với dịch vụ gọi taxi bằng điện thoại thông minh, sở hữu và điều hành bởi chính các thành viên.²²⁸

²²⁴ ILO, *Xây dựng sơ đồ ứng phó của hợp tác xã và các tổ chức kinh tế xã hội & đoàn kết đối với di dời bắt buộc*, 2020.

²²⁵ ILO, "Jordan triển khai chiến lược quốc gia về phong trào hợp tác xã, với sự hỗ trợ của ILO." 3/7/2021.

²²⁶ ILO, *Xây dựng sơ đồ ứng phó của hợp tác xã và các tổ chức kinh tế xã hội & đoàn kết đối với di dời bắt buộc*, 2020.

²²⁷ Anita Gurumurthy và cộng sự, *Lao động nền tảng để tìm kiếm giá trị: Nghiên cứu về thông lệ tổ chức của người lao động và mô hình kinh doanh trong nền kinh tế số*, 2021.

²²⁸ Hợp tác xã Taxi xanh.

105. Các chủ thể KTXH&ĐK đưa ra một loạt phương án thay thế cho người lao động, nhà sản xuất và người dùng dịch vụ số. Tại Brazil, Cataku là một ứng dụng di động kết nối miễn phí người nhặt rác với người thải rác ở Sao Paulo. Trong thời gian đại dịch COVID-19, ứng dụng phân phối khẩu trang và xây dựng một chiến dịch gọi vốn cộng đồng trên mạng để hỗ trợ những người nhặt rác.²²⁹ Ở Séc, Czechitas là một doanh nghiệp xã hội phi lợi nhuận, phát triển năng lực số cho phụ nữ và trẻ em gái thông qua chương trình đào tạo với chi phí hợp lý. Ở Đức có DENIC, một hợp tác xã nền tảng dịch vụ chung. DENIC duy trì 16,7 triệu tên miền internet (".de") và cung cấp dịch vụ an ninh trên không gian số,²³⁰ đại diện cho quốc gia trong Tập đoàn Internet cấp số và tên miền (ICANN) - một tập đoàn phi lợi nhuận, vì lợi ích công, đặt trụ sở tại Hoa Kỳ và điều phối hệ thống đặt tên của internet. GoCoop ở Ấn Độ là một doanh nghiệp xã hội kết nối người tiêu dùng với các hợp tác xã thợ dệt, thợ thủ công và doanh nghiệp dựa vào cộng đồng. Đây là thị trường trực tuyến đầu tiên của đất nước này chuyên về sản phẩm thủ công mỹ nghệ.²³¹ Cũng ở Ấn Độ có một doanh nghiệp xã hội tên là Vrutti. Doanh nghiệp hỗ trợ 26.000 tiểu nông được tập hợp thành các tổ chức nông dân sản xuất thông qua một nền tảng số hỗ trợ lập kế hoạch kinh doanh thông qua dự báo nhu cầu, giá cả, kết nối trực tiếp với người tiêu dùng cuối cùng và hệ thống hỗ trợ thể chế về vấn đề tín dụng, phân phối và công tác hậu cần.²³²

Quá trình chuyển đổi công bằng sang tính bền vững về môi trường

106. Các chủ thể KTXH&ĐK đang góp phần vào quá trình chuyển đổi công bằng sang tính bền vững về môi trường.²³³ *Hướng dẫn về chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người* kêu gọi đặc biệt chú ý đến hỗ trợ các hợp tác xã trong việc thực hiện quá trình chuyển đổi. Hướng dẫn nhấn mạnh vai trò mà chính phủ cần đảm nhận, với sự tham vấn của các đối tác xã hội, trong tạo điều kiện giúp các hợp tác xã tham gia vào quá trình thu mua công và công nhận việc áp dụng mô hình hợp tác xã như một công cụ chính thức hóa hiệu quả.²³⁴ Nền KTXH&ĐK có thể góp phần hoàn thành Mục tiêu 7 (năng lượng sạch và giá cả hợp lý), Mục tiêu 8 (việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế), Mục tiêu 11 (đô thị và cộng đồng bền vững), Mục tiêu 12 (tiêu dùng và sản xuất có trách nhiệm), Mục tiêu 13 (hành động ứng phó với biến đổi khí hậu), Mục tiêu 14 (tài nguyên nước) và Mục tiêu 15 (tài nguyên đất) trong Chương trình nghị sự 2030. Điều này có thể đạt được trong phạm vi các chủ thể KTXH&ĐK có thể giúp tiếp cận năng lượng tái tạo và sử dụng hiệu quả nguồn lực trong hoạt động của mình, khiến các đô thị và khu định cư của con người có tính hòa nhập, khả năng chống chịu và bền vững, thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng bền vững, và thực hiện hành động chống biến đổi khí hậu, hướng tới bảo vệ sự sống dưới nước và trên cạn. Ở Vương quốc Anh, 20% doanh nghiệp xã hội nhấn mạnh rằng họ giải quyết tình trạng khẩn cấp về khí hậu như một phần trong sứ mệnh cốt lõi của họ. Một phần ba (35%) cho biết họ đã đưa giải quyết biến đổi khí hậu hoặc tình trạng khẩn cấp về khí hậu vào điều khoản, luật lệ của tổ chức. Một phần ba khác (32%) nhấn mạnh họ đã có kế hoạch hoặc đang xem xét làm như vậy.²³⁵

107. Các chủ thể KTXH&ĐK trong các lĩnh vực từ nông nghiệp, nhà ở đến năng lượng đang xanh hóa hoạt động của mình và giảm tác động lên môi trường. Bảo hiểm tương hỗ đối với cây trồng, cải thiện kỹ thuật tưới tiêu và quản lý lưu vực sông, sử dụng nguyên vật liệu tái tạo và hình thành tự nhiên để cách nhiệt và đa dạng hóa cây trồng chịu hạn là một số phương pháp mà các chủ thể KTXH&ĐK có thể áp dụng. Ở Kenya, Hiệp hội Hợp tác xã Ngư dân Dunga đang giải quyết tình trạng trữ lượng tài nguyên thấp do khai thác quá mức và tác động của biến đổi khí hậu, bằng cách nuôi hàng ngàn con cá thông qua một sáng kiến phát triển nuôi trồng thủy hải sản, sau đó thả chúng vào hồ.²³⁶ Cộng đồng

²²⁹ Luciana Bruno, *Thu gom phẩm cách: Người nhặt rác có thể tái chế của Brazil* (Viện Kinh tế số hợp tác, 2020).

²³⁰ DENIC, "Internet và Hiệp hội hợp tác xã - Hai thứ này kết hợp với nhau như thế nào?"

²³¹ GoCoop.

²³² Gurumurthy và cộng sự.

²³³ Valérie Boiten, *Kết thúc vòng lặp - Các tổ chức xã hội và đoàn kết có thể đẩy mạnh nền kinh tế tuần hoàn không?* (UNFSSSE, 2019).

²³⁴ ILO, *Hướng dẫn về chuyển đổi công bằng hướng tới nền kinh tế và xã hội bền vững về môi trường cho tất cả mọi người*, 2015.

²³⁵ Tổ chức Doanh nghiệp Xã hội Vương quốc Anh, 2021.

²³⁶ COPAC, *Thay đổi thế giới của chúng ta: Hợp tác xã năm 2030 - Đóng góp của hợp tác xã vào Mục tiêu Phát triển Bền vững 14*, 2019.

quốc tế, chính quyền quốc gia và địa phương, cũng như các đối tác xã hội có thể lồng ghép KTXH&ĐK vào những kế hoạch, chương trình chuyển đổi công bằng của họ.

108. Nền KTXH&ĐK cũng đóng góp vào tính bền vững về môi trường bằng cách sản xuất và bán sản phẩm, dịch vụ trong lĩnh vực xanh, chẳng hạn như năng lượng tái tạo. Tại nhiều nước đang phát triển, lưới điện chạy bằng năng lượng mặt trời, quy mô nhỏ, dựa vào cộng đồng là một phương án ít tốn kém để cung cấp điện cho nông thôn. Các chủ thể KTXH&ĐK đã tham gia sản xuất và phân phối năng lượng tái tạo trong nhiều năm qua.²³⁷ REScoop.eu, liên đoàn hợp tác xã năng lượng công dân châu Âu, là một hiệp hội phi lợi nhuận hoạt động như hợp tác xã. Hội đại diện cho 1.900 hợp tác xã năng lượng với 1,25 triệu hộ gia đình thành viên.²³⁸ Khi quyền sở hữu cộng đồng đối với nguồn năng lượng tái tạo thông qua chủ thể KTXH&ĐK tăng lên, điều quan trọng là cân nhắc đến nhu cầu cần đảm bảo việc làm xanh được tạo ra cũng là việc làm thỏa đáng cho người lao động trong lĩnh vực này. Ở Brazil, COOPERBIO là hợp tác xã dầu diesel sinh học đầu tiên của đất nước này, tập hợp 25.000 hộ gia đình tiểu nông và người lao động không có đất đai để thu gom sinh khối, sản xuất dầu diesel sinh học và ethanol từ cây thầu dầu, dầu mè, hướng dương và các loại cây khác. Điều này tạo ra việc làm và thu nhập, thúc đẩy chế độ ăn uống lành mạnh cho những gia đình nông thôn, cũng như ủng hộ giữ gìn môi trường, bảo vệ nguồn nước và đa dạng sinh học.²³⁹

109. Nhằm ứng phó với những thách thức trong các hoạt động phi chính thức như môi trường làm việc nguy hiểm, quyền hạn thương lượng thấp, thiếu tiếng nói và sự đại diện, những người nhặt rác đã thành lập nhiều đơn vị KTXH&ĐK, đặc biệt là ở Mỹ La-tinh và Nam Á.²⁴⁰ Trong bối cảnh các hệ thống quản lý rác thải chính thức chưa phát triển đầy đủ, những người nhặt rác khu vực phi chính thức đóng vai trò then chốt trong hoạt động thu gom, phân loại và tái chế rác thải. Họ góp phần bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cải thiện tình hình vệ sinh, bảo vệ môi trường ở cấp địa phương, trung ương và quốc tế bằng cách thúc đẩy tuần hoàn tài nguyên và giảm lượng rác thải chôn lấp. Tại Colombia, Hiệp hội Hợp tác xã Người tái chế Bogotá (ARB) là một liên đoàn gồm 17 tổ chức hợp tác xã đại diện cho 1.800 người nhặt rác. Hiệp hội thực hiện đàm phán với chính quyền thành phố, chính phủ và khu vực tư nhân. Ở Ấn Độ có Tổ chức Xử lý Thu gom Chất thải rắn (Solid Waste Collection Handling), một hợp tác xã công nhân gồm 3.000 thành viên là công nhân nữ, họ cũng là người nhặt rác và mua rác lưu động. Hợp tác xã đã ký kết hợp đồng với Thành phố Pune. Trong khi các đơn vị KTXH&ĐK có thể giúp cải thiện điều khoản và điều kiện làm việc của người nhặt rác, nhưng vẫn tồn tại tình trạng thiếu việc làm thỏa đáng, kể cả nguy hiểm về ATVSLĐ.

110. Trong những năm gần đây, các chủ thể KTXH&ĐK đã bắt đầu tham gia quản lý rác thải điện tử (e-waste). Năm 2019, mỗi người trên Trái Đất sản xuất ra 7,3 kg rác thải điện tử mỗi năm, con số này tăng lên so với năm 2010 (5 kg).²⁴¹ Phần lớn các chủ thể trong chuỗi giá trị rác thải điện tử hoạt động trong khu vực kinh tế phi chính thức. Các điểm đồng thuận trong Diễn đàn Đối thoại Toàn cầu của ILO năm 2019 về Việc làm thỏa đáng trong Quản lý Rác thải điện tử thừa nhận rằng hợp tác xã và các đơn vị KTXH&ĐK khác đóng vai trò then chốt trong quản lý chất thải điện tử tại nhiều quốc gia. Họ đã thúc đẩy quyền của người lao động khu vực phi chính thức, ủng hộ sự hòa nhập và công nhận họ, cũng như tạo cơ hội việc làm chính thức và thỏa đáng cho họ.²⁴² Ở Hoa Kỳ, RecycleForce là một doanh nghiệp xã hội cam kết giúp những người sau khi ra tù hòa nhập cộng đồng thông qua cung cấp việc làm và đào tạo nghề, đồng thời cải thiện môi trường thông qua tái chế đồ điện tử. Kể từ năm 2006, doanh nghiệp đã tái chế an toàn hơn 65 triệu pound rác thải điện tử và đào tạo nghề cho hàng ngàn công dân được quay trở lại xã hội.²⁴³

²³⁷ ILO, *Cung cấp năng lượng sạch và tiếp cận năng lượng thông qua hợp tác xã*, 2013.

²³⁸ REScoop.eu.

²³⁹ ILO, *Cung cấp năng lượng sạch và tiếp cận năng lượng thông qua hợp tác xã*, 2013.

²⁴⁰ ILO, "Hợp tác xã người nhặt rác và tổ chức kinh tế xã hội & đoàn kết" (tóm tắt), 2019.

²⁴¹ Ian Tiseo, *Lượng rác thải điện tử được tạo ra trên đầu người trên toàn thế giới từ năm 2010 đến 2019 (tính theo kilogam trên đầu người)*, 2021.

²⁴² ILO, *Các điểm đồng thuận trong Diễn đàn Đối thoại Toàn cầu về Việc làm thỏa đáng trong Quản lý Rác thải điện tử*, GDFEEW/2019/7, 2019.

²⁴³ Recycle Force.

111. Nhiều chủ thể KTXH&ĐK có đóng góp cho mạng lưới lương thực liên quan đến thương mại công bằng, mua sắm đoàn kết và cung cấp thực phẩm tập thể. Họ tăng cường an ninh lương thực và xây dựng hệ thống thực phẩm nông nghiệp theo hướng bền vững, công bằng hơn nhằm thúc đẩy việc làm và thông lệ thỏa đáng, hướng tới tính xanh và công bằng hơn trên chuỗi cung ứng.²⁴⁴ Ở Bồ Đào Nha có Re-Food là một hiệp hội với 7.500 tình nguyện viên. Re-Food góp phần xóa bỏ tình trạng lãng phí thực phẩm và nạn đói tại cộng đồng địa phương.

²⁴⁴ ILO, “Hợp tác xã & Nền kinh tế xã hội đoàn kết - Ứng phó với những vấn đề chính trong báo cáo của Ủy ban Toàn cầu về Tương lai việc làm, 2019” (tóm tắt), 2019

► Chương 3. Mối quan hệ với các thành viên của ILO

112. Chương 3 xem xét mối quan hệ giữa các thành viên ba bên của ILO và nền KTXH&ĐK. Việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK nhằm nâng cao việc làm thỏa đáng và sự phát triển bền vững đòi hỏi cần có các hình thức hợp tác mới giữa chính phủ, người sử dụng lao động, người lao động và xã hội nói chung.

Chính phủ

113. **Các hình thức công nhận nền KTXH&ĐK trong pháp luật có sự khác nhau giữa các quốc gia.**²⁴⁵ Một số quốc gia có hiến pháp công nhận nền KTXH&ĐK, bao gồm Nhà nước đa dân tộc Bolivia (đề cập đến “nền kinh tế xã hội và cộng đồng”), Ecuador (đề cập đến “nền kinh tế xã hội và đoàn kết”, “nền kinh tế đại chúng và đoàn kết”) và Mexico (đề cập đến “khu vực xã hội”). Nhiều hiến pháp quốc gia có đề cập đến các hình thức tổ chức của nền KTXH&ĐK. Ví dụ, có hơn 60 hiến pháp công nhận vai trò của hợp tác xã.²⁴⁶ Các quốc gia liên bang đã ban hành luật về nền KTXH&ĐK ở các cấp độ khác nhau. Chẳng hạn, trong khi Mexico ban hành luật về nền KTXH&ĐK ở cấp liên bang thì Argentina đã ban hành luật này ở cấp tỉnh. Pháp luật về nền KTXH&ĐK được thông qua có sự khác biệt về mức độ chi tiết. Hầu hết các văn bản đều được xây dựng dựa trên mô hình pháp luật khung, đề ra các nghĩa vụ và nguyên tắc chung, thông thường có khoảng 20 điều khoản. Có thể thấy rõ điều này ở các khu vực như Cabo Verde, Cameroon, Bồ Đào Nha và Uruguay. Các khu vực khác có quy định chi tiết hơn, như ở Pháp (98 điều) và Honduras (70 điều). Định nghĩa về nền KTXH&ĐK trong pháp luật có sự khác biệt về cơ sở, từ các giá trị, nguyên tắc đặc điểm của hình thức pháp lý và hạn chế đối với một số hoạt động kinh tế nhất định. Hầu hết các văn bản về nền KTXH&ĐK đề cập rõ ràng đến các nguyên tắc và hình thức tổ chức của nền KTXH&ĐK, nhưng có tương đối ít văn bản đề cập cụ thể đến các giá trị hay hạn chế nền KTXH&ĐK đối với các hoạt động kinh tế cụ thể. Một số pháp luật về nền KTXH&ĐK đã đưa ra các cơ chế nhận dạng các chủ thể nền KTXH&ĐK hoặc các hình thức tổ chức cụ thể. Nhìn chung, việc áp dụng các khung quy định đối với nền KTXH&ĐK vẫn còn bị hạn chế. Những nội dung liên quan đến thành phần của nền KTXH&ĐK có thể cần được sửa đổi để phản ánh thực trạng đang thay đổi.

114. **Việc ban hành pháp luật về nền KTXH&ĐK thường được tiếp nối bởi việc thiết lập hoặc củng cố các thể chế chính phủ vừa điều tiết, vừa hỗ trợ cho nền KTXH&ĐK.** Tuy nhiên, tình trạng của các thể chế đó có thể khác biệt đáng kể. Một số quốc gia đã thiết lập các bộ phụ trách nền KTXH&ĐK (như Bỉ (Flanders), Cameroon, Luxembourg, Maroc, Nicaragua, Senegal và Tây Ban Nha).²⁴⁷ Các quốc gia khác đã thiết lập các thứ bộ (Costa Rica), ban thư ký quốc gia (Pháp, Hàn Quốc), các viện cấp bộ (Mexico) hoặc ủy ban liên bộ (Colombia). Ngoài ra còn tồn tại các cơ chế tổ chức rời rạc hơn, theo đó các bộ hoặc ban, ngành khác nhau đảm nhận các trách nhiệm khác nhau đối với nền KTXH&ĐK hoặc phụ trách các loại hình tổ chức cụ thể trong nền KTXH&ĐK. Ở một số quốc gia, lộ trình thể chế hóa liên quan đến sự xuất hiện của các bộ hoặc cơ quan hợp nhất nhiều sáng kiến có mối liên hệ đến việc điều tiết, phối hợp và xúc tiến nền KTXH&ĐK.²⁴⁸

115. **Các chính phủ cam kết đóng góp cho sự phát triển của nền KTXH&ĐK thường thiết lập cơ chế gắn kết và phối hợp giữa các lĩnh vực chính sách khác nhau.** Do các chủ thể nền KTXH&ĐK có thể hoạt động trong các ngành công nghiệp và lĩnh vực thể chế khác nhau nên rất khó để chỉ định cho các chủ thể này một danh mục đầu tư cụ thể của chính phủ. Trước đây, trách nhiệm đối với các hình thức tổ chức thuộc nền KTXH&ĐK thường được giao cho các bộ có chuyên môn khác nhau. Ví dụ, hợp tác xã có thể được đặt dưới sự giám sát của bộ phụ trách nông nghiệp và phát triển nông thôn. Trên thực tế, chỉ riêng hợp tác xã có thể chịu sự giám sát của nhiều bộ, tùy thuộc vào lĩnh vực mà hợp tác xã hoạt động (ví dụ:

²⁴⁵ Hiez.

²⁴⁶ Ifigenia Douvitsa, "Các hiến pháp quốc gia và Hợp tác xã: Tổng quan", *Tạp chí Quốc tế về Luật Hợp tác xã* 1, Số 1 (2018): 128–147.

²⁴⁷ Trong hầu hết các trường hợp, nhiệm vụ của các bộ này còn bao gồm cả nền KTXH&ĐK bên cạnh các trách nhiệm khác, chẳng hạn như lao động.

²⁴⁸ Utting.

nông nghiệp, tài chính, công nghiệp hoặc nhà ở). Các tổ chức tương hỗ có thể trực thuộc bộ phận trách nhiệm tài chính, trong khi các hiệp hội ở nhiều quốc gia lại chịu sự quản lý của Bộ Nội vụ. Việc phân công trách nhiệm như vậy có thể có giá trị đối với sự phát triển của các cấu phần cụ thể của nền KTXH&ĐK. Tuy nhiên, việc thiếu cơ chế phối hợp hiệu quả có thể dẫn đến sự phân mảnh thể chế và tác động tiêu cực đến việc thúc đẩy toàn thể nền KTXH&ĐK.²⁴⁹ Một số quốc gia đã xây dựng cơ chế phối hợp cho nền KTXH&ĐK, tiêu biểu là Brazil (Diễn đàn Brazil về Nền kinh tế đoàn kết), Chile (Hội đồng Tư vấn nền KTXH&ĐK công-tư), Djibouti (Hội đồng Quốc gia về Xúc tiến nền KTXH&ĐK), Pháp (Hội đồng Quốc gia Các phòng khu vực trong nền KTXH&ĐK), Hàn Quốc (Cơ quan Xúc tiến Doanh nghiệp Xã hội Hàn Quốc), Senegal (Bộ trưởng ủy quyền cho Bộ trưởng Tài chính vi mô và Nền kinh tế dựa trên sự đoàn kết) và Tây Ban Nha (Đài quan sát Kinh tế xã hội Tây Ban Nha).²⁵⁰ Một số trong những thể chế này cung cấp các dịch vụ hỗ trợ cho các chủ thể nền KTXH&ĐK như xây dựng năng lực và ươm tạo. Các thể chế đó còn phối hợp thực hiện chính sách và can thiệp về KTXH&ĐK và trở thành đơn vị trung gian giữa chính phủ và nền KTXH&ĐK. Những thỏa thuận thể chế quốc gia được điều chỉnh phù hợp với tính chất đa ngành của nền KTXH&ĐK cũng đã được phản ánh trong các thể chế khu vực và địa phương, như được minh họa bởi các thể chế khu vực có liên quan ở Canada (Quebec và Montreal) và Pháp (Provence-Alpes-Côte d’Azur).²⁵¹

Tổ chức của người lao động

116. Trên thế giới, các tổ chức cho người lao động và chủ thể KTXH&ĐK có các giá trị và nguyên tắc như nhau, có một lịch sử chung và đôi khi các cơ cấu tổ chức cũng tương tự nhau. Ở nhiều quốc gia, các tổ chức cho người lao động và tổ chức hợp tác xã đều ra đời từ những biến động kinh tế và xã hội giống nhau. Liên quan đến nền KTXH&ĐK, các tổ chức cho người lao động ưu tiên việc thúc đẩy, bảo vệ quyền và lợi ích của người lao động trong nền KTXH&ĐK. Các tổ chức cho người lao động có thể tham gia vào nền KTXH&ĐK để cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho các thành viên trong tổ chức và tiếp cận những người lao động, nhà sản xuất có thể không phải là thành viên của tổ chức. Trong một số trường hợp, họ kết hợp các hoạt động của công đoàn và nền KTXH&ĐK trong cùng một cơ cấu tổ chức. Ví dụ, ở Ấn Độ, SEWA là khởi nguồn của các phong trào lao động, phong trào hợp tác xã và phong trào phụ nữ.²⁵² SEWA hình thành từ cánh phụ nữ của hiệp hội lao động dệt may trước khi được đăng ký như một công đoàn. SEWA thúc đẩy quyền của các thành viên trong nền kinh tế nông thôn và phi chính thức thông qua công đoàn và cải thiện sinh kế thông qua hợp tác xã và các doanh nghiệp xã hội tập thể khác.²⁵³ Trong những trường hợp khác, những tổ chức có thể đã bắt đầu như một chủ thể trong nền KTXH&ĐK sau đó có thể trở thành một công đoàn chính thức. Ví dụ, ở Jamaica, nơi lao động giúp việc gia đình chiếm 16% lực lượng lao động nữ, Hiệp hội Người giúp việc Gia đình Jamaica được thành lập để đào tạo các thành viên về kỹ năng quản lý hộ gia đình, đàm phán và giải quyết xung đột. Vào năm 2013, Hiệp hội được đăng ký với tư cách là công đoàn với hơn 1.600 thành viên, đại diện cho những người giúp việc gia đình trong Ủy ban Cố vấn Mức lương Tối thiểu của quốc gia.²⁵⁴

117. Các tổ chức dành cho người lao động đã thành lập các đơn vị KTXH&ĐK trong ngành bán lẻ, nhà ở giá rẻ, tài chính quy mô nhỏ, bảo hiểm tương hỗ, giáo dục và đào tạo, và duy trì việc làm nhằm mang lại lợi ích cho các thành viên của họ. Một số ví dụ bao gồm:

- Tại Brazil, UNISOL Brasil là một tổ chức bảo trợ của các hiệp hội, hợp tác xã và các đơn vị KTXH&ĐK khác hoạt động với sự tham gia tích cực của công đoàn quốc gia (Liên đoàn Người lao động Đơn lẻ (CUT)). Tổ chức này hỗ trợ các đơn vị KTXH&ĐK của những người nhặt rác/công nhân tái chế rác thải khu vực phi chính thức và những người lao động trong nhiều ngành khác nhau. Tổ chức này còn tư

²⁴⁹ ILO, *Vạch ra bối cảnh kinh tế xã hội và đoàn kết ở châu Á: Hướng tới môi trường chính sách thuận lợi*, Tóm tắt của ILO: Tăng cường chính sách kinh tế xã hội và đoàn kết ở châu Á, 2022.

²⁵⁰ Marguerite Mendell và Béatrice Alain, “Tạo điều kiện cho nền kinh tế xã hội và đoàn kết thông qua việc đồng xây dựng chính sách công”, *Nền kinh tế xã hội và đoàn kết – Vượt ra khỏi biên giới* (Zed Books: London, 2015), 166–182.

²⁵¹ Mendell và Alain.

²⁵² SEWA, “Giới thiệu”.

²⁵³ ILO, *Thúc đẩy sự hợp tác giữa người lao động nữ*, 2018.

²⁵⁴ ILO, “Hợp tác từ sự biệt lập: Hợp tác xã người giúp việc gia đình” (tóm tắt), 2014.

vấn cho người lao động mua lại công ty và thành lập các hợp tác xã xã hội. CUT đóng góp vào cuộc đối thoại thể chế và cung cấp hỗ trợ kỹ thuật.

- Tại tỉnh Quebec của Canada, pháp luật cho phép người lao động của một doanh nghiệp được cùng nhau mua cổ phần trong doanh nghiệp thông qua một hợp tác xã và tham gia quản trị doanh nghiệp đó. Có hơn 50 hợp tác xã như vậy ở Quebec, đây là hệ quả của các trường hợp chủ sở hữu nghỉ hưu hoặc doanh nghiệp phá sản. Khi một đài phát thanh gặp sự cố, 13 người lao động của đài này, với sự hỗ trợ của công đoàn, đã dần dần mua lại cổ phần để trở thành chủ sở hữu của toàn bộ đài phát thanh và thành lập hợp tác xã cho người lao động vào năm 2007.²⁵⁵
- Tại Colombia, Liên minh Người giúp việc Gia đình (UTRASD) đã thành lập một doanh nghiệp xã hội về dịch vụ dọn dẹp và chăm sóc như một giải pháp do người lao động làm chủ, thay cho các đơn vị trung gian hiện có.²⁵⁶ Công ty đã đào tạo cho hơn 300 người chăm sóc và giúp việc gia đình, nâng cao kỹ năng chuyên môn, kiến thức về quyền lao động và lòng tự trọng của họ, đồng thời tổ chức một chiến dịch marketing để tạo cơ sở khách hàng và đảm bảo ký kết các hợp đồng mới.
- Liên minh tín dụng lớn nhất Eswatini (về mặt thành viên và số tiền tiết kiệm) được thành lập bởi liên minh giáo viên quốc gia có sức ảnh hưởng.²⁵⁷
- Ở Ấn Độ, Nirmala Niketan là một nhóm người giúp việc gia đình được thành lập bởi những phụ nữ bộ lạc đến từ Jharkhand. Nirmala Niketan có được sự ủng hộ từ Ủy ban Vận động Quốc gia cho Người lao động trong khu vực không có tổ chức và các đối tác của Ủy ban.²⁵⁸
- Kinh nghiệm của Ý với các doanh nghiệp do người lao động phục hồi, được hỗ trợ bởi pháp luật bao quát về lao động, doanh nghiệp và hợp tác xã đối với chủ thể này, cùng môi trường thuận lợi của nó, được xây dựng xung quanh một cấu trúc tài chính do sự hợp tác giữa các tổ chức cho người lao động, Nhà nước và phong trào hợp tác xã tạo điều kiện thuận lợi.²⁵⁹
- Tại Nhật Bản, vào những năm 1950, công đoàn đã thành lập nhiều tổ chức phúc lợi cho người lao động, chẳng hạn như hợp tác xã tiêu dùng hướng đến người lao động, ngân hàng lao động,²⁶⁰ hợp tác xã bảo hiểm người lao động và hiệp hội nhà ở cho người lao động, là những tổ chức vẫn tồn tại cho đến ngày nay.²⁶¹
- Tại Vương quốc Anh, một nhóm các đoàn viên công đoàn, xã viên hợp tác xã, người làm giáo dục và học giả đã phát triển mô hình hợp tác xã “hợp tác công đoàn” do lực lượng lao động sở hữu và kiểm soát, và dành một vị trí quản trị chính thức cho công đoàn.²⁶²

118. Quan hệ đối tác giữa các tổ chức cho người lao động và nền KTXH&ĐK trong nền kinh tế phi chính thức cho thấy giá trị gia tăng của các tổ chức đó ở cấp độ vi mô, trung mô và vĩ mô. Các mối quan hệ đối tác như vậy bao gồm việc cung cấp dịch vụ và hỗ trợ cá nhân (cấp độ vi mô), xây dựng bản sắc tập thể và kiến thức cũng như cam kết về quyền sở hữu chung và hỗ trợ lẫn nhau (cấp độ trung mô). Thường bắt nguồn từ các phong trào lớn hơn về quyền và công bằng xã hội, nhiều chủ thể KTXH&ĐK đã xây dựng thành công các liên minh chiến lược để tạo dựng quyền lực, sự hiện diện và ảnh hưởng của người lao động, dẫn đến các quyền và sự bảo vệ được cải thiện nhờ vận động và đối thoại tập trung vào địa phương, quốc gia và toàn cầu (cấp độ vĩ mô). Năm 2011, Hội nghị Tổ chức Khu vực Châu Phi thuộc Tổng Liên

²⁵⁵ ILO, *Duy trì việc làm thông qua hợp tác xã cho người lao động: Tổng quan về kinh nghiệm và chiến lược quốc tế*, 2014.

²⁵⁶ ILO, *Tổ chức người lao động trong nền kinh tế phi chính thức ở một số quốc gia châu Phi và Mỹ La-tinh: Tiềm năng của quan hệ đối tác giữa công đoàn, hợp tác xã và kinh tế xã hội & đoàn kết*, Tóm tắt chính sách, sắp xuất bản.

²⁵⁷ SNAT CO-OP, “*Chúng tôi là SNAT Co-op: Đáp án cho nhu cầu tài chính của giáo viên*”.

²⁵⁸ Nirmala Niketan.

²⁵⁹ EURICSE, *Con đường đến với các doanh nghiệp phục hồi của Ý và khuôn khổ Legge Marcora*, 2017.

²⁶⁰ Akira Kurimoto và Takashi Koseki, *Ngân hàng Rokin - 70 năm nỗ lực xây dựng một xã hội hòa nhập ở Nhật Bản thông qua việc nâng cao khả năng tiếp cận tài chính của người lao động*, Báo cáo Tài chính Xã hội số 76 (ILO, 2019).

²⁶¹ Akira Kurimoto, “Hợp tác xã và Công đoàn: Từ những đối tác không thường xuyên đến những người xây dựng một xã hội dựa trên sự đoàn kết”, trong *Hợp tác xã và Thế giới việc làm*, biên tập bởi Roelants và cộng sự. (Routledge: London, 2019), chương 9.

²⁶² Alex Bird và cộng sự, *Tuyên ngôn về việc làm thỏa đáng* (Union Co-ops UK, 2020).

đoàn Lao động Quốc tế (ITUC–Châu Phi) đã thông qua nghị quyết về thúc đẩy tổ chức trong nền kinh tế phi chính thức và nền kinh tế dựa trên đoàn kết vì sự phát triển tốt hơn của Châu Phi, nhấn mạnh tầm quan trọng của sự hợp tác giữa nền KTXH&ĐK và công đoàn trong việc tổ chức nền kinh tế phi chính thức.²⁶³ Ở Togo, Chương trình An sinh xã hội chung dành cho người lao động trong khu vực phi chính thức (MUPROSI) là một chương trình tương hỗ cung cấp bảo hiểm chăm sóc sức khỏe ban đầu cho các thành viên tham gia chương trình. Chương trình được thành lập vào năm 2005 bởi một công đoàn và được hỗ trợ bởi Liên đoàn Công nhân Gỗ và Xây dựng Togo (FTBC–Togo). Chương trình này hoạt động như một hiệp hội xã hội phi lợi nhuận dựa trên đoàn kết và hỗ trợ lẫn nhau giữa 1.231 thành viên trực tiếp, trong đó 42% là phụ nữ. Chương trình có 4.269 người thụ hưởng là người phụ thuộc của các thành viên.²⁶⁴

119. Các tổ chức cho người lao động đôi lúc liên minh với các chủ thể KTXH&ĐK nhằm theo đuổi các mục tiêu chung. Tại tỉnh Quebec của Canada, sự hợp tác lâu dài giữa công đoàn và các chủ thể KTXH&ĐK đã khiến cho số lượng thành viên ngày càng tăng ở cả hai phong trào.²⁶⁵ Tại Ghana, khi đàm phán về Đạo luật Lao động mới vào năm 2003, Hội nghị Công đoàn Ghana đã đề xuất thành công rằng Đạo luật này nên áp dụng cho tất cả người lao động nói chung thay vì chỉ người lao động trong doanh nghiệp và nên cung cấp các biện pháp bảo vệ cho người lao động thời vụ và lao động tạm thời. Năm 2003, Quốc hội đã đàm phán thành công một chương trình bảo hiểm y tế cung cấp cho cả người lao động chính thức và phi chính thức.²⁶⁶ Tổng Liên đoàn Lao động Nông nghiệp của Ghana đã thành lập một nhóm tổ chức các tiểu chủ nông nghiệp và hỗ trợ họ đăng ký các chương trình an sinh xã hội quốc gia. Ở quy mô quốc tế, các công đoàn, tổ chức kinh tế phi chính thức và nhóm xã hội dân sự đôi khi thành lập các liên minh xoay quanh một chương trình nghị sự chung, bao gồm các chiến dịch phê chuẩn và áp dụng các tiêu chuẩn lao động quốc tế, chẳng hạn như Công ước số 189 và Công ước về Chấm dứt bạo lực và quấy rối năm 2019 (Số 190).

Tổ chức của người sử dụng lao động

120. Các chủ thể KTXH&ĐK và cấu trúc KTXH&ĐK ngành dọc có thể tham gia vào các tổ chức hiện có cho người sử dụng lao động. Ở Tây Ban Nha, chuỗi siêu thị bán lẻ Eroski là một phần của nhóm hợp tác xã Mondragon và cũng là thành viên của Hiệp hội Các công ty phân phối lớn Quốc gia (ANGED), là Hiệp hội liên kết với EuroCommerce, một tổ chức người sử dụng lao động toàn châu Âu. Tương tự, liên đoàn hợp tác xã bán lẻ Suomen Osuuskappojen Keskuskunta của Phần Lan và Tập đoàn Hợp tác xã của Vương quốc Anh đều là thành viên của các cơ quan thương mại bán lẻ trực thuộc EuroCommerce tại quốc gia mình. Ở Thụy Sĩ, kể từ năm 2014, hai hợp tác xã tiêu dùng (Coop và Migros) đã trở thành thành viên của Hiệp hội Người sử dụng lao động Thụy Sĩ (UPS) thông qua hiệp hội ngành bán lẻ.

121. Các tổ chức cho người sử dụng lao động có thể phát triển cơ cấu và mở rộng dịch vụ tới các chủ thể KTXH&ĐK, cũng như cấu trúc ngành dọc và ngang của các chủ thể đó. Ví dụ, ở Senegal, Hội đồng Người sử dụng lao động Quốc gia (CNP) đã thành lập một ủy ban về giới, đa dạng nghề nghiệp và nền KTXH&ĐK cùng với các ủy ban khác để củng cố đề xuất có giá trị, quyền hạn thương lượng và khả năng bảo vệ lợi ích của các thành viên trong ủy ban. Năm 2019, các tổ chức người sử dụng lao động tại Senegal và Maroc đã gặp mặt trong một cuộc họp về nền KTXH&ĐK trong vai trò một mô hình khởi nghiệp thay thế và toàn diện, được tổ chức thông qua một sáng kiến liên chính phủ. Mục tiêu của cuộc họp là thúc đẩy nền KTXH&ĐK thông qua các hoạt động hợp lực và gia tăng mức độ nhận diện của hàng hóa, dịch vụ do nền KTXH&ĐK tạo ra trong chuỗi cung ứng.

122. Các chủ thể KTXH&ĐK cũng có thể thành lập tổ chức người sử dụng lao động của riêng mình. Có

²⁶³ Hội đồng Hợp tác Công đoàn Đan Mạch (LO/FTF), *Mở đường cho công cuộc chính thức hóa nền kinh tế phi chính thức: Kinh nghiệm và Quan điểm từ ITUC-Châu Phi và các Công đoàn trên Châu Phi*, 2015.

²⁶⁴ WIEGO, *Tăng cường an sinh xã hội trong khu vực kinh tế phi chính thức: Bài học từ các chương trình do người lao động lãnh đạo ở Nigeria, Uganda và Togo*, Báo cáo tổng hợp cho dự án nghiên cứu “Các hình thức bảo hiểm xã hội mới cho sự hòa nhập kinh tế của lao động phi chính thức là phụ nữ và thanh niên”, 2021.

²⁶⁵ Yvon Poirier, “Công đoàn và Nền kinh tế đoàn kết: Kinh nghiệm của Quebec”, trong *Nền kinh tế đoàn kết I: Xây dựng các giải pháp thay thế cho con người và hành tinh*, biên tập. Emily Kawano và cộng sự, (Trung tâm Kinh tế Đại chúng: Amherst MA, Hoa Kỳ, 2010).

²⁶⁶ Christine Bonner và Dave Spooner, “Tổ chức trong nền kinh tế phi chính thức: Thách thức đối với công đoàn”, Tạp chí Chính trị và Xã hội Quốc tế IPG 2/2011 (2011): 87-105.

một số ví dụ về cấu trúc ngành dọc của chủ thể KTXH&ĐK là tổ chức người sử dụng lao động, chẳng hạn như: tại Úc, Hội đồng Kinh doanh của Hợp tác xã và Tổ chức tương hỗ, được thành lập năm 2012, tập hợp các doanh nghiệp hợp tác xã, doanh nghiệp tương hỗ và liên minh tín dụng để thúc đẩy đổi mới và xây dựng các mối quan hệ kinh doanh vì một nền kinh tế toàn diện, thịnh vượng và bền vững hơn. Tương tự, Hợp tác xã và Tổ chức tương hỗ Canada là một hiệp hội do thành viên điều hành giúp phát triển và thúc đẩy 7.000 hợp tác xã nhỏ, vừa và lớn cũng như các doanh nghiệp tương hỗ của Canada. Điều đáng chú ý là các tổ chức cho người sử dụng lao động cũng có chung một số giá trị và nguyên tắc với nền KTXH&ĐK. Ví dụ, ngày càng có nhiều tổ chức này lồng ghép quyền kinh doanh, nhân quyền, bình đẳng giới cùng các nội dung khác vào chương trình nghị sự của họ. Các tổ chức đó bao gồm: Hiệp hội Các nhóm hợp tác xã Thương mại của Người sử dụng lao động Đức (ZGV); Liên đoàn Người sử dụng lao động Kinh tế Xã hội Tây Ban Nha (CEPES); Hiệp hội Người sử dụng lao động Hợp tác xã Thụy Điển (Fremia); và Liên minh Hợp tác xã Việt Nam, tổ chức người sử dụng lao động lớn thứ hai của nước này sau Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam.

123. Các cấu trúc KTXH&ĐK ngành dọc và ngành ngang có thể được thể hiện trong các nền tảng quốc tế cùng với các tổ chức người sử dụng lao động khác. Ví dụ, trong những năm gần đây, đại diện của các tổ chức hợp tác xã cấp cao quốc gia đã tham gia vào nhiều nhóm công tác khác nhau của diễn đàn đối thoại Business 20 (B20), là diễn đàn quy tụ các nhà lãnh đạo trên các quốc gia thành viên G20 để ủng hộ vai trò then chốt của khu vực tư nhân như động lực của sự tăng trưởng mạnh mẽ, bền vững và cân bằng.

► Chương 4. Hành động của Văn phòng LĐQT đối với nền KTXH&ĐK

124. Chương này trình bày về hành động của Văn phòng LĐQT đối với KTXH&ĐK. Ngoài việc cung cấp bối cảnh lịch sử, chương còn mô tả các chương trình, chính sách hợp tác phát triển và quan hệ đối tác hiện có, cũng như các hoạt động phát triển năng lực liên quan đến nền KTXH&ĐK.

Bối cảnh lịch sử

125. Đơn vị Hợp tác xã của ILO chịu trách nhiệm đối với các hoạt động của ILO về nền KTXH&ĐK, được thành lập vào năm 1920 theo quyết định nhất trí của Hội đồng Quản trị tại phiên họp thứ 3. Kể từ đó, phạm vi, quy mô, tên và vị thế tổ chức của Đơn vị đã phát triển để đáp ứng với thực tế và các cách tiếp cận đang thay đổi. Đơn vị hiện có ba vị trí Chuyên viên ngân sách thường xuyên (một vị trí ở cấp P5 và hai vị trí ở cấp P4), sau khi một trong các vị trí ngân sách thường xuyên được phân công lại cho một đơn vị khác vào năm 2016. Tuy nhiên, một yếu tố không thay đổi đã trở thành tham chiếu đến “hợp tác xã” và “sự hợp tác” xuất hiện ngay trong tên gọi của chúng.²⁶⁷ Đơn vị ban đầu được thành lập để thực hiện nghiên cứu và cung cấp thông tin, dịch vụ tư vấn pháp lý liên quan đến hợp tác xã. Trong những năm 1960, khi nhiều quốc gia đang phát triển giành được độc lập, đơn vị này đã bắt tay vào một chương trình hợp tác phát triển đầy tham vọng. Được hỗ trợ bởi Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) và các nhà tài trợ song phương, đến cuối những năm 1960, chương trình này đã trở thành danh mục nguồn lực ngoài ngân sách lớn thứ ba của Văn phòng LĐQT và tiếp tục duy trì quy mô đó cho đến những năm 1980.²⁶⁸ Trong những năm 1990, với vai trò đang thay đổi của Nhà nước trong sự phát triển kinh tế xã hội theo hướng ưu tiên cho các doanh nghiệp tư nhân vì lợi nhuận, nguồn lực phân bổ cho phát triển hợp tác xã đã giảm mạnh. Khuyến nghị số 193 đã làm dấy lên mối quan tâm đối với hợp tác xã với tư cách là tác nhân giảm nghèo và phát triển. Thuật ngữ “nền kinh tế xã hội” đôi khi xuất hiện trong các tài liệu của ILO từ năm 1922.²⁶⁹ Kể từ khi Tuyên bố của ILO về Công bằng Xã hội vì Toàn cầu hóa Công bằng được thông qua vào năm 2008, các thành viên của ILO ngày càng tìm đến Văn phòng LĐQT nhiều hơn để được hỗ trợ và tư vấn liên quan đến nền KTXH&ĐK. Trước đó, ILO đã thúc đẩy một loạt các chủ thể KTXH&ĐK mà không nhất thiết phải gắn mác KTXH&ĐK cho các chủ thể đó.

126. Trong những năm qua, ILO đã thiết kế và triển khai một số sáng kiến với hoặc thông qua các chủ thể KTXH&ĐK. Các sáng kiến nổi bật bao gồm:

- Chương trình Hỗ trợ Tổ chức và Hợp tác cho Sáng kiến Cơ sở (ACOPAM) nhằm cải thiện khả năng tự cung tự cấp của nông dân Sahelian và tăng cường an ninh lương thực bằng cách nâng cao năng lực của các tổ chức cộng đồng địa phương thông qua ngân hàng ngũ cốc, thủy lợi quy mô nhỏ, vấn đề giới và tài chính vi mô, quản lý đất đai và tiếp thị bông (1978-1999).
- COOPTRADE, một dự án tiểu vùng ở 12 quốc gia châu Á, được thiết kế để hỗ trợ các tổ chức hợp tác xã quốc gia phát triển quan hệ thương mại giữa các hợp tác xã ở các nước công nghiệp hóa và đang phát triển (1982-1984).
- Chương trình liên vùng Hỗ trợ sự tự lực của Các cộng đồng bản địa và bộ lạc thông qua Hợp tác xã và Các tổ chức tự lực khác (INDISCO), góp phần bảo tồn di sản văn hóa của người bản địa và bộ lạc, nâng cao năng lực tạo ra thu nhập và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên thông qua các hợp tác xã và các tổ chức tự lực khác (1993-2007).
- Chương trình Chiến lược và Công cụ chống Nghèo đói và Loại trừ Xã hội (STEP) mở rộng độ bao phủ bảo hiểm y tế cho các nhóm dân số không được bảo vệ, đặc biệt là những nhóm trong nền kinh tế phi

²⁶⁷ ILO, “Tên gọi nói lên điều gì? Những thay đổi đối với việc chỉ định các đơn vị hợp tác tại ILO trong suốt thế kỷ vừa qua.”

²⁶⁸ Năm 1969, khi ILO tròn 50 tuổi, Chương trình Hợp tác đã tuyển dụng hơn 120 chuyên gia quốc tế, làm việc tại gần 70 quốc gia.

²⁶⁹ ILO, *Biên bản Phiên họp thứ 11 của Hội đồng Quản trị Văn phòng Lao động Quốc tế*, 1922.

chính thức thông qua các tổ chức có lợi ích chung và chương trình bảo hiểm y tế dựa vào cộng đồng (1998-2013).

- Sáng kiến Giảm nghèo cho Những người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức không được bảo vệ thông qua Hành động chung của Công đoàn – Hợp tác xã (SYNDICOOP) nhằm tìm cách phát triển sự hợp tác giữa các phong trào hợp tác xã và công đoàn để hỗ trợ các đơn vị KTXH&ĐK cho những người lao động phi chính thức ở Châu Phi (2002-2006).
- Quỹ Hợp tác xã khu vực Châu Phi (CoopAfrica), hoạt động ở 9 quốc gia ở Đông và Nam Phi nhằm hỗ trợ các hợp tác xã trong nỗ lực cải thiện công tác quản trị, hiệu quả và kết quả hoạt động của họ (2007-2011).

127. Trong 5 thập kỷ qua, cách tiếp cận của ILO đối với việc thúc đẩy hợp tác xã đã phát triển cùng với sự thay đổi trong các ưu tiên của các thành viên. Cho đến cuối những năm 1980, hợp tác xã được coi là chủ thể phát triển chính, và do đó, nhiều sáng kiến của ILO nhằm mục đích trực tiếp thành lập các hợp tác xã ở các nước đang phát triển. Trong khoảng thời gian khoảng 15 năm sau đó, Văn phòng LĐQT đã tập trung xây dựng một môi trường thuận lợi cho sự phát triển hợp tác xã, hoạt động chủ yếu ở cấp độ vĩ mô và trung mô thông qua các chương trình lớn hơn và mang tính liên vùng. Trong 20 năm kể từ khi thông qua Khuyến nghị số 193, các hợp tác xã và chủ thể trong nền KTXH&ĐK nói chung không chỉ được công nhận là các đối tác thực thi mà còn là các hình thức thể chế có thể giúp thúc đẩy việc làm thỏa đáng và sự phát triển bền vững.

128. Trong thập kỷ qua, Văn phòng LĐQT đã đáp ứng các yêu cầu về nền KTXH&ĐK của các thành viên thông qua một số dự án hợp tác phát triển, như được mô tả dưới đây.

- Tại Algeria, ILO đã làm việc để cải thiện kỹ năng hành nghề và hội nhập nghề nghiệp cho thanh niên thông qua nền KTXH&ĐK bằng cách tăng cường năng lực chuyên môn của các chủ thể KTXH&ĐK và hỗ trợ họ về mặt kỹ thuật, tài chính (2016-2018).
- Mục tiêu chính của dự án Dignità in Campo của ILO tại Ý là ngăn chặn các hình thức bóc lột lao động mới trong ngành nông nghiệp và thúc đẩy các thực hành mới trong nền kinh tế xã hội thông qua các hoạt động thí điểm ở hai vùng lãnh thổ (2018-2020).
- ILO đã đóng góp cho dự án phát triển nền KTXH&ĐK tại Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng, với trọng tâm là xây dựng khung pháp lý về hợp tác xã và nâng cao vai trò của hợp tác xã trong việc thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền kinh tế cho phụ nữ (2019-2020).
- Văn phòng cũng đã hỗ trợ các thành viên của ILO tại Nam Phi trong việc xây dựng chính sách về nền KTXH&ĐK.²⁷⁰
- Tại Tunisia, sự hỗ trợ của ILO dành cho các đối tác bao gồm việc góp phần thúc đẩy môi trường thuận lợi cho sự phát triển nền KTXH&ĐK. Dự án đầu tiên của ILO về nền KTXH&ĐK ở Tunisia đã bắt đầu vào năm 2016 và hỗ trợ xây dựng chính sách khung về nền KTXH&ĐK.²⁷¹ Các dự án về KTXH&ĐK tiếp theo ở Tunisia đã tập trung vào việc làm cho thanh niên và khởi nghiệp ở phụ nữ nông thôn thông qua nền KTXH&ĐK.

Các chương trình hiện tại

129. Văn phòng LĐQT hỗ trợ các thành viên của ILO trong các lĩnh vực liên quan đến nền KTXH&ĐK, từ tư vấn pháp luật và chính sách, đến nghiên cứu và thống kê, cho tới đào tạo và xây dựng năng lực. Trong những năm gần đây, Văn phòng LĐQT đã làm việc với các thành viên ở Jordan, Nam Phi, Sri Lanka, Cộng hòa Thống nhất Tanzania và Tunisia, và ở Lãnh thổ Palestine bị chiếm đóng, trong việc thiết kế các chính sách và chiến lược về nền KTXH&ĐK mang tính hợp tác và bao quát hơn. Văn phòng cũng đã cung

²⁷⁰ Dự án “Phát triển Chính sách Kinh tế Xã hội ở Nam Phi” (2017-2021) được tài trợ bởi Chính quyền Flanders và Bộ Phát triển Kinh tế Nam Phi.

²⁷¹ Dự án Thúc đẩy các Tổ chức và Cơ chế Kinh tế Xã hội và Đoàn kết (PROMESS) ở Tunisia là một dự án hợp tác phát triển (2016-2020) do Chính phủ Hà Lan tài trợ.

cấp thông tin đầu vào cho các chính sách KTXH&ĐK hoặc các thành phần của chính sách, bao gồm cả các hợp tác xã và doanh nghiệp xã hội ở Bulgari, Ghana, Hy Lạp, Serbia, Cộng hòa Thống nhất Tanzania, Trinidad và Tobago. Văn phòng sử dụng cách tiếp cận ba hướng trong công tác liên quan đến nền KTXH&ĐK, bao gồm: thúc đẩy các chủ thể KTXH&ĐK trở thành những lựa chọn khả thi và có trách nhiệm về kinh tế, xã hội và môi trường cho tương lai việc làm lấy con người làm trung tâm; khuyến khích lồng ghép các ưu tiên về việc làm thỏa đáng vào các cấu trúc ngành dọc và thể chế hỗ trợ của nền KTXH&ĐK; đảm bảo tiềm năng phát triển cụ thể của nền KTXH&ĐK được công nhận trong công tác phân tích, chính sách và hành động hướng tới thúc đẩy phát triển bền vững và việc làm thỏa đáng.

130. Mặc dù phạm vi công việc của Văn phòng LĐQT đối với nền KTXH&ĐK khác nhau về nhóm mục tiêu, phương thức triển khai, phạm vi địa lý, thời gian và quy mô, phần lớn trong số đó có cách tiếp cận đa cấp độ. Trong công tác đối với nền KTXH&ĐK, Văn phòng LĐQT đảm bảo có sự tham vấn và hợp tác chặt chẽ với các thành viên. Ở cấp độ vĩ mô, mục tiêu của Văn phòng là thiết lập một chính sách, môi trường pháp lý và thể chế thuận lợi để nền KTXH&ĐK phát triển. Ở cấp độ trung mô, Văn phòng tìm cách thiết lập và củng cố các thể chế và cơ chế hỗ trợ cho nền KTXH&ĐK, bao gồm tăng cường năng lực và hỗ trợ tiếp cận tài chính, thị trường. Ở cấp độ vi mô, Văn phòng hướng đến mục tiêu nuôi dưỡng và củng cố các chủ thể KTXH&ĐK ở cấp độ cơ sở vì lợi ích của các nhóm dân số thường bị coi là yếu thế và loại trừ.

131. Văn phòng LĐQT sử dụng cách tiếp cận “Một ILO” trong việc lồng ghép các chủ thể KTXH&ĐK vào các chương trình của Văn phòng. Các điểm nổi bật của phương pháp này bao gồm:

- Văn phòng hiện đang thực hiện các dự án hợp tác phát triển liên quan đến nền KTXH&ĐK ở Châu Phi, các quốc gia Ả Rập và Châu Á - Thái Bình Dương, được tài trợ bởi Bỉ (Flanders), Canada, Pháp, Ý, Hàn Quốc, Luxembourg, Hà Lan và Ủy ban Châu Âu.²⁷²
- Một số dự án và chương trình của ILO có sự hợp tác của các chủ thể KTXH&ĐK. Các dự án và chương trình này bao gồm các dự án phối hợp với các hợp tác xã và tổ chức sản xuất để: hỗ trợ phát triển kinh tế địa phương (Sri Lanka); thúc đẩy việc làm thỏa đáng trong kinh doanh nông nghiệp (Ethiopia và Maroc); thúc đẩy việc làm cho thanh niên (Campuchia và Lào); và tạo điều kiện chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức (Senegal). Các dự án của ILO đẩy mạnh quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức liên quan đến việc thành lập và hỗ trợ các chủ thể KTXH&ĐK.²⁷³
- Nhiều sáng kiến nghiên cứu đã củng cố nền tảng kiến thức của các thành viên về nền KTXH&ĐK. Một loạt các báo cáo và bản tóm tắt của Văn phòng có nội dung tìm hiểu vai trò của các chủ thể KTXH&ĐK trong việc thúc đẩy việc làm thỏa đáng ở các nền kinh tế nông thôn, kinh tế phi chính thức, kinh tế chăm sóc và kinh tế nền tảng, trao quyền kinh tế cho phụ nữ, tương lai việc làm, ứng phó với khủng hoảng, thương mại và chuỗi cung ứng, chương trình nghị sự xanh, thống kê hợp tác xã và phát triển bền vững.²⁷⁴
- Văn phòng cũng cung cấp hỗ trợ cho các tổ chức tài chính xã hội, bao gồm cả các nhà cung cấp bảo hiểm vi mô, một vài trong số đó là chủ thể KTXH&ĐK. Trong khoảng thời gian gần đây, Văn phòng đã tiến hành nghiên cứu, tìm hiểu vai trò của tài chính xã hội trong việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK.

132. Hai chương trình hiện tại do Văn phòng triển khai cho thấy cách các chủ thể KTXH&ĐK được lồng ghép vào danh mục hoạt động hợp tác phát triển của Văn phòng để thúc đẩy nhiệm vụ của ILO về việc làm thỏa đáng. Hai chương trình được mô tả như dưới đây:

- PROSPECTS ²⁷⁵ là một chương trình được triển khai với sự hợp tác của Văn phòng Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn (UNHCR), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc, Tập đoàn Tài chính Quốc tế và Ngân hàng Thế giới và do Chính phủ Hà Lan tài trợ. Công tác về hợp tác xã tạo điều kiện thuận lợi cho việc hòa nhập người tị nạn vào thị trường lao động thông qua cải thiện cơ hội sinh kế cho người tị nạn và cộng đồng bản địa ở các nước châu Phi (Ethiopia, Sudan và Uganda) và ở các quốc gia Ả Rập (Iraq,

²⁷² ILO, “Các dự án về hợp tác xã và kinh tế xã hội & đoàn kết”

²⁷³ ILO, “Các dự án về kinh tế phi chính thức”

²⁷⁴ ILO, “Các ấn phẩm và công cụ về hợp tác xã”

²⁷⁵ ILO, “Hợp tác để cải thiện Triển vọng cho các cộng đồng địa phương và những người buộc phải di tản”, 2019–23

Jordan và Lebanon).

- Mục tiêu chính của dự án Đẩy nhanh hành động xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng ở Châu Phi (ACCEL Châu Phi) của ILO,²⁷⁶ dự án do Chính phủ Hà Lan tài trợ, là xóa bỏ tình trạng lao động trẻ em trong các chuỗi cung ứng ca cao, cà phê, bông, chè và vàng ở Burkina Faso, Bờ Biển Ngà, Ai Cập, Malawi, Mali, Nigeria, Cộng hòa Thống nhất Tanzania và Uganda. Dự án này tìm cách củng cố các hợp tác xã và các tổ chức sản xuất khác, nâng cao nhận thức về vai trò của họ trong công cuộc loại bỏ lao động trẻ em. Dự án còn tập trung vào việc cải thiện cơ chế quản trị của các hợp tác xã và tổ chức sản xuất, đặc biệt là ở những cấp thấp hơn của chuỗi cung ứng và trao quyền cho họ nhằm giảm thiểu tình trạng dễ tổn thương về kinh tế xã hội.

133. Văn phòng đã điều chỉnh hoạt động khi đối mặt với đại dịch COVID-19 để giải quyết các nhu cầu mới nổi của các thành viên xoay quanh nền KTXH&ĐK. ILO đã đưa nội dung tìm hiểu tác động của COVID-19 vào nghiên cứu và báo cáo đánh giá nhu cầu để hiểu rõ vấn đề hơn, từ đó giải quyết nhu cầu của các thành viên. Sự hỗ trợ trực tiếp về mặt tài chính và kỹ thuật đang được cung cấp cho các chủ thể KTXH&ĐK bị ảnh hưởng bởi khủng hoảng thông qua các chương trình ILO đang được triển khai. Các phương pháp nghiên cứu, tài liệu đào tạo và cơ chế cung cấp sự hỗ trợ đã được điều chỉnh để giải quyết các tình huống thay đổi liên quan đến việc cung cấp hỗ trợ trong đại dịch COVID-19, bao gồm phỏng vấn qua điện thoại, tham quan học tập trực tuyến, học tập trực tuyến và tài liệu đa phương tiện. Ở quy mô toàn cầu, Văn phòng LĐQT đã ghi lại các thông lệ tốt của các chủ thể KTXH&ĐK trong ứng phó với khủng hoảng, để cung cấp thông tin cho việc xây dựng các biện pháp ứng phó và phục hồi của các thành viên. Văn phòng cũng đã tổ chức và tham gia vào một loạt các hội thảo trực tuyến, hoạt động xây dựng năng lực liên quan đến nền KTXH&ĐK và COVID-19.

Chính sách và quan hệ đối tác về hợp tác phát triển

134. Một số đối tác phát triển của ILO công nhận nền KTXH&ĐK là phương tiện thực hiện chính sách phát triển và hỗ trợ các chủ thể KTXH&ĐK trong hợp tác phát triển. Tại Canada, Chính phủ đã hỗ trợ phát triển các liên minh tín dụng trên toàn thế giới. Trong Kế hoạch Hành động vì Nền kinh tế Xã hội, Ủy ban Châu Âu đã xác định viện trợ của nhà nước và khả năng tiếp cận nguồn vốn và tài chính nằm trong các lĩnh vực trọng tâm cho giai đoạn 2021–2030.²⁷⁷ Chính phủ Đức đã hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp và tài chính ở nhiều nước Mỹ La-tin và châu Phi. Các chủ thể KTXH&ĐK đóng vai trò quan trọng trong các dự án phát triển do Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản thực hiện. Từ năm 2001, Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ đã phân bổ khoảng 150 triệu USD cho một chương trình phát triển hợp tác toàn cầu triển khai tại 35 quốc gia.²⁷⁸ Văn phòng Đối ngoại, Khối Thịnh vượng chung và Phát triển của Vương quốc Anh đã thúc đẩy doanh nghiệp xã hội ở nhiều quốc gia.

135. ILO đã đi đầu trong việc thúc đẩy các hợp tác xã và nền KTXH&ĐK nói chung trong hệ thống LHQ. ILO là cơ quan duy nhất của LHQ có một đơn vị tổ chức chuyên trách về nền KTXH&ĐK (Đơn vị Hợp tác xã). Mặc dù không có cơ quan nào khác của LHQ thành lập một đơn vị như vậy, nhưng nền KTXH&ĐK thường đóng vai trò chính trong các dự án do các cơ quan của LHQ thực hiện, đặc biệt là những dự án hoạt động ở cấp quốc gia, chẳng hạn như Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp của Liên Hợp Quốc (FAO), Quỹ Phát triển Nông nghiệp Quốc tế (IFAD), Chương trình Phát triển của Liên Hợp Quốc (UNDP), Tổ chức Phát triển Công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO), Cao ủy Liên Hợp Quốc về Người tị nạn (UNHCR), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa Liên Hợp Quốc và Chương trình Lương thực Thế giới. Sự cộng tác và hợp tác giữa các cơ quan này ở cấp độ nhóm quốc gia Liên Hợp Quốc có thể được hưởng lợi từ sự hỗ trợ kiến thức cho nhau và giúp đẩy nhanh tiến độ phát triển của nền KTXH&ĐK. Trước đây, các mối quan hệ đối tác như vậy đã được áp dụng hiệu quả giữa ILO, FAO, UNDP, UNIDO và Chương trình Lương thực Thế giới. Ở cấp độ toàn cầu, Vụ Kinh tế và Xã hội của LHQ đề ra vai trò của hợp tác xã trong chính sách phát triển, tổ chức các cuộc họp nhóm chuyên gia về chủ đề này và chuẩn bị báo cáo hai năm một lần của Tổng thư ký về vai trò của hợp tác xã trong phát triển kinh tế - xã

²⁷⁶ ILO, “Đẩy nhanh hành động xóa bỏ lao động trẻ em trong chuỗi cung ứng ở Châu Phi (ACCEL Châu Phi)”.

²⁷⁷ Ủy ban Châu Âu, *Xây dựng một nền kinh tế hiệu quả với con người: Kế hoạch hành động cho nền kinh tế xã hội*, 2021.

²⁷⁸ Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), “Chương trình Phát triển Hợp tác xã”.

hội phù hợp với nghị quyết của LHQ về chủ đề đó.²⁷⁹ Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội của Liên Hợp Quốc (UNRISD) tiến hành nghiên cứu liên ngành và phân tích chính sách về nền KTXH&ĐK và những đóng góp của viện cho sự phát triển bền vững.²⁸⁰ UNTFSSSE, cơ quan do ILO đồng sáng lập vào năm 2013, đã tổ chức họp khoảng 40 lần kể từ khi thành lập. Nhóm chuyên trách do ILO dẫn dắt từ năm 2017 đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự tương tác giữa hệ thống LHQ với các tổ chức bảo trợ KTXH&ĐK quốc tế và khu vực, cũng như các trung tâm nghiên cứu.

136. Văn phòng đã thiết lập quan hệ đối tác song phương và biên bản ghi nhớ với nhiều cơ quan ngành dọc của KTXH&ĐK trên thế giới. Đáng chú ý là các tổ chức này bao gồm Liên minh Hợp tác xã Quốc tế (ICA) và Trung tâm Nghiên cứu và Thông tin Quốc tế về Kinh tế Công, Kinh tế Xã hội và Kinh tế Hợp tác xã (CIRIEC). Văn phòng cũng thiết lập mối quan hệ đối tác liên tục với Diễn đàn Kinh tế Xã hội Toàn cầu, Mạng lưới Liên lục địa vì sự Thúc đẩy Nền Kinh tế Xã hội và Đoàn kết (RIPESS), Nhóm chuyên gia về Kinh tế Xã hội và Doanh nghiệp Xã hội của Ủy ban Châu Âu (GECES), Liên minh Các thành phố và chính quyền địa phương, và Phụ nữ với việc làm phi chính thức: Toàn cầu hóa và tổ chức đại diện (WIEGO). Thông qua quan hệ đối tác này, ILO có các đầu mối hoạt động với các cơ quan hợp tác xã cấp quốc gia và cấp ngành, các tổ chức dựa trên thành viên và tổ chức bảo trợ nền KTXH&ĐK trên toàn thế giới.

137. Văn phòng hợp tác với các viện nghiên cứu về nền KTXH&ĐK để nâng cao kiến thức về các lĩnh vực như hợp tác xã nền tảng, đổi mới xã hội và doanh nghiệp do người lao động làm chủ. Nguồn nhân lực từ các tổ chức này đóng góp cho các hoạt động nghiên cứu và học hỏi của Văn phòng. EURICSE, Viện Nghiên cứu Việc làm và Xã hội tại Đại học Công giáo thuộc Đại học Leuven (HIVA) và Mạng lưới Nghiên cứu Quốc tế EMES nằm trong số các trung tâm nghiên cứu mà ILO hợp tác để tiến hành nghiên cứu về hợp tác xã, doanh nghiệp xã hội và nền KTXH&ĐK. Văn phòng cũng có các mối quan hệ đối tác lâu dài về nghiên cứu, đào tạo với các trường cao đẳng hợp tác xã (Uganda và Vương quốc Anh) và các trường đại học (Kenya và Cộng hòa Thống nhất Tanzania).

138. Văn phòng hỗ trợ cho việc tìm hiểu về nền KTXH&ĐK xuyên khu vực thông qua nghiên cứu, các nền tảng, hội thảo trực tuyến, chuyên tham quan học tập. Kể từ năm 2011, ILO và Liên minh Hợp tác xã Tiêu dùng Nhật Bản đã phối hợp tổ chức 10 chuyến tham quan học tập cho các nhà lãnh đạo hợp tác xã châu Phi đến thăm Nhật Bản. Các chuyến tham quan học tập này mang đến cơ hội tiếp xúc với các lĩnh vực, đặc biệt là dịch vụ chăm sóc sức khỏe, chăm sóc xã hội và năng lượng tái tạo, nơi các chủ NỀN KTXH&ĐK đang nổi lên.²⁸¹ Các chuyến tham quan học tập tương tự đã được tổ chức ở Ý trong khuôn khổ các học viện khác nhau của Trung tâm Đào tạo Quốc tế của ILO (Trung tâm Turin) (ví dụ, về việc làm ở nông thôn, việc làm cho thanh niên, bình đẳng giới và nền KTXH&ĐK) để tăng cường tiếp cận với các thực hành KTXH&ĐK ở một loạt các lĩnh vực, đặc biệt là du lịch nông nghiệp, dịch vụ chăm sóc và hòa nhập người di cư, người tị nạn. Nền KTXH&ĐK cũng được đề cập đến trong hoạt động của Văn phòng về hợp tác Nam-Nam và hợp tác ba bên, bao gồm thông qua nghiên cứu tìm hiểu mối quan hệ giữa nền KTXH&ĐK và sự hợp tác đó.

Phát triển năng lực

139. Trong suốt nhiều năm, Văn phòng đã xây dựng các công cụ, tài liệu và chương trình phát triển năng lực bằng nhiều ngôn ngữ và điều chỉnh chúng cho phù hợp với các bối cảnh khác nhau.²⁸² Những công cụ này không chỉ được điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh quốc gia mà còn phù hợp với các lĩnh vực cụ thể (như khai thác mỏ và thủy sản) và các nhóm mục tiêu (như thanh niên có hoàn cảnh khó khăn, phụ nữ nông thôn, người bản địa và người tị nạn). Những công cụ này bao gồm:

²⁷⁹ Đại hội đồng Liên Hợp Quốc, nghị quyết 56/114, *Hợp tác xã trong phát triển xã hội*, A/RES/56/114 (2002).

²⁸⁰ UNRISD, "Các nền kinh tế thay thế để chuyển đổi".

²⁸¹ ILO và Liên minh Hợp tác xã Tiêu dùng Nhật Bản, *Hợp tác trong hành động của các hợp tác xã giữa Nhật Bản và châu Phi: Chuyên tham quan học tập kéo dài 10 năm của các nhà lãnh đạo hợp tác xã châu Phi trong ILO/JCCU*, 2021.

²⁸² "Các công cụ phát triển năng lực" của Văn phòng được xây dựng bằng ba ngôn ngữ chính thức của ILO và các ngôn ngữ khác theo yêu cầu của các đối tác của ILO.

- Tài liệu và Kỹ thuật Tập huấn quản lý hợp tác xã (MATCOM), gói đào tạo đầu tiên do Văn phòng phát triển (1978-1989) nhằm xây dựng năng lực cho các nhà quản lý hợp tác xã;
- 6 cuốn sách về nền KTXH&ĐK, được biên soạn với sự hợp tác của Trung tâm Turin và các tổ chức nghiên cứu được lựa chọn từ năm 2011 cho các Khóa học của ILO về nền KTXH&ĐK;
- gói đào tạo My.COOP nhằm cải thiện quản lý hợp tác xã nông nghiệp, được ra mắt vào năm 2012 với sự hợp tác của Trung tâm Turin, FAO, Agriterria và các tổ chức đào tạo hợp tác xã khác. Hằng năm, Trung tâm Turin tổ chức khóa đào tạo My.COOP trực tuyến bằng nhiều ngôn ngữ. Năm 2019, tài liệu đào tạo được chuyển đổi thành gói đào tạo tự học sử dụng được trên điện thoại thông minh (My.COOP Smart);
- chương trình đào tạo ApexFinCoop, được xây dựng thông qua quan hệ đối tác giữa FAO, ILO và Trung tâm Turin và ra mắt vào năm 2017 nhằm hỗ trợ các tổ chức cao cấp của các hợp tác xã tài chính trong việc phát triển và triển khai lập kế hoạch chiến lược hiệu quả, nhằm thực hiện chức năng của họ theo hướng tiết kiệm chi phí và vì sự hài lòng của các thành viên;²⁸³
- công cụ Bắt đầu và Cải thiện Doanh nghiệp của Bạn dành cho Chủ doanh nghiệp xã hội (Start and Improve Your Business for Social Entrepreneurs), lên ý tưởng vào năm 2017 và được số hóa thành một gói tự học vào năm 2021;
- các công cụ Think.Coop và Start.Coop do Văn phòng ra mắt vào năm 2018 nhằm nâng cao nhận thức về mô hình hợp tác xã và hướng dẫn quy trình thành lập hợp tác xã bằng phương pháp học tập đồng cấp, dựa trên hoạt động;
- một công cụ nâng cao nhận thức cho các hợp tác xã về xóa bỏ lao động trẻ em, ra mắt vào năm 2021 và được dịch sang tiếng Pháp và tiếng Tây Ban Nha, đồng thời được sử dụng ở Châu Phi và Châu Mỹ;²⁸⁴ và
- một công cụ ATVSLĐ thiết thực cho các hợp tác xã nông nghiệp và Manage.Coop, gói đào tạo nhằm cải thiện công tác quản lý các hợp tác xã hiện có, được Văn phòng triển khai vào nửa đầu năm 2022.

140. Kế hoạch hành động thúc đẩy các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội ở Châu Phi, được thông qua tại một hội nghị khu vực của ILO về nền KTXH&ĐK tổ chức tại Johannesburg năm 2009, đã kêu gọi Văn phòng nâng cao năng lực của các thành viên ILO và các bên liên quan chính khác để thúc đẩy nền KTXH&ĐK.²⁸⁵ Kể từ đó, đã có 12 phiên bản của Khóa học về nền KTXH&ĐK của ILO do Trung tâm Turin tổ chức.²⁸⁶ Tổng cộng có 517 nữ giới và 569 nam giới tham gia vào 11 phiên bản đầu tiên, bao gồm 65 đại diện của người lao động và 28 đại diện của người sử dụng lao động cùng 67 quan chức từ các bộ lao động. Phiên bản thứ 12, được tổ chức trực tuyến vào tháng 11/2021, đã quy tụ 141 nữ giới và 166 nam giới từ 83 quốc gia.²⁸⁷

141. Nguồn nhân lực và tài chính hạn chế được phân bổ cho nền KTXH&ĐK đã và đang là một thách thức. Một đánh giá độc lập cấp cao về chiến lược và hành động của ILO nhằm thúc đẩy các doanh nghiệp bền vững giai đoạn 2014-2019 đã nêu bật những lo ngại rằng công tác của Văn phòng về thúc đẩy hợp tác xã và nền KTXH&ĐK “đã nhận được ít hỗ trợ và nguồn lực hơn mức xứng đáng, mặc dù đây là một lĩnh vực đang ngày càng thu hút sự quan tâm trên thế giới”. Ngoài ra, đánh giá còn chỉ ra rằng “một phần quan trọng trong công tác của ILO có mối liên kết với các kết quả khác của [chương trình và

²⁸³ FAO, ILO và Trung tâm Turin, “ApexFinCoop” (tóm tắt).

²⁸⁴ ILO, *Vai trò của hợp tác xã trong xóa bỏ lao động trẻ em: Hướng dẫn dành cho điều phối viên để đào tạo giảng viên*, 2021, và *Vai trò của hợp tác xã trong xóa bỏ lao động trẻ em: Hướng dẫn tập huấn cho cán bộ quản lý, cán bộ và thành viên hợp tác xã nông nghiệp* 2021.

²⁸⁵ ILO, *Kế hoạch hành động thúc đẩy các doanh nghiệp và tổ chức kinh tế xã hội ở châu Phi*, Hội nghị Khu vực của ILO “Nền kinh tế xã hội – Biện pháp ứng phó của châu Phi trước khủng hoảng toàn cầu”, 2009.

²⁸⁶ Các Khóa học được tổ chức tại Turin, Ý (2010); Montreal, Canada (2011); Agadir, Maroc (2013); Campinas, Brazil (2014); Johannesburg, Nam Phi (2015); Puebla, Mexico (2015); San Jose, Costa Rica (2016); Seoul, Hàn Quốc (2017); Thành phố Luxembourg (2017); Turin, Ý (2019); Madrid, Tây Ban Nha (2019); và Lisbon, Bồ Đào Nha (định dạng trực tuyến) (2021).

²⁸⁷ Phiên bản thứ 12 tập trung vào vai trò của nền KTXH&ĐK trong quá trình phục hồi lấy con người làm trung tâm và nhạy cảm với hành tinh.

ngân sách] cần được xem xét khi đưa ra quyết định về nguồn lực".²⁸⁸ Để giúp các thành viên ILO làm quen tốt hơn với công việc của Văn phòng về các chủ thể KTXH&ĐK, một công cụ tự học trực tuyến đã được xây dựng với sự hợp tác của Trung tâm Turin, trong đó trọng tâm cụ thể là các hợp tác xã.

²⁸⁸ ILO, *Đánh giá cấp cao về chiến lược và hành động của ILO nhằm thúc đẩy doanh nghiệp bền vững, giai đoạn 2014-2019, 2020.*

► Chương 5. Việc làm thỏa đáng và nền KTXH&ĐK: Những thách thức, cơ hội và định hướng trong tương lai

- 142. Nền KTXH&ĐK là trụ cột của một xã hội cân bằng và tương lai việc làm lấy con người làm trung tâm.** Việc tôn trọng các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK đòi hỏi phải đặt quyền của người lao động cũng như nhu cầu, nguyện vọng và quyền của tất cả mọi người làm trọng tâm của các chính sách và thông lệ ở cấp doanh nghiệp. Việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK theo các mặt đó là phù hợp với yêu cầu của công bằng xã hội và Tuyên bố Thế kỷ của ILO về Tương lai Việc làm (2019), kêu gọi phát triển hơn nữa phương pháp tiếp cận lấy con người làm trung tâm của ILO đối với tương lai việc làm. Các giá trị, nguyên tắc và thông lệ của nền KTXH&ĐK có thể đóng góp vào sự phát triển của cách tiếp cận đó. Chương này thảo luận về những thách thức và cơ hội được, cũng như định hướng tương lai liên quan đến việc khai thác sự đóng góp của nền KTXH&ĐK để đạt được việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững, đảm bảo phẩm cách, sự hài lòng và chia sẻ lợi ích công bằng cho tất cả mọi người.
- 143. Mặc dù nền KTXH&ĐK đang trên đà tăng trưởng, song vẫn còn tồn tại những thách thức nổi cộm.** Không phải tất cả trong số đó đều là thách thức của riêng các chủ thể KTXH&ĐK. Ví dụ, các DNVVN, dù thuộc nền KTXH&ĐK hay không, thường gặp khó khăn trong việc tiếp cận thông tin, tài chính, thị trường, công nghệ, cơ sở hạ tầng và các cơ hội mua sắm. Các doanh nghiệp này cũng có thể có trình độ quản lý, trình độ chuyên môn, năng suất và chất lượng thấp, không có đủ sự hỗ trợ cho hoạt động nghiên cứu và phát triển, và các yêu cầu hành chính không phù hợp, không thỏa đáng hoặc quá rườm rà. Tuy nhiên, một số thách thức lại đặc thù đối với các chủ thể KTXH&ĐK. Tính chất bản địa hóa cao của các chủ thể KTXH&ĐK và sự chú trọng mạnh mẽ vào nhu cầu của các thành viên, người lao động, người dùng và cộng đồng có thể cản trở họ tham gia vào các cuộc thảo luận chính sách ở cấp quốc gia và quốc tế. Việc tăng cường liên kết của nền KTXH&ĐK với các doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân khác có thể khiến các tổ chức và doanh nghiệp KTXH&ĐK không còn tập trung vào những giá trị và mục tiêu cốt lõi của họ.²⁸⁹ Việc phụ thuộc quá nhiều vào nguồn tài trợ bên ngoài có thể làm suy yếu quyền tự chủ, hiệu quả và tính bền vững của các chủ thể KTXH&ĐK. Trong khi các chủ thể KTXH&ĐK có thể phát triển, họ có thể chọn từ bỏ các chiến lược mở rộng quy mô có thể làm suy yếu các giá trị và nguyên tắc của họ. Hệ thống quản trị của các chủ thể KTXH&ĐK cũng có thể khiến các đơn vị này trở nên kém thu hút hơn đối với các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đang tìm cách tối đa hóa lợi nhuận. Việc thiếu giáo dục và đào tạo về nền KTXH&ĐK cũng có thể gây trở ngại cho sự phát triển của mô hình nền KTXH&ĐK. Việc thiếu số liệu thống kê đầy đủ về các chủ thể KTXH&ĐK và tác động của họ đã hạn chế vai trò của họ với tư cách là đơn vị phân tích phục vụ nghiên cứu, chính sách và thực tiễn.
- 144. Môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK nên được phát triển thông qua sự tham gia ba bên với các tổ chức đại diện của người sử dụng lao động và người lao động, cũng như tham khảo ý kiến với các tổ chức đại diện của những người có liên quan.** Tương lai của nền KTXH&ĐK trong thế giới việc làm đang thay đổi phụ thuộc vào hành động có sự phối hợp chặt chẽ của các chính phủ, đối tác xã hội, cấu trúc ngành dọc và ngang của nền KTXH&ĐK và các đối tác phát triển khác. Các tổ chức cho người sử dụng lao động và người lao động cam kết hướng tới tương lai việc làm lấy con người làm trung tâm có thể thúc đẩy nền KTXH&ĐK như một phương án trong chiến lược của họ. Khi thích hợp, các tổ chức người sử dụng lao động có thể xem xét việc gia hạn tư cách thành viên cho các chủ thể KTXH&ĐK muốn tham gia cùng họ và cung cấp dịch vụ hỗ trợ phù hợp theo cùng các điều khoản và điều kiện như các thành viên khác. Các tổ chức người lao động có thể tư vấn và hỗ trợ cho người lao động trong nền KTXH&ĐK về việc gia nhập các tổ chức dành cho họ và hỗ trợ thành viên thành lập các đơn vị KTXH&ĐK nếu phù hợp. Các chủ thể cũng như cấu trúc ngành dọc và ngang của KTXH&ĐK có thể tham gia đối thoại tích cực với các tổ chức người sử dụng lao động, tổ chức người lao động và các cơ quan chính phủ, phi chính phủ có liên quan nhằm tạo ra môi trường thuận lợi cho sự phát triển của nền KTXH&ĐK.

²⁸⁹ UNTFSSSE, *Kinh tế xã hội & đoàn kết và thách thức của phát triển bền vững*.

Thúc đẩy môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK

- 145. Môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp bền vững trong nền KTXH&ĐK là một thành phần quan trọng của môi trường có lợi cho các doanh nghiệp bền vững nói chung. Khả năng kinh tế là điều kiện cần thiết cho tất cả các doanh nghiệp bền vững.** Một môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp bền vững trong nền KTXH&ĐK đòi hỏi phải có khung pháp lý, chính sách hỗ trợ phù hợp với các giá trị, nguyên tắc của nền KTXH&ĐK. Các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK, như mục đích xã hội hoặc mục đích công và nghiêm cấm, hạn chế phân bổ lợi nhuận, nhất quán với sự phát triển mang tính tôn trọng phẩm giá con người, bền vững về mặt môi trường và việc làm thỏa đáng. Những mục tiêu như vậy có thể được kết hợp với công cuộc tìm kiếm lợi nhuận hợp pháp trong môi trường rộng lớn hơn, để đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vì lợi nhuận bền vững. Theo đó, môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK không nhất thiết sẽ tác động tiêu cực đến môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp khác trong khu vực công và tư nhân. Thật vậy, các điều kiện tạo nên môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp bền vững đều phù hợp với mọi loại hình doanh nghiệp.²⁹⁰
- 146. Một đặc tính quan trọng của môi trường thuận lợi là đảm bảo một sân chơi bình đẳng cho nền KTXH&ĐK và các doanh nghiệp khác. Khái niệm sân chơi bình đẳng thường đề cập đến sự công bằng hoặc đối xử bình đẳng.** Tuy nhiên, nguyên tắc đối xử bình đẳng không có nghĩa là tất cả các doanh nghiệp đều được đối xử như nhau bất kể hoàn cảnh của doanh nghiệp. Mặc dù có những trường hợp ngoại lệ rõ rệt ở một số quốc gia, song các chủ thể KTXH&ĐK thường không nằm trong cùng một hoàn cảnh với các doanh nghiệp có mục đích tối đa hóa lợi nhuận và phân phối lợi nhuận trên cơ sở vốn đầu tư. Các doanh nghiệp này thường hoạt động trong một chính sách và môi trường pháp lý thiết thời và trên một sân chơi bất bình đẳng.²⁹¹ Thông thường, họ cũng phải đối mặt với những rào cản quan liêu và các vấn đề quy định gây cản trở họ trong quá trình hình thành, hoạt động và mở rộng. Các biện pháp phản ánh giả định rằng khu vực công hoặc khu vực tư nhân là mô hình doanh nghiệp khả thi duy nhất cũng đã kìm hãm sự phát triển của nền KTXH&ĐK. Sự hiểu biết ba bên về sân chơi bình đẳng nổi lên từ quá trình soạn thảo Khuyến nghị số 193 được áp dụng cho nền KTXH&ĐK nói chung. Chính phủ nên cung cấp một chính sách hỗ trợ và khung pháp lý phù hợp với tính chất và chức năng của các chủ thể KTXH&ĐK và bám theo các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK. Một môi trường chính sách thuận lợi phải củng cố các điều kiện để bảo vệ các nguyên tắc của nền KTXH&ĐK, bao gồm quyền tự chủ và độc lập của nền KTXH&ĐK đối với các chủ thể khu vực công và tư nhân. Hơn nữa, các chủ thể KTXH&ĐK phải được đối xử theo pháp luật và thông lệ quốc gia, với những điều kiện không kém thuận lợi hơn so với điều kiện dành cho các hình thức doanh nghiệp và tổ chức xã hội khác.
- 147. Việc thông qua pháp luật về nền KTXH&ĐK công nhận rõ ràng các giá trị và nguyên tắc của nền KTXH&ĐK sẽ tạo cơ sở vững chắc để thúc đẩy nền kinh tế này.** Sự công nhận trong hiến pháp của một số quốc gia cũng cho thấy dấu hiệu của sự cam kết mạnh mẽ đối với nền KTXH&ĐK. Các nhà lập pháp có một số lựa chọn khi xây dựng pháp luật về nền KTXH&ĐK.²⁹² Đầu tiên là xác định cấp chính quyền nào có thể ban hành pháp luật đó. Pháp luật được ban hành ở cấp chính quyền cao hơn có thể thúc đẩy sự gắn kết trong cách tiếp cận. Pháp luật được đưa ra ở cấp độ thấp hơn cho phép thử nghiệm trước khi khái quát hóa nhưng cũng có thể dẫn đến sự mất cân xứng liên quan đến nền KTXH&ĐK giữa các khu vực pháp lý. Lựa chọn thứ hai liên quan đến loại luật, từ pháp luật khung đến pháp luật đặc biệt với các điều khoản chi tiết về tất cả các hình thức tổ chức của nền KTXH&ĐK. Pháp luật khung có thể tổng hợp các nguyên tắc được quy định trong pháp luật hiện hành về các hình thức tổ chức KTXH&ĐK khác nhau và có thể tạo cơ sở cho công tác lập pháp tiếp theo. Thứ ba là mức độ mà định nghĩa của quốc gia về nền KTXH&ĐK làm cơ sở cho các giá trị, nguyên tắc, hình thức tổ chức hoặc hoạt động kinh tế, hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó. Thứ tư, các nhà lập pháp có thể xem xét sự phù hợp của việc

²⁹⁰ Những điều kiện đó là: hòa bình và ổn định chính trị; quản trị tốt; đối thoại xã hội; tôn trọng các quyền con người trên toàn cầu; văn hóa khởi nghiệp; chính sách kinh tế vĩ mô tốt và ổn định; hội nhập thương mại và kinh tế bền vững; môi trường pháp lý và quy định thuận lợi; pháp quyền và bảo đảm quyền tài sản; cạnh tranh công bằng; tiếp cận dịch vụ tài chính; cơ sở hạ tầng vật chất; công nghệ thông tin và truyền thông; giáo dục, đào tạo và học tập suốt đời; công bằng xã hội và hòa nhập xã hội; bảo hiểm xã hội đầy đủ; và quản lý có trách nhiệm đối với môi trường.

²⁹¹ UNTFSSSE, *Kinh tế xã hội & đoàn kết và thách thức của phát triển bền vững*

²⁹² Hiez.

đưa ra cơ chế xác định các chủ thể KTXH&ĐK hoặc các hình thức tổ chức KTXH&ĐK cụ thể.

148. Việc thúc đẩy nền KTXH&ĐK cũng đòi hỏi phải thông qua và thực hiện các chính sách thuận lợi phù hợp với việc làm thỏa đáng và sự phát triển bền vững. Các chính sách đó có thể:

- thúc đẩy việc làm trong các đơn vị KTXH&ĐK thông qua chính sách việc làm quốc gia tổng hợp, chính sách xã hội và chính sách hỗ trợ kinh tế vĩ mô, tài khóa và công nghiệp;
- thúc đẩy giáo dục và đào tạo về các giá trị, nguyên tắc và thực hành trong nền KTXH&ĐK, ở tất cả các cấp độ thích hợp của hệ thống giáo dục - đào tạo quốc gia và trong toàn xã hội;
- giới thiệu các biện pháp hỗ trợ phù hợp với hoạt động của các chủ thể KTXH&ĐK đáp ứng các kết quả cụ thể của chính sách xã hội và chính sách công, chẳng hạn như thúc đẩy việc làm hoặc phát triển hoạt động mang lại lợi ích cho các nhóm hoặc khu vực chịu thiệt thòi. Các biện pháp đó có thể bao gồm, trong số những biện pháp khác và trong phạm vi có thể, quyền lợi về thuế, các khoản vay, trợ cấp, sự tiếp cận với các chương trình việc làm công và các điều khoản mua sắm đặc biệt;
- tạo điều kiện cho các chủ thể KTXH&ĐK tiếp cận thị trường, bao gồm thông qua mua sắm công có trách nhiệm với xã hội và môi trường;
- đào tạo và cung cấp các hình thức hỗ trợ khác để nâng cao năng suất và khả năng cạnh tranh của các chủ thể KTXH&ĐK, cũng như chất lượng hàng hóa và dịch vụ mà họ sản xuất;
- tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ thể KTXH&ĐK tiếp cận dịch vụ tài chính phù hợp với nhu cầu của họ, như thông qua khung pháp lý cho khu vực tài chính toàn diện, với sự hiện diện mạnh mẽ của các nhà cung cấp dịch vụ tài chính đến từ nền KTXH&ĐK;
- đảm bảo các chính sách đảm bảo an sinh xã hội toàn dân và hòa nhập những người trong nền KTXH&ĐK, kể cả các nhóm chịu thiệt thòi và những người có nhu cầu đặc biệt, được áp dụng và cung cấp hỗ trợ cho các chủ thể KTXH&ĐK để tạo điều kiện cho các thành viên và người lao động của họ hưởng các quyền lợi an sinh xã hội;
- thúc đẩy sự bình đẳng về cơ hội và cách đối xử đối với tất cả người lao động trong nền KTXH&ĐK liên quan đến các nguyên tắc, quyền cơ bản tại nơi làm việc và bảo hiểm theo luật, quy định lao động quốc gia có liên quan, đồng thời đảm bảo các chủ thể KTXH&ĐK không được thành lập hoặc sử dụng để lách luật lao động, bằng cách đảm bảo áp dụng pháp luật lao động trong mọi doanh nghiệp;
- tăng cường áp dụng các biện pháp thúc đẩy ATVSLĐ trong nền KTXH&ĐK, đặc biệt chú ý đến những thách thức còn tiếp diễn do đại dịch COVID-19 gây ra;
- thúc đẩy bình đẳng giới trong các đơn vị KTXH&ĐK và trong hoạt động của đơn vị đó, bao gồm liên quan đến bảo vệ thai sản, sự cân bằng giữa công việc và đời sống, phòng chống lại bạo lực và quấy rối trên cơ sở giới;
- tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình người lao động và các đơn vị kinh tế chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức bằng cách cho phép họ cùng nhau tham gia vào các chủ thể KTXH&ĐK chính thức; và
- lồng ghép các chủ thể KTXH&ĐK vào các chiến lược thúc đẩy hòa bình, ngăn chặn khủng hoảng, tạo điều kiện phục hồi và xây dựng khả năng chống chịu với tư cách là đối tác và như một phương tiện thực hiện, cụ thể là:
 - o hỗ trợ sự đóng góp của các chủ thể KTXH&ĐK vào quá trình chuyển đổi số công bằng để cho phép xã hội tham gia rộng rãi vào các lợi ích, đồng thời giải quyết các rủi ro và thách thức;
 - o hỗ trợ sự đóng góp của các chủ thể KTXH&ĐK vào quá trình chuyển đổi công bằng sang sự bền vững môi trường, bao gồm cả trong nền kinh tế tuần hoàn; và
 - o thúc đẩy phổ biến thông tin về nền KTXH&ĐK và cải thiện số liệu thống kê quốc gia về nền KTXH&ĐK nhằm xây dựng và thực hiện các chính sách phát triển bền vững.

Công tác của Văn phòng LĐQT trong tương lai về nền KTXH&ĐK

149. Dựa trên các kết luận của phiên thảo luận chung này, nhằm tăng cường sự đóng góp của nền KTXH&ĐK trong việc thúc đẩy việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững trong quan hệ đối tác với các bên liên quan của nền KTXH&ĐK, Văn phòng LĐQT có thể hành động để:

- khai thác tối đa tiềm năng của nền KTXH&ĐK để đóng góp cho việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững, bằng cách tích hợp các phương pháp tiếp cận của KTXH&ĐK vào tất cả các dự án, chương trình và hoạt động có liên quan của ILO;
- hỗ trợ xây dựng các môi trường thuận lợi cho nền KTXH&ĐK thông qua các dịch vụ tư vấn pháp lý và chính sách, nghiên cứu, xây dựng năng lực và các dịch vụ tài chính, để đáp ứng nhu cầu của các đối tác ILO, bao gồm thông qua các Chương trình Hợp tác Quốc gia về Việc làm Thỏa đáng;
- lồng ghép KTXH&ĐK hơn nữa vào cấu trúc kết quả của Văn phòng LĐQT về các kết quả, đầu ra và chỉ số liên quan của chương trình và ngân sách của ILO, đồng thời kích hoạt lại cơ chế điều phối trong toàn Văn phòng về việc xúc tiến nền KTXH&ĐK;
- xúc tiến nền KTXH&ĐK hơn nữa thông qua các dự án hợp tác phát triển của ILO, đặc biệt là về xóa bỏ lao động cưỡng bức và xóa bỏ lao động trẻ em, di dời bắt buộc, trao quyền kinh tế cho phụ nữ, hòa nhập những người dễ bị tổn thương, thúc đẩy việc làm cho thanh niên, mở rộng bảo hiểm xã hội, chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức và khả năng ứng phó, chống chịu trước khủng hoảng;
- lồng ghép nền KTXH&ĐK hơn nữa vào phương pháp tiếp cận của ILO đối với quá trình phục hồi lấy con người làm trung tâm sau cuộc khủng hoảng COVID-19, như liên quan đến chương trình nghị sự mang tính chuyển đổi về bình đẳng giới và chuyển đổi công bằng về môi trường và kỹ thuật số;
- tăng cường thu thập và tổng hợp dữ liệu hài hòa, có thể so sánh được về nền KTXH&ĐK, dựa trên công việc đã thực hiện để xây dựng bộ số liệu thống kê về hợp tác xã và tiến tới xây dựng hướng dẫn quốc tế về thống kê liên quan đến nền KTXH&ĐK;
- cùng với Trung tâm Turin, mở rộng chiến lược phát triển năng lực của Văn phòng LĐQT về nền KTXH&ĐK và xây dựng mạng lưới phát triển năng lực nền KTXH&ĐK toàn cầu với các tổ chức nghiên cứu và trung tâm đào tạo về KTXH&ĐK;
- tiếp tục đóng vai trò lãnh đạo nền KTXH&ĐK trong hệ thống LHQ để thúc đẩy việc làm thỏa đáng và phát triển bền vững, lồng ghép việc làm thỏa đáng và công bằng xã hội vào các hoạt động về nền KTXH&ĐK, bao gồm cả thông qua COPAC và UNTFSSE;
- hợp tác với các nhóm quốc gia của LHQ để cân nhắc tới nền KTXH&ĐK trong công tác lập kế hoạch và thực thi ở tất cả các cấp; và
- duy trì, tăng cường, và nếu có thể, mở rộng quan hệ đối tác liên quan đến nền KTXH&ĐK với các cơ quan LHQ, mạng lưới và trung tâm nghiên cứu nền KTXH&ĐK, phối hợp chặt chẽ và cộng tác với các thành viên của ILO.

► Phụ lục

► Tham chiếu đến nền KTXH&ĐK hoặc các hình thức tổ chức của nền KTXH&ĐK trong các tiêu chuẩn lao động quốc tế

Văn kiện	Vai trò của nền KTXH&ĐK hoặc các thành phần của nền KTXH&ĐK
Các công ước	
Công ước về Chính sách Xã hội (Lãnh thổ phi đô thị), 1947 (Số 82)	Hợp tác xã sản xuất và tiêu dùng: giảm chi phí sản xuất và phân phối để thúc đẩy năng lực sản xuất và cải thiện mức sống của người sản xuất nông nghiệp (Điều 8(e)) Các tổ chức tín dụng hợp tác xã: bảo vệ những người làm công ăn lương và các nhà sản xuất độc lập khỏi tình trạng cho vay nặng lãi (Điều 17(2))
Công ước về Chính sách Xã hội (Chuẩn mực và mục tiêu cơ bản), 1962 (Số 117)	Hợp tác xã sản xuất và tiêu dùng: giảm chi phí sản xuất và phân phối để thúc đẩy năng lực sản xuất và cải thiện mức sống của người sản xuất nông nghiệp (Điều 4(e)) Các tổ chức tín dụng hợp tác xã: bảo vệ những người làm công ăn lương và các nhà sản xuất độc lập khỏi tình trạng cho vay nặng lãi (Điều 13(2))
Công ước về Xúc tiến việc làm và Bảo vệ chống thất nghiệp, 1988 (Số 168)	Hợp tác xã: tạo và thúc đẩy tất cả các hình thức việc làm mang lại năng suất được lựa chọn tự do (Lời nói đầu)
Các khuyến nghị	
Khuyến nghị về Đảm bảo Thu nhập, 1944 (Số 67)	Các hội cùng lợi ích: cung cấp các quyền lợi bảo hiểm bổ sung (Đoạn 27(2))
Khuyến nghị về Tái thích ứng Nghề nghiệp (Người Khuyết tật), 1955 (Số 99)	Hợp tác xã hoặc các doanh nghiệp tương tự khác: việc làm cho người khuyết tật (Đoạn. 31(d))
Khuyến nghị về Bảo vệ Người lao động di cư (Các nước kém phát triển), 1955 (Số 100)	Trang trại chăn nuôi, ao cá và vườn chợ hoạt động trên cơ sở hợp tác xã và các cửa hàng bán lẻ do hợp tác xã cho người lao động điều hành: Cung cấp đầy đủ hàng tiêu dùng cho lao động di cư và gia đình họ với giá cả phải chăng (Đoạn 42(a), 43(a) và (b)) Các tổ chức tín dụng hợp tác xã: bảo vệ lao động nhập cư khỏi tình trạng cho vay nặng lãi (Đoạn. 49(b))
Khuyến nghị về Người dân Bản địa và Bộ lạc, 1957 (Số 104)	Hệ thống tín dụng hợp tác xã: góp phần xóa bỏ tình trạng nợ nần cho nông dân (Đoạn 7) Sản xuất, cung ứng và tiếp thị hợp tác xã: điều chỉnh các phương pháp hiện đại phù hợp với các hình thức sở hữu và sử dụng chung đất đai, sản xuất truyền thống cũng như các hệ thống dịch vụ cộng đồng và tương hỗ truyền thống (Đoạn 8) Hợp tác xã: góp phần thúc đẩy thủ công nghiệp và công nghiệp nông thôn (Đoạn 22(c))
Khuyến nghị về Nhà ở cho	Hợp tác xã xây dựng nhà ở: xây dựng nhà ở cho người lao

Văn kiện

Vai trò của nền KTXH&ĐK hoặc các thành phần của nền KTXH&ĐK

Người lao động, 1961 (Số 115)	động và gia đình người lao động (Đoạn 5 và 13(2)(b)) Hợp tác xã, hiệp hội nhà ở phi lợi nhuận tương tự và các hiệp hội nhà ở khác: cung cấp nhà ở cho người lao động (Đoạn 12(1) và 14) Các tổ chức hợp tác xã: hỗ trợ tài chính và xây dựng nhà ở cho người lao động (Đoạn 17)
Khuyến nghị về Chính sách Việc làm, 1964 (Số 122)	Hợp tác xã tiểu thủ công nghiệp và công nghiệp quy mô nhỏ: thích ứng với tiến bộ công nghệ và những thay đổi trong điều kiện thị trường, cung cấp việc làm mà không phụ thuộc vào các biện pháp bảo hộ hoặc đặc quyền có thể cản trở tăng trưởng kinh tế (Đoạn 26(b)) Tổ chức hợp tác xã trong sản xuất và tiếp thị: thúc đẩy việc làm có năng suất ở nông thôn (Đoạn 27(4))
Khuyến nghị về Đào tạo nghề (Ngư dân), 1966 (Số 126)	Hợp tác xã mua và sử dụng chung thuyền đánh cá: việc làm ngư nghiệp cho người học việc (Đoạn 7(d))
Khuyến nghị về các Tá điền và lĩnh canh, 1968 (Số 132)	Các thể chế hợp tác xã, chẳng hạn như hợp tác xã sản xuất, hợp tác xã chế biến nông sản, hợp tác xã tín dụng, hợp tác xã tiếp thị và hợp tác xã thu mua: nâng cao phúc lợi của tá điền, lĩnh canh và các nhóm người lao động nông nghiệp tương tự (Đoạn 21) Hợp tác xã tín dụng: cung cấp tín dụng chi phí thấp (Đoạn 22(3)(a))
Khuyến nghị về Tổ chức Người lao động Nông thôn, 1975 (Số 149)	Hợp tác xã: tạo điều kiện cho các tổ chức người lao động nông thôn đáp ứng trực tiếp nhu cầu của thành viên, đồng thời thúc đẩy sự tương thuộc thông qua tự lực về kinh tế (Đoạn 16(d))
Khuyến nghị về Phục hồi chức năng lao động và Việc làm (Người khuyết tật), 1983 (Số 168)	Các hợp tác xã được thành lập và phát triển bởi và vì người khuyết tật: cung cấp cơ hội việc làm và phục hồi chức năng lao động (Đoạn 11(e) và (f)) Các hợp tác xã trong tiểu thủ công nghiệp hoặc trong các hoạt động nông nghiệp, thủ công hoặc các hoạt động khác: phục hồi chức năng nghề nghiệp ở khu vực nông thôn (Đoạn 21(d))
Khuyến nghị về Chính sách việc làm (Các điều khoản bổ sung), 1984 (Số 169)	Hợp tác xã cho người lao động: cung cấp việc làm cho thanh niên và các nhóm, người có hoàn cảnh khó khăn (Đoạn 16(i)) Các hợp tác xã và hiệp hội nhỏ: tạo cơ hội việc làm, đặc biệt cho những lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (Đoạn 30)
Khuyến nghị về việc làm tại nhà, 1996 (Số 184)	Hợp tác xã: tổ chức của những người làm việc nhà (Đoạn 29(c))
Khuyến nghị về Tạo việc làm trong doanh nghiệp vừa và nhỏ, 1998 (Số 189)	Các sáng kiến hợp tác xã: các biện pháp bổ sung tiềm năng liên quan đến bảo hiểm xã hội (Đoạn 7(3)(b)) Các hiệp hội bảo lãnh tương hỗ: khả năng tiếp cận của các doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với tài chính và tín dụng trong các điều kiện thỏa đáng (Đoạn 14(3)) Hợp tác xã sản xuất và dịch vụ: trao đổi kinh nghiệm và chia sẻ nguồn lực cũng như rủi ro giữa các doanh nghiệp vừa và nhỏ

Văn kiện

Vai trò của nền KTXH&ĐK hoặc các thành phần của nền KTXH&ĐK

(Đoạn 16(3))

Khuyến nghị về Khuyến trợ các hợp tác xã, 2002 (Số 193)

Hợp tác xã: tạo thu nhập, cung cấp việc làm bền vững và thỏa đáng, giáo dục và đào tạo, tiết kiệm và đầu tư, cải thiện phúc lợi kinh tế xã hội, đóng góp vào phát triển con người bền vững, thiết lập và mở rộng một khu vực đặc biệt năng động và khả thi cho nền kinh tế, trong đó bao gồm các hợp tác xã, đáp ứng các nhu cầu kinh tế xã hội của cộng đồng (Đoạn 4)

Khu vực hợp tác xã, tương hỗ và khu vực xã hội, phi chính phủ khác: đóng góp cho một xã hội cân bằng (Đoạn 6)

Khuyến nghị về Chuyển đổi từ Kinh tế Phi chính thức sang Kinh tế Chính thức, 2015 (Số 204)

Hợp tác xã và các chủ thể KTXH&ĐK khác: tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế chính thức (Đoạn 11(g))

Khuyến nghị về Tuyển dụng và Việc làm thỏa đáng vì hòa bình và khả năng chống chịu, 2017 (Số 205)

Hợp tác xã và các sáng kiến kinh tế xã hội khác: cung cấp việc làm, việc làm thỏa đáng và cơ hội tạo thu nhập để phục hồi và xây dựng khả năng chống chịu (Đoạn 11(c))
